BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠO ĐỨC 5

SÁCH GIÁO VIÊN



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ TOAN (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
NGUYỄN THỊ HOÀNG ANH – NGUYỄN NGỌC DUNG – ĐẶNG XUÂN ĐIỀU

ĐẠO ĐỨC 5

SÁCH GIÁO VIÊN

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

HS	học sinh
GV	giáo viên
SGK	sách giáo khoa
SGV	sách giáo viên

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

LỜI NÓI ĐẦU

Kính thưa quý thầy, cô giáo!

Đạo đức 5 – Sách giáo viên là tài liệu dùng cho các thầy, cô dạy môn *Đạo đức 5*, biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2018.

Sách được biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh thông qua việc gắn kết kiến thức với thực tiễn và cách tổ chức hoạt động cho học sinh trong quá trình dạy học. Sách gồm hai phần:

PHẦN MỘT. HƯỚNG DẪN CHUNG

Hướng dẫn và định hướng giáo viên về: mục tiêu, nội dung chương trình môn *Đạo đức* và yêu cầu đối với môn *Đạo đức 5*; phương tiện dạy học; phương pháp dạy học; phương pháp kiểm tra, đánh giá môn *Đạo đức 5*; thiết kế kế hoạch dạy học và kế hoạch bài dạy *Đạo đức 5*.

PHẦN HAI. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CỤ THỂ

Hướng dẫn giáo viên xác định mục tiêu bài học; chuẩn bị thiết bị dạy học và học liệu cho bài học; hướng dẫn các hoạt động dạy học chủ yếu trong các bài cụ thể. Trên cơ sở những hướng dẫn này, các thầy cô có thể vận dụng linh hoạt và sáng tạo để tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường và đối tượng học sinh.

Hi vọng cuốn sách là tài liệu hướng dẫn dạy học hữu ích, giúp quý thầy, cô giáo đổi mới dạy học môn *Đạo đức 5* một cách hiệu quả. Mặc dù các tác giả đã rất cố gắng nhưng cuốn sách khó tránh khỏi những hạn chế nhất định. Kính mong quý thầy cô góp ý để sách được cập nhật và không ngừng hoàn thiện, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu dạy học môn *Đạo đức* của giáo viên và học sinh.

Trân trọng cảm ơn quý thầy cô!

CÁC TÁC GIẢ

MỤC LỤC

Trang

PHẦN MỘT. HƯỚNG DẪN CHUNG

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỦA MÔN ĐẠO ĐỨC 5

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC 5 10

III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC ĐẠO ĐỨC 5 15

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN ĐẠO ĐỨC 31

V. HƯỚNG DẪN THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY ĐẠO ĐỨC 34

PHẦN HAI. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CỤ THỂ

Chủ đề 1. BIẾT ƠN NHỮNG NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC 38

Bài 1: BIẾT ƠN NHỮNG NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC (4 tiết) 38

Chủ đề 2. TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT CỦA NGƯỜI KHÁC 46

Bài 2: TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT CỦA NGƯỜI KHÁC (3 tiết) 46

Chủ đề 3. VƯỢT QUA KHÓ KHĂN 52

Bài 3: VƯỢT QUA KHÓ KHĂN (4 tiết) 52

Chủ đề 4. BẢO VỆ CÁI ĐÚNG, CÁI TỐT 60

Bài 4: BẢO VỆ CÁI ĐÚNG, CÁI TỐT (3 tiết) 60

Chủ đề 5. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SỐNG 67

Bài 5: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SỐNG (4 tiết) 67

Chủ đề 6. LẬP KẾ HOẠCH CÁ NHÂN 76

Bài 6: LẬP KẾ HOẠCH CÁ NHÂN (4 tiết) 76

Chủ đề 7. PHÒNG, TRÁNH XÂM HẠI 84

Bài 7: PHÒNG, TRÁNH XÂM HẠI (5 tiết) 84

Chủ đề 8. SỬ DỤNG TIỀN HỢP LÍ 94

Bài 8: SỬ DỤNG TIỀN HỢP LÍ (4 tiết) 94

PHẦN MỘT

HƯỚNG DẪN CHUNG

I MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỦA MÔN ĐẠO ĐỨC

1.1. Mục tiêu

Ở cấp Tiểu học, môn Đạo đức giúp HS:

– Có hiểu biết ban đầu về chuẩn mực hành vi đạo đức, pháp luật và sự cần thiết thực hiện theo các chuẩn mực đó trong quan hệ với bản thân; với người khác; với công việc; với cộng đồng, đất nước, nhân loại; với môi trường tự nhiên.

– Bước đầu hình thành thái độ tự trọng, tự tin vào bản thân, có trách nhiệm với hành động của mình; yêu thương, tôn trọng con người; mong muốn đem lại niềm vui, hạnh phúc cho mọi người; đồng tình với cái thiện, cái đúng, cái tốt, không đồng tình với cái ác, cái sai, cái xấu.

– Bước đầu hình thành kĩ năng nhận xét, đánh giá hành vi của bản thân và những người xung quanh theo các chuẩn mực đã học; kĩ năng lựa chọn và thực hiện các hành vi ứng xử phù hợp trong các quan hệ và tình huống đơn giản, cụ thể của cuộc sống.

1.2. Nội dung và thời lượng

Môn Đạo đức xoay quanh 4 mạch nội dung giáo dục: Giáo dục đạo đức, giáo dục kĩ năng sống, giáo dục kinh tế, giáo dục pháp luật.

Nội dung khái quát môn Đạo đức cấp Tiểu học

Nội dung		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC	***Yêu nước***	Yêu thương gia đình	Quê hương em	Em yêu Tổ quốc Việt Nam	Biết ơn người lao động	Biết ơn những người có công với quê hương, đất nước

	Nhân ái	Quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình	Kính trọng thầy giáo, cô giáo và yêu quý bạn bè	Quan tâm hàng xóm láng giềng	Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn	Tôn trọng sự khác biệt của người khác
	Chăm chỉ	Tự giác làm việc của mình	Quý trọng thời gian	Ham học hỏi	Yêu lao động	Vượt qua khó khăn
	Trung thực	Thật thà	Nhận lỗi và sửa lỗi	Giữ lời hứa	Tôn trọng tài sản của người khác	Bảo vệ cái đúng, cái tốt
	Trách nhiệm	Sinh hoạt nền nếp Thực hiện nội quy trường, lớp	Bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình	Tích cực hoàn thành nhiệm vụ	Bảo vệ của công	Bảo vệ môi trường sống
GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG	***Kĩ năng nhận thức, quản lí bản thân***	Tự chăm sóc bản thân	Thể hiện cảm xúc bản thân	Khám phá bản thân	Thiết lập và duy trì quan hệ bạn bè	Lập kế hoạch cá nhân
	Kĩ năng tự bảo vệ	Phòng, tránh tai nạn, thương tích	Tìm kiếm sự hỗ trợ	Xử lí bất hoà với bạn bè		Phòng, tránh xâm hại
GIÁO DỤC KINH TẾ	***Hoạt động tiêu dùng***				Quý trọng đồng tiền	Sử dụng tiền hợp lí
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT	***Chuẩn mực hành vi pháp luật***		Tuân thủ quy định nơi công cộng	Tuân thủ quy tắc an toàn giao thông	Quyền và bổn phận trẻ em	

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Với thời lượng 35 tiết/năm học, 08 chủ đề được dạy trong 31 tiết (90%), 04 tiết còn lại (10%) dành cho kiểm tra, đánh giá. Tính mở của chương trình cho phép GV và nhà trường phân bổ số tiết dạy linh hoạt, không nhất thiết phải rải đều cả 35 tuần nhưng cần đảm bảo đủ thời lượng và các yêu cầu cần đạt của môn học.

1.3. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực

Chương trình giáo dục quy định, môn Đạo đức góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu và các năng lực chung, năng lực đặc thù theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định trong Chương trình tổng thể.

1.3.1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

1.3.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

1.3.3. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù:

– *Năng lực điều chỉnh hành vi:* gồm 3 năng lực cụ thể với những yêu cầu cần đạt sau:

+ *Nhận thức chuẩn mực hành vi*: 1/ Nhận biết được một số chuẩn mực hành vi đạo đức và pháp luật thường gặp phù hợp với lứa tuổi và sự cần thiết của việc thực hiện theo các chuẩn mực đó; 2/ Có kiến thức cần thiết, phù hợp để nhận thức, quản lí, tự bảo vệ bản thân và duy trì mối quan hệ hoà hợp với bạn bè; 3/ Nhận biết được sự cần thiết của giao tiếp và hợp tác; trách nhiệm của bản thân và của nhóm trong hợp tác nhằm đáp ứng các nhu cầu của bản thân và giải quyết các vấn để học tập, sinh hoạt hằng ngày.

+ *Đánh giá hành vi của bản thân và người khác:* 1/ Nhận xét được tính chất đúng – sai, tốt – xấu, thiện – ác của một số thái độ, hành vi đạo đức và pháp luật của bản thân và bạn bè trong học tập và sinh hoạt; 2/ Thể hiện được thái độ đồng tình với cái thiện, cái đúng, cái tốt; không đồng tình với cái ác, cái sai, cái xấu; 3/ Nhận xét được thái độ của đối tượng giao tiếp; một số đặc điểm nổi bật của các thành viên trong nhóm để phân công công việc và hợp tác.

+ *Điều chỉnh hành vi:* 1/ Tự làm được những việc của mình ở nhà, ở trường theo sự phân công, hướng dẫn; không dựa dẫm, ỷ lại vào người khác; 2/ Bước đầu biết điều chỉnh và nhắc nhở bạn bè điều chỉnh cảm xúc, thái độ, hành vi, thói quen của bản thân phù hợp với chuẩn mực hành vi đạo đức, pháp luật và lứa tuổi; không nói hoặc làm những điều xúc phạm người khác; không mải chơi, làm ảnh hưởng đến việc học và các việc khác; biết sửa chữa sai sót, khuyết điểm trong học tập và sinh hoạt hằng ngày; 3/ Thực hiện được một số hoạt động cần thiết, phù hợp để nhận thức, phát triển, tự bảo vệ bản thân và thiết lập, duy trì mối quan hệ hoà hợp với bạn bè; 4/ Bước đầu biết thực hành tiết kiệm và sử dụng tiền hợp lí.

– *Năng lực phát triển bản thân:* Năng lực phát triển bản thân gồm 3 năng lực cụ thể với những yêu cầu cần đạt sau:

+ *Tự nhận thức bản thân:* Nhận biết được một số điểm mạnh, điểm yếu của bản thân theo chỉ dẫn của GV và người thân.

+ *Lập kế hoạch phát triển bản thân: 1/* Nêu được các loại kế hoạch cá nhân, sự cần thiết phải lập kế hoạch cá nhân, cách lập kế hoạch cá nhân; 2/ Lập được kế hoạch cá nhân của bản thân.

+ *Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân: 1/* Thực hiện được các công việc của bản thân trong học tập và sinh hoạt theo kế hoạch đã đề ra với sự hướng dẫn của thầy giáo, cô giáo và người thân; 2/ Có ý thức học hỏi GV, bạn bè, người khác và học tập, làm theo những gương tốt để hoàn thiện, phát triển bản thân.

– *Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội:* Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội gồm 2 năng lực cụ thể với những yêu cầu cần đạt sau:

+ *Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội: 1/* Bước đầu nhận biết được một số khái niệm cơ bản về xã hội và quan sát xã hội; 2/ Bước đầu biết quan sát, tìm hiểu về gia đình, quê hương, đất nước, các hành vi ứng xử trong đời sống hằng ngày với sự giúp đỡ của thầy giáo, cô giáo và người thân; 3/ Nhận biết được vai trò của tiền; sự cần thiết phải bảo quản, tiết kiệm, sử dụng hợp lí tiền.

+ *Tham gia hoạt động kinh tế – xã hội: 1/* Bước đầu nêu được cách giải quyết và tham gia giải quyết được các vấn đề đơn giản, phù hợp với lứa tuổi về đạo đức, pháp luật, kĩ năng sống trong học tập và sinh hoạt hằng ngày; 2/ Có được cách cư xử, thói quen, nền nếp cơ bản, cần thiết trong học tập, sinh hoạt; 3/ Đề xuất được phương án phân công công việc phù hợp; thực hiện được nhiệm vụ của bản thân; biết trao đổi, giúp đỡ thành viên khác để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ trong nhóm theo sự phân công, hướng dẫn; 4/ Tham gia các hoạt động phù hợp với lứa tuổi do nhà trường, địa phương tổ chức.

1.4. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở môn Đạo đức lớp 5

Nội dung giáo dục		Chủ đề	Yêu cầu cần đạt
GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC ***(55%)***	Yêu nước	Biết ơn những người có công với quê hương, đất nước	– Kể được tên và đóng góp của những người có công với quê hương, đất nước. – Biết vì sao phải biết ơn những người có công với quê hương, đất nước. – Thể hiện được lòng biết ơn bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. – Nhắc nhở bạn bè có thái độ, hành vi biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

	Nhân ái	Tôn trọng sự khác biệt của người khác	– Kể được một số biểu hiện tôn trọng sự khác biệt (về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,...) của người khác. – Biết vì sao phải tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người. – Thể hiện được bằng lời nói, hành động, thái độ tôn trọng sự khác biệt của người khác. – Không đồng tình với những hành vi phân biệt đối xử vì sự khác biệt về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,...
	Chăm chỉ	Vượt qua khó khăn	– Nhận biết được những khó khăn cần phải vượt qua trong học tập và trong cuộc sống. – Kể được một số biểu hiện của vượt qua khó khăn. – Biết vì sao phải vượt qua khó khăn. – Biết vượt qua một số khó khăn của bản thân trong học tập và sinh hoạt. – Quý trọng gương vượt khó trong học tập và cuộc sống.
	Trung thực	Bảo vệ cái đúng, cái tốt	– Nhận biết được cái đúng, cái tốt cần bảo vệ. – Biết vì sao phải bảo vệ cái đúng, cái tốt. – Biết một số cách đơn giản để bảo vệ cái đúng, cái tốt. – Mạnh dạn bảo vệ cái đúng, cái tốt.
	Trách nhiệm	Bảo vệ môi trường sống	– Nêu được các loại môi trường sống. – Biết vì sao phải bảo vệ môi trường sống. – Biết bảo vệ môi trường sống ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng bằng những việc làm cụ thể phù hợp với khả năng. – Không đồng tình với những hành vi gây ô nhiễm môi trường; nhắc nhở người thân, bạn bè bảo vệ môi trường sống.
GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG ***(25%)***	Kĩ năng nhận thức, quản lí bản thân	Lập kế hoạch cá nhân	– Nêu được các loại kế hoạch cá nhân. – Biết vì sao phải lập kế hoạch cá nhân. – Biết cách lập kế hoạch cá nhân và lập được kế hoạch cá nhân để thực hiện các công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống.

	Kĩ năng tự bảo vệ	Phòng, tránh xâm hại	– Nêu được một số biểu hiện xâm hại. – Biết vì sao phải phòng, tránh xâm hại. – Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ em. – Thực hiện được một số kĩ năng để phòng, tránh xâm hại.
GIÁO DỤC KINH TẾ ***(10%)***	Hoạt động tiêu dùng	Sử dụng tiền hợp lí	– Nêu được biểu hiện của việc sử dụng tiền hợp lí. – Biết vì sao phải sử dụng tiền hợp lí. – Nêu được cách sử dụng tiền hợp lí. – Thực hiện được việc sử dụng tiền hợp lí. – Góp ý với bạn bè để sử dụng tiền hợp lí.
KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ (10%)			

II PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC 5

Phương tiện dạy học là công cụ để thực hiện phương pháp dạy học. Phương tiện dạy học môn Đạo đức là tập hợp các đối tượng được sử dụng để tổ chức, thực hiện các hoạt động dạy học Đạo đức. Phương tiện dạy học vừa chứa đựng nội dung dạy học vừa hỗ trợ GV vận dụng phương pháp đạt hiệu quả cao hơn, đồng thời giúp HS học tập môn Đạo đức thuận lợi, dễ dàng hơn.

Phương tiện dạy học môn Đạo đức 5 rất đa dạng, phong phú, bao gồm:

2.1. Sách giáo khoa Đạo đức 5

2.1.1. Quan điểm biên soạn

Trên cơ sở mục tiêu, yêu cầu cần đạt và khung chương trình môn học, SGK Đạo đức 5 được biên soạn đảm bảo: 1. *Tính pháp lí* (tuân thủ Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT, Thông tư 05/2022/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa SGK); 2. *Tính kế thừa* (kế thừa kinh nghiệm trong nước và quốc tế về viết SGK); 3. *Tính vừa sức* (phù hợp với đặc điểm của HS lớp 5); 4. *Tính hệ thống* (ma trận các chủ đề/bài học thống nhất, phát triển từ lớp 1 đến lớp 5); 5. *Tính tích hợp* (tích hợp nội môn giữa giáo dục đạo đức, giáo dục kĩ năng sống, tích hợp liên môn giữa Đạo đức với Tiếng Việt, Mĩ thuật, Âm nhạc, Tự nhiên và Xã hội, Hoạt động trải nghiệm,…); 6. *Tính phân hoá* (các nhiệm vụ học tập đa dạng được sắp xếp theo mức độ từ thấp đến cao); 7. *Tính đa dạng* (các thông tin, câu chuyện, tranh ảnh, bài tập tình huống,… phản ánh sự đa dạng của các vùng miền); 8. *Tính thực tiễn* (các tình huống, câu chuyện, bài tập,… được chắt lọc từ những tình huống tiêu biểu, xuất phát từ thực tiễn cuộc sống sinh động của HS); 9. *Tính hiện đại* (cập nhật và tận dụng nguồn tài liệu số hoá, tạo điều kiện cho sự linh hoạt, sáng tạo của GV và HS); 10. *Tính phát triển* (dựa trên lí thuyết

phát triển tâm lí HS tiểu học, quy trình dạy học trải nghiệm: Từ kinh nghiệm rời rạc – Quan sát phản tỉnh – Khái niệm hoá – Thử nghiệm, vận dụng tích cực); 11. *Tính hấp dẫn* (thông tin, hình ảnh chọn lọc, tiêu biểu và hình thức trình bày đẹp).

2.1.2. Cấu trúc SGK và cấu trúc bài học

– *Cấu trúc SGK:* SGK Đạo đức 5 được cấu trúc theo tinh thần của Thông tư 33/2017/TT-BGDĐT, bao gồm: Hướng dẫn sử dụng SGK, Lời nói đầu, Mục lục, Chủ đề/Bài học, Một số thuật ngữ dùng trong sách.

Từ yêu cầu cần đạt của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn Giáo dục công dân, sách thiết kế gồm 8 chủ đề/bài học:

STT	Chủ đề/bài học	Số tiết
1	Biết ơn những người có công với quê hương, đất nước	4
2	Tôn trọng sự khác biệt của người khác	3
3	Vượt qua khó khăn	4
4	Bảo vệ cái đúng, cái tốt	3
5	Bảo vệ môi trường sống	4
6	Lập kế hoạch cá nhân	4
7	Phòng, tránh xâm hại	5
8	Sử dụng tiền hợp lí	4

– *Cấu trúc mỗi chủ đề/bài học:*

Mỗi chủ đề/bài học gồm các hoạt động:

+ Khởi động: Huy động kiến thức, kinh nghiệm nền của HS liên quan đến bài học; giúp HS nhận ra những gì chưa biết và muốn biết; tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS.

+ Khám phá: HS chiếm lĩnh tri thức, kĩ năng mới thông qua các hoạt động học tập để trả lời các câu hỏi: Em cần phải làm gì? Vì sao phải làm thế? Làm như thế nào?

+ Luyện tập: Củng cố và hoàn thiện những kiến thức, kĩ năng đã khám phá được.

+ Vận dụng: Hướng dẫn HS tự giác vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống.

2.2. Sách giáo viên

Đạo đức 5 SGV là tài liệu hướng dẫn GV về mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp, phương tiện, tư liệu dạy học chung và từng bài trong chương trình.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Cấu trúc SGV Đạo đức 5 gồm hai phần chính:

Phần thứ nhất: Những vấn đề chung

Gồm những nội dung: Mục tiêu, nội dung và yêu cầu cần đạt của môn Đạo đức; Phương tiện dạy học; Phương pháp, kĩ thuật dạy học; Phương pháp kiểm tra, đánh giá.

Phần hai: Hướng dẫn dạy học các bài cụ thể

Trong phần này, từng bài được trình bày theo cấu trúc: Tên bài, thời lượng; Mục tiêu bài học; Đồ dùng dạy học; Các hoạt động dạy học chủ yếu.

Lưu ý: Những hoạt động, phương pháp, phương tiện dạy học trong từng bài chỉ có tính chất gợi ý. GV cần cụ thể hoá, linh hoạt, sáng tạo trong việc lựa chọn và vận dụng cho phù hợp với trình độ của HS và điều kiện của GV, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của địa phương.

2.3. Học liệu điện tử

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát triển các công cụ và học liệu điện tử giúp khai thác tối ưu giá trị của các bộ SGK nói chung và SGK Đạo đức 5 nói riêng qua nền tảng sách điện tử Tập huấn. Nền tảng này cho phép người dùng truy cập phiên bản số hoá của SGK mới và các học liệu điện tử bám sát chương trình, SGK, qua đó giúp phong phú hoá tài liệu dạy và học, đồng thời khuyến khích người dùng ứng dụng các công cụ công nghệ thông tin trong quá trình tiếp cận chương trình mới.

Tập huấn là nền tảng tập huấn GV trực tuyến của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, được truy cập tại tên miền: taphuan.nxbgd.vn. Tập huấn cung cấp tài liệu tập huấn GV với đa dạng nội dung và định dạng, nhằm hỗ trợ GV toàn quốc trong việc tiếp cận tài liệu tập huấn, hỗ trợ hướng dẫn giảng dạy chương trình SGK mới vào bất kì thời điểm nào trong năm học.

Như vậy, GV có thể truy cập tài liệu mọi lúc, mọi nơi với đa dạng các thiết bị điện tử, sử dụng trình chiếu trực tiếp trên lớp học; chủ động sử dụng nghiên cứu tại nhà, hỗ trợ cho quá trình biên soạn kế hoạch dạy học.

2.4. Thiết bị dạy học Đạo đức 5

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học. Căn cứ theo thông tư trên, NXBGDVN đã triển khai làm các thiết bị và học liệu cho môn Đạo đức 5 như sau:

STT	Chủ đề/bài học	Thiết bị
1	Biết ơn những người có công với quê hương đất nước	1. Bộ tranh Biết ơn những người có công với quê hương, đất nước, thể hiện nội dung: Hình ảnh HS thăm hỏi gia đình thương binh, liệt sĩ, người có công với cách mạng; Hình ảnh HS đóng góp cho Quỹ đền ơn đáp nghĩa.

		2. Video, clip minh hoạ: Cảnh HS tìm hiểu về những người có công với quê hương đất nước; Cảnh HS thăm hỏi, giúp đỡ gia đình thương binh, liệt sĩ, người có công.
2	Vượt qua khó khăn	Video, clip minh hoạ 02 tình huống: Tình huống gặp khó khăn trong học tập; Tình huống gặp khó khăn trong cuộc sống.
3	Bảo vệ cái đúng, cái tốt	Video, clip minh hoạ 02 tình huống: Tình huống bạn làm việc tốt nhưng lại bị các bạn khác phê phán; Tình huống bạn nói đúng nhưng không được người khác thừa nhận.
4	Bảo vệ môi trường sống	1. Bộ tranh về Bảo vệ môi trường: Tranh ảnh thể hiện hành vi biết/chưa biết bảo vệ môi trường sống: Chăm sóc cây xanh ở trường; Dọn vệ sinh đường làng, ngõ phố; Vứt rác xuống sông, hồ; Bỏ rác đúng nơi quy định; Tái chế rác thải. 2. Video, clip minh hoạ 02 tình huống: Tình huống xả rác xuống sông, hồ; Tình huống đốt rác thải nhựa gây ô nhiễm không khí.
5	Lập kế hoạch cá nhân	Video, clip minh hoạ 02 tình huống: Tình huống lập kế hoạch cho kì nghỉ hè của bản thân; Tình huống lập kế hoạch để cải thiện một môn học còn yếu.
6	Phòng tránh xâm hại	1. Bộ tranh về phòng, tránh xâm hại: ảnh thể hiện nội dung: Xâm hại về tinh thần (trẻ em bị mắng, chửi, miệt thị); Xâm hại về thể chất (trẻ em bị đánh đập); Bóc lột sức lao động (trẻ em bị bắt lao động quá sức); Bỏ rơi, sao nhãng; Xâm hại tình dục. 2. Video, clip minh hoạ một số cách phòng tránh nguy cơ bị xâm hại: Phòng tránh xâm hại về thể chất; Phòng tránh bị bóc lột sức lao động; Phòng tránh xâm hại tình dục.
7	Sử dụng tiền hợp lí	Bộ thẻ về mệnh giá các đồng tiền Việt Nam.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2.5. Một số phương tiện bổ trợ

Trong dạy học môn Đạo đức lớp 5, GV có thể sử dụng và khai thác các tranh ảnh; băng hình; phim về các hành vi, việc làm, về các tình huống đạo đức hoặc minh hoạ cho các câu chuyện đạo đức; các bảng viết; phiếu học tập; máy chiếu đa năng; máy tính; mô hình; vật mẫu; phiếu học tập; các phần mềm dạy học, băng đĩa, video clip minh hoạ truyện kể, tình huống đạo đức, bài giảng điện tử, máy tính, máy chiếu, ti vi, máy chiếu vật thể,…

Lưu ý:

– Dạy học Đạo đức theo tinh thần đổi mới phương pháp khuyến khích tăng cường sử dụng các thiết bị, phương tiện trong quá trình dạy học, tránh khuynh hướng dạy chay. Các phương tiện, thiết bị này là điều kiện để đổi mới phương pháp dạy học, tăng tính hấp dẫn, hứng thú học tập của HS.

– Coi trọng việc sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học để hỗ trợ quá trình nhận thức trực quan của HS nhưng phải đúng lúc, đúng chỗ, thực sự có hiệu quả, tránh hình thức, tránh lạm dụng gây phản tác dụng, làm giảm hiệu quả của quá trình dạy học.

– Tạo điều kiện để HS được thực hành, thao tác trên các phương tiện, thiết bị dạy học, qua đó giúp HS trải nghiệm, khám phá, phát hiện kiến thức một cách chủ động, tích cực; rèn luyện kĩ năng tìm tòi, giải quyết vấn đề sáng tạo, góp phần phát triển năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân.

– Khuyến khích sử dụng các phương tiện hiện đại đồng thời coi trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thống để giúp HS hứng thú, tích cực học tập hơn, đồng thời giúp GV tiết kiệm thời gian, nâng cao hiệu quả dạy học.

– Khuyến khích sử dụng thiết bị dạy học tự làm của GV và HS, không chỉ có ý nghĩa bổ sung kịp thời các phương tiện, thiết bị dạy học mà còn góp phần thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực cho HS.

– Sử dụng linh hoạt, phối hợp các thiết bị dạy học.

III PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC ĐẠO ĐỨC 5

3.1. Đặc điểm của phương pháp dạy học môn Đạo đức phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

3.1.1. Chú trọng việc tự học của học sinh

Về bản chất, dạy học là quá trình HS biến những giá trị xã hội thành giá trị cá nhân dưới sự tổ chức, điều khiển, hướng dẫn, hỗ trợ của GV. Do đó, để bảo đảm học tập thành

công, HS phải có phương pháp tự học đúng đắn. Trong việc tự học, HS đóng vai trò chủ thể tích cực với những biểu hiện như:

– Xác định được mục tiêu hoạt động của mình một cách phù hợp, từ đó, lập kế hoạch và huy động các nguồn lực, thời gian để đạt được mục tiêu.

– Tập trung, say mê, hăng hái, mong muốn, yêu thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh mình, tích cực tham gia các hoạt động được tổ chức.

– Ham thích vận dụng, ứng dụng những điều chiếm lĩnh được qua học tập vào thực tiễn;... phát hiện và tự lực giải quyết các vấn đề trong cuộc sống hằng ngày, nhờ đó, dễ dàng thích ứng với cuộc sống xung quanh.

– Ước muốn, sẵn sàng trình bày, tranh luận, bảo vệ kết quả hoạt động của mình.

– Luôn tự đánh giá việc học tập của mình, trong đó, phát hiện những hạn chế (nếu có) và thực hiện việc khắc phục để tiến bộ.

– Có thói quen tự giác học tập ở mọi nơi, mọi lúc mà không cần sự tác động của những người xung quanh và có nhu cầu, năng lực tự học suốt đời.

Trong quá trình tổ chức một hoạt động, vai trò của HS thể hiện qua các khâu, các bước khác nhau như sau: 1/ Lập kế hoạch hoạt động; 2/ Tiến hành các hoạt động; 3/ Kiểm tra quá trình thực hiện hoạt động; 4/ Trình bày, báo cáo kết quả hoạt động; 5/ Đánh giá quá trình tham gia, thực hiện hoạt động.

Để HS có thể tự học có hiệu quả, các em cần được học tập trong một môi trường thuận lợi: được cung cấp phương tiện, được tổ chức tốt, được mở rộng không gian học tập, được GV định hướng, hướng dẫn, giúp đỡ, hỗ trợ đi theo con đường hợp lí nhất, được hoạt động trong bầu không khí thân thiện với cảm giác thoải mái,...

Việc học nói chung và tự học nói riêng của HS không thể thiếu vai trò tổ chức, định hướng, hướng dẫn, giúp đỡ, hỗ trợ của GV, thể hiện qua những hành động sư phạm như:

– Thiết kế hoạt động phù hợp, từ đó, định hướng hoạt động cho HS.

– Tổ chức, điều khiển, hướng dẫn HS tiến hành các hoạt động.

– Kiểm tra quá trình tham gia, thực hiện hoạt động của HS, phát hiện những lỗi, khó khăn, vướng mắc mà các em gặp phải để giúp đỡ, hỗ trợ kịp thời.

– Hướng dẫn HS trình bày, báo cáo kết quả hoạt động của mình.

– Đánh giá và hướng dẫn HS tự đánh giá quá trình tham gia, thực hiện hoạt động, trong đó, giúp các em tự phát hiện ra những sai sót, hạn chế, định hướng cho HS tự khắc phục để tiến bộ.

Như vậy, theo bài học phát triển năng lực, GV không làm thay cho HS, không cung cấp hay nhồi nhét, áp đặt những kiến thức có sẵn cho các em, không bày sẵn các dạng bài mẫu,... mà đặt các em vào vị thế chủ thể tích cực, sáng tạo.

3.1.2. Quá trình học tập được tổ chức qua các hoạt động của học sinh

Những hoạt động được tổ chức phải là dành cho HS, của HS (mà không phải của GV) nhằm mục tiêu phát triển năng lực HS với những phương pháp dạy học tích cực như: giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm, điều tra, tổ chức trò chơi, dự án,...

Thông thường, theo logic nhận thức, một bài học có thể được tổ chức qua các hoạt động như: 1/ Hoạt động khởi động: HS chia sẻ, "hâm nóng" những kiến thức, kĩ năng liên quan bài học đạo đức, kinh nghiệm sống sẵn có, kích hoạt tư duy của mình cho bài học mới, tạo ra không khí học tập vui vẻ, thân thiện, gần gũi;... 2/ Hoạt động khám phá, hình thành tri thức: HS giải quyết một vấn đề cụ thể, từ đó, khái quát hoá, tổng hợp kết quả thành kiến thức bài học đạo đức; 3/ Hoạt động luyện tập: HS làm các bài tập để củng cố kiến thức; 4/ Hoạt động vận dụng: HS ứng dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn để giải quyết các vấn đề liên quan bài học đạo đức, thực hiện các hành vi đạo đức ở gia đình, ở trường và ở nơi công cộng,...

Qua các hoạt động trên, HS chiếm lĩnh được kiến thức đạo đức, hình thành được thái độ, tình cảm và kĩ năng, hành vi đạo đức, phát triển được những phẩm chất, năng lực tương ứng.

3.1.3. Coi trọng việc phát triển tư duy của học sinh

Trong dạy học, việc phát triển tư duy HS rất quan trọng, bởi vì nhờ có tư duy mà HS mới có khả năng tự tìm tòi, phát hiện, tự làm giàu vốn kiến thức của mình, tự vận dụng vào thực tiễn cuộc sống, làm chủ được bản thân trong môi trường cuộc sống đa dạng, nhờ đó, các em phát triển được các phẩm chất, năng lực đa dạng. Do đó, bài học đạo đức phát triển phẩm chất, năng lực HS đòi hỏi GV tổ chức cho HS giải quyết các vấn đề đa dạng trên cơ sở sử dụng các thao tác tư duy phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát hoá, trừu tượng hoá. Qua đó, HS không những tự phát hiện ra kiến thức, hình thành được kĩ năng, mà còn nắm được phương pháp, con đường đi đến các kết quả đó và phát triển tư duy cùng với những năng lực khác nhau. Hay nói cách khác, ở đây, GV không trực tiếp dạy kiến thức, kĩ năng mà dạy tư duy, tức là cách tìm kiếm, con đường đi từ kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm đã biết đến kiến thức, kĩ năng mới qua việc giải quyết các vấn đề và nhờ đó, các em phát triển được các năng lực khác nhau, nhất là năng lực tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo,... Có thể nói, tư duy vừa là một phần của mục tiêu dạy học, vừa là phương tiện không chỉ giúp HS phát triển được các phẩm chất, năng lực, và tự học suốt đời.

Tư duy của HS được phát triển qua các hoạt động khác nhau. Do đó, khi tổ chức những hoạt động này, GV cần đưa ra các vấn đề cho HS giải quyết. Từ việc giải quyết tình huống, HS khái quát hoá kết quả này thành bài học đạo đức.

3.1.4. Chú trọng khai thác, tổ chức hoạt động trải nghiệm của học sinh

Đạo đức của con người nói chung và của HS tiểu học nói riêng luôn gắn với cuộc sống thực hằng ngày. Do đó, trong quá trình dạy học môn Đạo đức, trải nghiệm cuộc sống của các em được đặc biệt coi trọng.

Trong học tập dựa vào trải nghiệm, HS được trực tiếp tiếp xúc với thực tiễn cuộc sống xung quanh mình ở gia đình, nhà trường, cộng đồng, nơi công cộng. Khi đó, các em sử dụng các giác quan khác nhau để quan sát, tác động đến thực tiễn như: nhìn thấy các sự vật, sự việc liên quan các bài học đạo đức, nghe lời nói của mọi người, thực hiện hành vi đối với các đối tượng khác nhau,... Qua đó, HS khái quát hoá, tổng hợp những cảm nhận thông thường, những gì mình quan sát được thành tri thức đạo đức, đối chiếu tri thức được học qua các bài học với thực tiễn phong phú), vận dụng kiến thức để trải nghiệm qua các tình huống đạo đức giả định, ứng dụng tri thức vào cuộc sống hằng ngày để làm rõ, điều tra, tìm hiểu các sự vật, sự việc liên quan bài học đạo đức, thực hiện hành vi đạo đức trong cuộc sống,...

Dạy học đạo đức dựa vào trải nghiệm được thực hiện qua các khâu sau:

- Khai thác vốn kinh nghiệm sống, giúp HS chia sẻ, bộc lộ những trải nghiệm trước đây của mình liên quan bài học mới.
- Tổ chức cho HS trải nghiệm (thông thường qua hoạt động sắm vai hoặc quan sát thực tiễn cuộc sống) trong giờ học.
- Giúp HS khái quát hoá, tổng hợp những hiểu biết, kinh nghiệm sống của mình thành tri thức đạo đức.
- Tổ chức cho HS các hoạt động, nhất là hoạt động thực tiễn, nhằm giúp các em vận dụng kiến thức đạo đức vào việc tìm hiểu thực tiễn, giải quyết các vấn đề cuộc sống, thực hiện hành vi đạo đức trong cuộc sống hằng ngày của mình.

3.2. Một số phương pháp, kĩ thuật dạy học môn Đạo đức đặc trưng phát triển năng lực học sinh

3.2.1. Phương pháp kể chuyện

- *Khái niệm:* Kể chuyện là phương pháp dùng lời để thuật lại truyện kể, từ đó rút ra bài học giáo dục.
- *Các bước tiến hành*

* Chuẩn bị:

+ GV lựa chọn câu chuyện phù hợp với chủ đề/bài học, khả năng tiếp thu của HS, gây được hứng thú, có tác dụng giáo dục.

+ Xác định tư tưởng giáo dục chủ đạo, các tình tiết, tình huống cơ bản, đặc điểm nhân vật.

+ Tập kể chuyện trôi chảy.

+ Lựa chọn phương tiện trực quan minh hoạ cho truyện kể (tranh ảnh, video,…).

* Kể chuyện:

+ GV giới thiệu khái quát về truyện kể nhằm định hướng cho HS nội dung câu chuyện.

+ GV/HS kể chuyện, kết hợp với việc trình bày trực quan.

* Phân tích truyện kể:

– GV nêu câu hỏi liên quan đến truyện kể để khai thác biểu tượng về chuẩn mực hành vi. Bước này thường được thực hiện bằng phương pháp đàm thoại, thảo luận nhóm.

– Yêu cầu sư phạm:

+ GV cần nắm vững nội dung, tư tưởng chủ đạo và bài học giáo dục của truyện.

+ Để việc kể chuyện tự nhiên, sinh động, GV/HS cần nhập vai, dùng ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu, gợi cảm, kết hợp với các phương tiện trực quan.

Gợi ý: Để hình thành và phát triển năng lực cho HS, GV cần tạo điều kiện cho HS tham gia kể chuyện ở những mức độ khác nhau.

* **Ví dụ**: Kể chuyện "Cây cọ nhí" (Bài 2: Tôn trọng sự khác biệt)

– GV hướng dẫn HS đọc truyện trong SGK.

– HS đọc truyện (đọc thầm).

– HS làm việc theo nhóm đôi để trả lời câu hỏi:

+ *Thái độ của các cây cọ khác đối với cọ nhí thể hiện điều gì?*

+ *Vì sao các cây cọ khác lại cảm thấy hối hận?*

– Với mỗi câu hỏi, GV mời một vài HS trả lời.

– Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có ý kiến khác).

– GV nhận xét, kết luận:

+ Thái độ coi thường của các cây cọ khác đối với cây cọ nhí thể hiện thái độ thiếu tôn trọng sự khác biệt của người khác.

+ Các cây cọ khác cảm thấy hối hận vì nhận ra cọ nhí tuy nhỏ bé nhưng cũng có sứ mệnh của riêng mình, đó là làm cho bức tranh của ông đồ trở nên sống động hơn.

– GV tiếp tục nêu yêu cầu: *Nêu những lí do cần phải tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người.*

– HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi.

– GV nhận xét, kết luận: Cần tôn trọng sự khác biệt vì mỗi người có những nét riêng, không giống với những người khác và chính điều này tạo nên sự đa dạng của cuộc sống. Tôn trọng sự khác biệt của người khác sẽ giúp chúng ta xây dựng và duy trì được các mối quan hệ tốt đẹp, thân thiện với bạn bè và mọi người xung quanh.

3.2.2. Phương pháp thảo luận nhóm

– *Khái niệm*: Thảo luận nhóm là phương pháp tổ chức cho HS trao đổi với nhau theo nhóm nhỏ để đưa ra ý kiến chung của nhóm về giải quyết vấn đề liên quan đến bài học đạo đức.

Đặc trưng của phương pháp này là HS trao đổi, thảo luận, thậm chí tranh luận với nhau trong nhóm nhỏ để thực hiện nhiệm vụ học tập, giải quyết vấn đề bài học, từ đó phát hiện được kiến thức hay hình thành được kĩ năng theo mục tiêu đề ra. Kết quả này là sự nỗ lực chung, là sự phối hợp, hợp tác, chia sẻ của các thành viên trong nhóm.

– *Các bước tiến hành*

Bước 1: Chuẩn bị

+ Xác định nội dung thảo luận: Căn cứ vào mục tiêu bài học, mục tiêu của hoạt động, khả năng của HS, điều kiện thực hiện (thời gian, phương tiện,...), GV xác định nội dung thảo luận cho phù hợp như: phân tích truyện kể để rút ra bài học đạo đức, làm rõ bản chất của chuẩn mực hành vi (sự cần thiết và cách thực hiện chuẩn mực hành vi), nhận xét hành vi, xử lí tình huống đạo đức,...

+ Dự kiến đáp án và khả năng, kết quả thảo luận của HS: Nhìn chung, GV không nên kì vọng rằng mọi nhóm HS đều thành công trong việc giải quyết vấn đề khi thảo luận, mà phải chấp nhận một điều rằng có thể có những nhóm đạt được kết quả như mong muốn, có một vài nhóm chỉ đạt được một số kết quả, thậm chí có nhóm mắc sai lầm,...

+ Chuẩn bị phương tiện: Phương tiện thảo luận nhóm phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: nội dung bài học, khả năng của HS, điều kiện của trường, của lớp,... Những phương tiện này có thể là SGK, vở bài tập, phiếu thảo luận nhóm, máy tính, máy chiếu,...

Dự kiến việc tổ chức nhóm HS:

+ Về số lượng, có hai phương án tối ưu: nhóm cặp đôi (2 HS) và nhóm vuông (4 HS).

+ Về trình độ, các nhóm là tương đương nhau, tạo ra sự đồng đều, cân sức, do đó, trong nhóm nên có những HS với trình độ, học lực khác nhau,...

+ Về vị trí ngồi, cần bố trí các em ngồi theo quy tắc "gần nhau" và "đối diện nhau".

+ Về nhóm trưởng và thư kí, nên để HS thay phiên nhau làm nhiệm vụ, trong đó, những em có năng lực tốt hơn "gương mẫu" làm trước để những bạn khác học tập kinh nghiệm.

Ngoài ra, GV còn phải dự kiến thời gian dành cho thảo luận.

Bước 2: Tiến hành thảo luận

Bước này được thực hiện trên lớp khi GV tổ chức cho HS hoạt động tương ứng theo trình tự như sau:

– Thông báo nội dung và giao nhiệm vụ thảo luận: GV chia lớp thành các nhóm thích hợp, thông báo nội dung, giao nhiệm vụ, hướng dẫn HS cách thực hiện và có thể giới hạn khoảng thời gian dành cho thảo luận; phát phiếu thảo luận cho các nhóm (nếu cần).

– Các nhóm độc lập thảo luận: Nhóm trưởng nêu nội dung cần thảo luận, các cá nhân phát biểu ý kiến và trao đổi tính hợp lí của từng ý kiến, đi đến thống nhất ý kiến chung của nhóm; thư kí ghi lại kết quả thảo luận.

Trong khi các nhóm HS thảo luận, GV quan sát, bao quát, tiếp cận tất cả các nhóm để nắm bắt sự tham gia quá trình thảo luận của các thành viên mỗi nhóm, bảo đảm rằng tất cả HS đều tích cực tham gia việc thảo luận, giúp đỡ những nhóm gặp khó khăn nếu cần.

Bước 3: Trình bày kết quả và tổng kết

+ HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp: Theo từng nội dung, đại diện một số nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình (nên để những nhóm có kết quả sai, thiếu chính xác trình bày trước; các nhóm có kết quả đúng trình bày sau; sau mỗi ý kiến, GV khuyến khích HS bằng câu hỏi "Nhóm nào có ý kiến khác/kết quả khác/suy nghĩ khác/cách làm khác,..."); các nhóm khác nêu ý kiến khác, tranh luận hoặc bổ sung (nếu có).

+ Tổng kết việc thảo luận: GV tổng kết ngắn gọn về kết luận chung theo từng nội dung thảo luận (HS có thể làm việc này). GV có thể khen ngợi hay nhắc nhở thái độ làm việc, những biểu hiện của các năng lực giao tiếp và hợp tác, sự sáng tạo của các nhóm trong quá trình thảo luận.

* **Ví dụ**: Tình huống ở Bài 8: Sử dụng tiền hợp lí: *"Món đồ em yêu thích được giảm giá. Nhưng nếu mua nó, em phải dùng hết số tiền em đang có".*

– GV hướng dẫn HS đọc tình huống, thảo luận nhóm 4 để đưa ra cách xử lí tình huống.

– HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn HS khi cần thiết.

– GV mời đại diện mỗi nhóm lên trình bày về cách xử lí 1 tình huống. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung hoặc đặt câu hỏi cho nhóm bạn.

– GV nhận xét, gợi ý cách xử lí tình huống: Có một số cách xử lí khác nhau: 1/ Nếu em không có nhu cầu thực sự về món đồ đó (do đã có món đồ tương tự chẳng hạn), mà chỉ bị hấp dẫn bởi việc giảm giá thì em không nên dành hết tiền để mua nó. 2/ Trong trường hợp đó là món đồ thật sự cần thiết thì em có thể xin phép bố mẹ được mua món đồ đó.

3.2.3. Phương pháp tổ chức trò chơi

– *Khái niệm*: Tổ chức trò chơi là phương pháp tổ chức cho HS thực hiện những thao tác, hành động phù hợp với bài học đạo đức thông qua trò chơi.

+ Các trò chơi được vận dụng trong dạy học khá đa dạng: "Rung chuông vàng", "Lật mảnh ghép", "Ngôi sao may mắn", "Ai là triệu phú",...

+ Phương pháp này có thể được vận dụng để tổ chức các hoạt động hình thành tri thức đạo đức hay thực hành cho HS.

– *Các bước tiến hành*

Bước 1: Chuẩn bị

+ Thiết kế trò chơi:

Căn cứ vào tính chất và mục tiêu của bài học, khả năng và kinh nghiệm của HS, phương tiện vật chất cần thiết, quỹ thời gian dành cho hoạt động tương ứng,... GV thiết kế trò chơi phù hợp. Đối với một trò chơi, thông thường, GV cần làm rõ: 1/ Mục tiêu của trò chơi; 2/ Tên trò chơi; 3/ Nội dung; 4/ Người tham gia; 5/ Cách chơi, cách tiến hành; 6/ Người đánh giá và cách đánh giá; 7/ Phương tiện phục vụ trò chơi; 8/ Thời gian chơi; 9/ Dự kiến những HS tham gia trò chơi (nên ưu tiên cho những em rụt rè, nhút nhát, chưa có kĩ năng tham gia, thực hiện trò chơi); đối với những trò chơi mang tính đồng đội, cần bảo đảm sự cân sức hợp lí giữa các đội chơi và thành phần HS trong đội nên ở nhiều trình độ.

+ Chuẩn bị phương tiện phục vụ cho trò chơi: Những phương tiện này có thể do GV chuẩn bị hoặc giao cho HS chuẩn bị ở nhà và mang tới lớp, hoặc có sẵn ở phòng đồ dùng dạy học,...

+ Ngoài ra, GV cần dự kiến khả năng thực hiện của HS, những HS làm trọng tài, tham gia ban giám khảo (nếu cần),...

Bước 2: Tiến hành

+ GV chia lớp thành các nhóm thích hợp (tối ưu 2 hoặc 4 em), giúp HS nắm vững trò chơi, như: tên trò chơi, nội dung, cách chơi, luật chơi,...

+ GV chọn HS tham gia trò chơi (ví dụ chọn 2 đội tham gia), giới thiệu trọng tài, ban giám khảo (nếu có),...

+ HS thảo luận với nhau về thực hiện trò chơi (nếu cần).

+ Trò chơi được tiến hành theo dự kiến.

Bước 3: Tổng kết, đánh giá

Sau khi trò chơi kết thúc, GV cùng HS đánh giá việc thực hiện trò chơi và rút ra kết luận thích hợp.

+ GV hướng dẫn HS đánh giá việc thực hiện trò chơi, như: trò chơi có được thực hiện đúng quy tắc không, có phù hợp với bài học không, có thể rút ra được điều gì qua trò chơi này,...

+ GV nhận xét, đánh giá chung và tuyên bố nhóm (hay cá nhân) thắng cuộc (nếu có).

Ví dụ: Trò chơi "Bạn ấy là ai?" (Bài 2: Tôn trọng sự khác biệt của người khác)

– GV giới thiệu trò chơi "Bạn ấy là ai?"

– GV phổ biến luật chơi: Lần lượt 3 – 4 HS được mời lên trước lớp để mô tả điểm đặc biệt về ngoại hình, tính cách, sở thích,… của một bạn bất kì. Các bạn còn lại sẽ đoán xem đó là ai.

– HS tham gia trò chơi dưới sự điều khiển của GV hoặc HS đóng vai trò quản trò.

– Kết thúc trò chơi, GV mời một số HS nhận xét, đánh giá.

3.2.4. Phương pháp đóng vai

– *Khái niệm:* Đóng vai là phương pháp HS thực hành, "làm thử" một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định.

– *Các bước tiến hành*

+ GV giới thiệu tình huống.

+ Các nhóm thảo luận, xây dựng kịch bản và phân công đóng vai.

+ Các nhóm lên đóng vai.

+ HS nhận xét, đánh giá.

+ GV nhận xét, kết luận.

– *Yêu cầu sư phạm*

+ Tính mục đích của tình huống phải thật rõ ràng.

+ Tình huống phải dễ đóng vai, không nên quá phức tạp.

+ Mọi HS đều được tham gia vào quá trình thảo luận, xây dựng kịch bản, được đóng vai hoặc phục vụ cho việc đóng vai của các bạn trong nhóm. Nên khích lệ cả những HS nhút nhát cùng tham gia. Trong khi các nhóm thảo luận, xây dựng kịch bản, GV cần đến từng nhóm quan sát, lắng nghe, kịp thời phát hiện những khó khăn, lúng túng của HS để hỗ trợ, điều chỉnh kịp thời.

*** Ví dụ:**

– Đóng vai bày tỏ ý kiến/nhận xét hành vi trong hoạt động Luyện tập của các bài. Chẳng hạn, trong Bài 6 "Lập kế hoạch cá nhân", GV có thể mời một số HS đóng vai bày tỏ ý kiến: "*Kế hoạch cá nhân chỉ thực sự cần thiết đối với người đã đi làm. Bạn có đồng tình với ý kiến của tớ không? Nếu bạn nào đồng tình thì giơ thẻ xanh, nếu bạn nào không đồng tình thì giơ thẻ đỏ.*" Sau khi nhận được ý kiến đồng tình/không đồng tình của các bạn trong lớp, HS đó có thể hỏi các bạn giải thích lí do vì sao mình lại lựa chọn như vậy.

– GV có thể tổ chức cho HS thảo luận nhóm, xây dựng kịch bản và đóng vai thể hiện nội dung tình huống và đưa ra cách giải quyết phù hợp. Ví dụ: Trong Bài 4: Bảo vệ cái đúng, cái tốt, GV có thể cho HS làm việc nhóm, xây dựng kịch bản, đóng vai xử lí tình huống: *Thấy bà bán hàng đánh rơi tiền, Hà nhặt lên và đưa lại cho bà. Nga trách Hà: "Nếu cậu không trả tiền cho bà thì bây giờ chúng mình có tiền mua kem rồi." Nếu là bạn của Nga và Hà, em sẽ nói gì?*

3.2.5. Phương pháp điều tra

– *Khái niệm*: Điều tra là phương pháp tổ chức cho HS tìm hiểu thực trạng những sự vật, hiện tượng xung quanh trong thực tiễn cuộc sống các em liên quan đến bài học đạo đức.

Khi điều tra, HS phải thâm nhập thực tế, quan sát hiện trạng, đối chiếu nội dung bài học với thực tiễn cuộc sống, đánh giá thực trạng đó, thu thập được những thông tin, số liệu cần thiết về thực trạng, xác định nguyên nhân, và từ đó đề ra những biện pháp giải quyết,...

– *Các bước tiến hành*

Bước 1: Chuẩn bị

Trong quá trình chuẩn bị, GV cần xác định, dự kiến những mặt sau:

+ Xác định nội dung điều tra:

GV cần căn cứ vào tính chất và mục tiêu của bài học, khả năng và kinh nghiệm của HS, điều kiện thực tế xung quanh,... để xác định nội dung điều tra cho phù hợp. Nội dung điều tra có thể gồm: 1/ Thực trạng của sự vật, hiện tượng liên quan đến bài học; 2/ Nguyên nhân gây nên thực trạng đó; 3/ Những biện pháp cải thiện thực trạng (nếu cần); 4/ Cách tiến hành điều tra của HS (Căn cứ vào nội dung điều tra, khả năng của HS, điều kiện thực tế,... GV gợi ý cho các em những cách tiến hành điều tra và thu thập thông tin liên quan như: quan sát các sự vật, hiện tượng, phỏng vấn, hỏi những người có hiểu biết, thu thập hiện vật, chụp ảnh những sự vật, hiện tượng,...). Ngoài ra, GV còn hướng dẫn HS cách ghi chép thông tin điều tra được, những cảnh cần chụp (nếu sử dụng máy ảnh, điện thoại để chụp ảnh),...

+ Chuẩn bị phương tiện điều tra: Để giúp HS ghi lại kết quả cho thuận lợi, nên có phiếu điều tra được thiết kế thích hợp.

Ví dụ: Khi học Bài 5: Bảo vệ môi trường sống, GV có thể cho HS làm việc nhóm để điều tra, tìm hiểu về thực trạng bảo vệ môi trường ở trường học hoặc khu vực xung quanh nơi các em ở (qua quan sát, phỏng vấn), từ đó đề xuất biện pháp khắc phục/ phát huy (GV hướng dẫn HS viết phiếu điều tra, ghi chép, nhận xét và báo cáo trước lớp trong giờ học Đạo đức tuần sau). Phiếu điều tra có thể được thiết kế như sau.

Lớp: .....

Nhóm: .....

PHIẾU ĐIỀU TRA

Bài 5: Bảo vệ môi trường sống

Các em hãy điều tra, tìm hiểu, nhận xét về thực trạng bảo vệ môi trường ở trường học hoặc khu vực xung quanh nơi các em ở và ghi vào phiếu:

1. Địa điểm khảo sát: .....

2. Thực trạng: .....

– Điểm tốt: .....

– Điểm chưa tốt: .....

2. Đề xuất giải pháp khắc phục/phát huy: .....

.....

.....

Nhận xét của GV

Nhóm trưởng kí tên

Nếu có điều kiện, HS có thể nhờ người lớn sử dụng máy ảnh, điện thoại để ghi lại những hình ảnh cần thiết.

+ Dự kiến thời gian tiến hành điều tra: Căn cứ vào mục tiêu bài học, mục đích sử dụng kết quả điều tra, vị trí của đối tượng,... GV có thể tổ chức cho HS điều tra vào những thời điểm khác nhau, trước khi, trong khi và sau khi học bài đạo đức đó.

+ Dự kiến địa điểm điều tra: Địa điểm điều tra phải có đối tượng phù hợp với nội dung điều tra, phải an toàn với HS tiểu học, không quá xa đối với các em,... Trong trường hợp cần thiết, GV nên tìm hiểu địa điểm này trước.

+ Dự kiến hình thức tổ chức điều tra: Căn cứ vào tính chất công việc, nội dung điều tra, khả năng của HS,... GV dự kiến hình thức phù hợp, như: tổ, nhóm hay cá nhân.

+ Dự kiến cách đánh giá quá trình và kết quả điều tra: Tuỳ thuộc vào ý đồ sư phạm, GV có thể lựa chọn một hay phối hợp một số cách đánh giá sau: 1/ HS trình bày kết quả điều tra khi GV kiểm tra bài cũ ở tiết học sau (nếu HS điều tra sau tiết học trước); 2/ HS sử dụng kết quả điều tra để liên hệ thực tế trước lớp (nếu HS điều tra trước tiết học này); 3/ HS nộp các phiếu điều tra, báo cáo (cùng kết quả); GV nhận xét; 4/ HS báo cáo kết quả điều tra trước lớp. Bên cạnh đó, HS còn tự đánh giá quá trình các thành viên trong nhóm thực hiện nhiệm vụ được giao. Ngoài ra,

GV còn phải dự kiến kết quả điều tra của HS (những thông tin cụ thể, các phiếu điều tra, báo cáo cần hoàn thành, hiện vật cần thu thập,...), dự kiến phối hợp các lực lượng giáo dục để hỗ trợ, đánh giá HS trong quá trình điều tra,...

Bước 2: Giao nhiệm vụ

GV giúp HS nắm vững:

+ Nội dung điều tra.

+ Yêu cầu về kết quả, sản phẩm cần hoàn thành.

+ Cách tiến hành công việc điều tra, cách ghi chép kết quả vào các phiếu.

+ Phương tiện cần thiết cho việc điều tra.

+ Địa điểm điều tra.

+ Thời gian và thời hạn hoàn thành công việc điều tra, các loại phiếu liên quan.

+ Dự kiến cách đánh giá (HS nộp phiếu điều tra, báo cáo (nếu có) trước lớp,...).

Sau đó, GV giao nhiệm vụ cho HS theo hình thức đã dự kiến và phát các phiếu điều tra, báo cáo (nếu cần) cho các em.

Bước 3: Điều tra của HS

Theo nhiệm vụ được giao, HS thực hiện việc điều tra và hoàn thành các phiếu theo yêu cầu như phiếu điều tra, phiếu báo cáo (nếu có) để sau này nộp lại cho GV hoặc báo cáo, trình bày trước lớp,...

Bước 4: Đánh giá việc điều tra

Đánh giá việc điều tra này được thực hiện vào thời điểm thích hợp và theo cách đã dự kiến như: HS trình bày kết quả điều tra khi GV kiểm tra bài cũ; HS sử dụng kết quả điều tra để liên hệ thực tế trước lớp; HS nộp phiếu điều tra, báo cáo, GV nhận xét; HS báo cáo việc điều tra trước lớp,...

3.2.6. Phương pháp rèn luyện

– *Khái niệm*: Rèn luyện là phương pháp tổ chức cho HS thực hiện những hành vi, công việc trong cuộc sống hằng ngày theo bài học đạo đức.

Việc rèn luyện có tác dụng to lớn trong việc hình thành ở HS hành vi, thói quen đạo đức như là mục tiêu chủ yếu của quá trình dạy học môn Đạo đức.

Trong thực tiễn dạy học môn đạo đức, các công việc rèn luyện có thể được tổ chức cho HS vào thời gian trong giờ lên lớp nhưng chủ yếu vào thời gian ngoài giờ lên lớp.

– *Các bước tiến hành*

Bước 1: Chuẩn bị

+ Xác định nội dung rèn luyện: Căn cứ vào tính chất bài đạo đức, mục tiêu của bài, khả năng của HS, điều kiện thực tế xung quanh để xác định những hành vi, công việc mà các em cần thực hiện cho phù hợp.

+ Dự kiến kết quả, sản phẩm hoạt động của HS qua rèn luyện, như kết quả của buổi lao động, những loại phiếu mà các em cần hoàn thành.

+ Dự kiến thời gian tổ chức: Có những loại công việc do GV tổ chức cho các em không thường xuyên (có khi chỉ được tổ chức một lần, sau khi học xong bài đạo đức thì có thể không được tổ chức lần nữa) và những loại công việc được HS tự giác thực hiện một cách thường xuyên (những công việc này có thể được HS thực hiện hằng ngày).

+ Chuẩn bị phiếu rèn luyện: Cần có phiếu rèn luyện được thiết kế thích hợp nhằm giúp HS ghi lại quá trình, công việc, kết quả hoạt động để sau này nộp lại cho GV hoặc trình bày trước lớp.

Ví dụ: Khi dạy Bài 5: Bảo vệ môi trường sống, GV tổ chức cho HS dọn vệ sinh trường, lớp. Phiếu rèn luyện dành cho hoạt động này có thể được thiết kế như sau:

Lớp: .....

Nhóm: .....

PHIẾU RÈN LUYỆN

Bài 5: Bảo vệ môi trường sống

Sau khi thực hiện xong việc dọn vệ sinh trường lớp, các em hãy ghi lại công việc, kết quả, ý kiến đề nghị.

1. Thời gian thực hiện: .....

2. Những công việc đã làm:

– .....

– .....

3. Kết quả, ý kiến đề nghị:

.....

.....

..... .

Nhận xét của GV

Nhóm trưởng kí tên

+ Ngoài ra, GV cần dự kiến địa điểm tiến hành, việc phân công HS theo tổ, nhóm, cá nhân, cách đánh giá, việc phối hợp các lực lượng giáo dục.

Bước 2: Giao nhiệm vụ

Bước này thường được thực hiện ở phần hướng dẫn vận dụng bài học. Khi đó, GV giúp HS nắm vững:

+ Nội dung công việc cần thực hiện và những kết quả cần đạt.

+ Cách tiến hành, thực hiện công việc; cách ghi phiếu rèn luyện.

+ Thời gian thực hiện.

+ Địa điểm tiến hành.

+ Dự kiến cách đánh giá (HS nộp phiếu rèn luyện hay báo cáo trước lớp).

Sau đó, GV phát phiếu rèn luyện cho các em và hướng dẫn HS ghi lại quá trình thực hiện công việc vào phiếu rèn luyện (và phiếu báo cáo, nếu cần).

Bước 3: HS thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện những hành vi, công việc được giao chủ yếu vào thời gian ngoài giờ học ở gia đình, nhà trường, nơi công cộng (tuỳ hành vi, công việc cụ thể). Song song, các em ghi lại những công việc mình làm và kết quả vào phiếu rèn luyện, hoàn thành báo cáo (nếu cần) để nộp lại hay báo cáo trước lớp.

3.2.7. Phương pháp dự án

– *Khái niệm*: Dự án là phương pháp dạy học, trong đó HS thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực hành, tạo ra các sản phẩm có ý nghĩa xã hội có thể giới thiệu.

Phương pháp dự án có đặc trưng: 1/ Định hướng thực tiễn: Chủ đề của dự án xuất phát từ những tình huống của thực tiễn xã hội, đời sống của HS tiểu học. Khi đó, nhiệm vụ cơ bản của dự án là cải tạo thực tiễn đó nhằm phục vụ lợi ích cộng đồng, xã hội; 2/ Ý nghĩa thực tiễn xã hội: Các dự án học tập góp phần gắn việc học tập trong nhà trường với thực tiễn đời sống xã hội, do đó, việc thực hiện và kết quả dự án mang lại những tác động xã hội tích cực; 3/ Tính phức hợp: Dự án là một vấn đề mang tính phức hợp, do đó, việc thực hiện dự án đòi hỏi vận dụng nội dung kiến thức, kĩ năng một số môn học, lĩnh vực khác nhau; 4/ Định hướng sản phẩm: Trong quá trình thực hiện dự án, các sản phẩm được tạo ra – có thể là bài thu hoạch, những sản phẩm vật chất, hiện thực được cải tạo,... Những sản phẩm này có thể được sử dụng, công bố, giới thiệu.

– *Các bước tiến hành*

Bước 1: Chuẩn bị

Trong quá trình chuẩn bị, GV cần xây dựng được bản kế hoạch dự án với những yếu tố khác nhau như sau:

+ Xác định chủ đề và mục đích của dự án:

Căn cứ vào tính chất và mục tiêu của bài học, khả năng, kinh nghiệm và hứng thú của HS, phương tiện vật chất cần thiết, quỹ thời gian dành cho hoạt động tương ứng và những điều kiện thực tiễn địa phương, GV và HS cùng nhau đề xuất ý tưởng, xác định chủ đề và mục đích của dự án.

Trong thực tế vận dụng phương pháp này, có một số cách đề xuất ý tưởng khác nhau như sau: 1/ Từ hoàn cảnh thực tiễn xã hội, cần tạo ra một tình huống xuất phát chứa đựng một vấn đề, hoặc đặt một nhiệm vụ cần giải quyết; 2/ GV giới thiệu một số chủ đề để HS lựa chọn và cụ thể hoá; 3/ Trong trường hợp thích hợp, sáng kiến về việc xác định chủ đề xuất phát từ phía HS nhờ việc quan sát, điều tra hay "trinh sát" thực tiễn trước đó của các em; 4/ Sau khi các ý tưởng dự án được đề xuất, GV tạo điều kiện cho HS thảo luận.

Kết quả là HS xác định được chủ đề dự án (gán cho dự án một cái tên như là một hoạt động chẳng hạn) và mục đích của nó (kết quả cần đạt được qua dự án và ý nghĩa của nó).

Ví dụ: Đối với Bài 1: Biết ơn những người có công với quê hương, đất nước, có thể thực hiện dự án Chăm sóc một bà mẹ Việt Nam Anh hùng/một thương binh, giúp đỡ gia đình người có công,…

+ Dự kiến những công việc cần làm theo dự án: Theo mục đích đã xác định, cần dự kiến những công việc mà HS cần thực hiện. Những công việc này cần đảm bảo tính khả thi – phù hợp với khả năng của HS, với điều kiện thực tế địa phương, thời gian tiến hành, phương tiện.
+ Dự kiến địa điểm thực hiện dự án: Để bảo đảm tính khả thi, tính giáo dục của dự án, GV nên tư vấn cho HS những địa điểm phù hợp tại địa phương.
+ Dự kiến hình thức tổ chức dự án: Tuỳ thuộc vào tính chất dự án, những công việc đã xác định, dự án có thể được tổ chức theo hình thức toàn lớp, tổ hay nhóm.
+ Dự kiến thời gian thực hiện dự án: Thời gian thực hiện dự án có thể kéo dài một tuần lễ hoặc vài tuần.
+ Dự kiến phương tiện, cơ sở vật chất phục vụ việc thực hiện dự án: Để thực hiện dự án, cần đến những phương tiện, cơ sở vật chất nhất định. Do đó, GV cần dự tính nguồn của những phương tiện, cơ sở vật chất này (ví dụ: từ sự hỗ trợ của nhà trường, gia đình HS, các doanh nghiệp.).
+ Dự kiến sự phối hợp với các lực lượng giáo dục: Các lực lượng giáo dục (như gia đình, các cơ quan, doanh nghiệp,...) có thể giúp đỡ, hỗ trợ HS thực hiện dự án như: gia đình tạo điều kiện thời gian, phương tiện, hướng dẫn thực hiện một số công việc; các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện dự án, doanh nghiệp hỗ trợ kinh phí,...
+ Xác định chủ đề và mục đích của dự án: Căn cứ vào tính chất và mục tiêu của bài học, khả năng và kinh nghiệm của HS, phương tiện vật chất cần thiết, quỹ thời gian dành cho hoạt động, GV và HS cùng nhau đề xuất ý tưởng, xác định chủ đề và mục đích của dự án.

GV cần tạo điều kiện cho HS thảo luận để lựa chọn phương án phù hợp với điều kiện và hứng thú của mình. Khi một ý tưởng dự án được lựa chọn, cần đặt tên cho dự án và xác định mục đích của dự án.

+ Dự kiến những công việc cần làm, địa điểm, hình thức tổ chức, thời gian, phương tiện, cơ sở vật chất, sự phối hợp với các lực lượng giáo dục.

Bước 2: Thực hiện dự án

Với sự hướng dẫn, định hướng của GV, HS xây dựng được kế hoạch thực hiện dự án của mình. Theo kế hoạch đã đề ra, HS bàn bạc cách tiến hành và phân công công việc cho nhau. Tiếp theo, các thành viên vận dụng kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm để thực hiện các công việc đã dự kiến.

Bước 3: Trình bày sản phẩm dự án

Sản phẩm của dự án được tạo ra, có thể là vật chất hoặc phi vật chất. Một số kết quả thực hiện dự án có thể được viết dưới dạng thu hoạch, báo cáo, bài báo,... Sản phẩm của dự án có thể được trình bày, giới thiệu trong lớp, trong nhà trường, hay ngoài xã hội.

Trong quá trình trình bày, giới thiệu sản phẩm, GV giúp HS thấy rõ, chỉ ra ý nghĩa, tác động của dự án đối với cộng đồng, xã hội.

Bước 4: Tổng kết, đánh giá dự án

GV và HS cùng đánh giá quá trình thực hiện và kết quả dự án, cũng như kinh nghiệm đạt được, từ đó, rút ra những kinh nghiệm cho việc thực hiện các dự án tiếp theo.

Quá trình và kết quả của dự án cũng có thể được đánh giá từ bên ngoài, ví dụ từ phía cộng đồng xã hội,...

Lưu ý: Việc phân chia các bước trên đây chỉ mang tính chất tương đối. Trong thực tế, chúng có thể xen kẽ và thâm nhập lẫn nhau. Trong quá trình tổ chức, việc tự kiểm tra, điều chỉnh cần được thực hiện trong tất cả các giai đoạn của dự án. Với những dạng dự án khác nhau, có thể xây dựng các bước một cách chi tiết phù hợp với nhiệm vụ dự án.

3.2.8. Kĩ thuật kích thích tư duy

– *Khái niệm:* Kích thích tư duy là một kĩ thuật dạy học dựa vào những hiểu biết đã có của HS, đặt ra một hệ thống câu hỏi gợi mở kích thích để HS liên tưởng giữa điều đã biết với thực tiễn, hình thành ở các em ý tưởng mới, đề xuất cách giải quyết những mâu thuẫn trong học tập.

– *Các bước tiến hành*

+ GV nêu câu hỏi gợi mở để HS suy nghĩ.

+ Khích lệ HS phát biểu và đóng góp ý kiến.

+ Liệt kê các ý kiến phát biểu trên bảng hoặc giấy A0, không loại trừ một ý kiến nào, trừ trường hợp trùng lặp.

+ Phân loại các ý kiến.

+ Làm sáng tỏ những ý kiến chưa rõ ràng và thảo luận một số ý kiến cơ bản.

+ Tổng hợp ý kiến, giải đáp thắc mắc, kết luận.

3.2.9. Kĩ thuật khăn trải bàn

– *Khái niệm:* Kĩ thuật khăn trải bàn là cách thức tổ chức hoạt động học tập mang tính hợp tác kết hợp giữa hoạt động cá nhân và nhóm; HS sử dụng giấy khổ lớn để ghi nhận ý kiến cá nhân và ý kiến thống nhất chung của nhóm vào các phần được bố trí như khăn trải bàn.

– *Các bước tiến hành*

+ GV chia nhóm: Mỗi nhóm 4 HS (có thể nhiều hơn); phát cho mỗi nhóm một tờ giấy khổ lớn và một bút dạ (có thể dùng giấy A4, sau đó phóng to kết quả qua máy chiếu); giao nhiệm vụ cho các nhóm.

+ HS chia tờ giấy thành các phần, bao gồm một phần trung tâm và các phần xung quanh có số lượng bằng với số thành viên trong nhóm; mỗi thành viên ngồi vào vị trí tương ứng với phần xung quanh.

+ Mỗi thành viên làm việc độc lập, suy nghĩ và viết các ý tưởng về nhiệm vụ được giao vào ô của mình trong thời gian quy định.

+ Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất câu trả lời. Đại diện nhóm ghi các ý tưởng được thống nhất vào phần trung tâm của khăn trải bàn.
+ Đại diện nhóm trình bày ý kiến;
+ Các HS khác lắng nghe, quan sát, nhận xét, bổ sung ý kiến;
+ GV nhận xét, kết luận.



3.2.10. Kĩ thuật các mảnh ghép

– *Khái niệm:* Kĩ thuật các mảnh ghép là cách thức tổ chức hoạt động học tập hợp tác, trong đó HS sẽ hoàn thành một nhiệm vụ phức hợp qua hai giai đoạn. Đầu tiên, HS hoạt động theo nhóm để giải quyết các nhiệm vụ thành phần sao cho mỗi cá nhân trở thành chuyên gia của vấn đề được giao. Sau đó, chuyên gia thuộc các vấn đề khác nhau sẽ kết hợp trong nhóm mới, chia sẻ lại vấn đề đã tìm hiểu để cùng giải quyết nhiệm vụ phức hợp ban đầu.

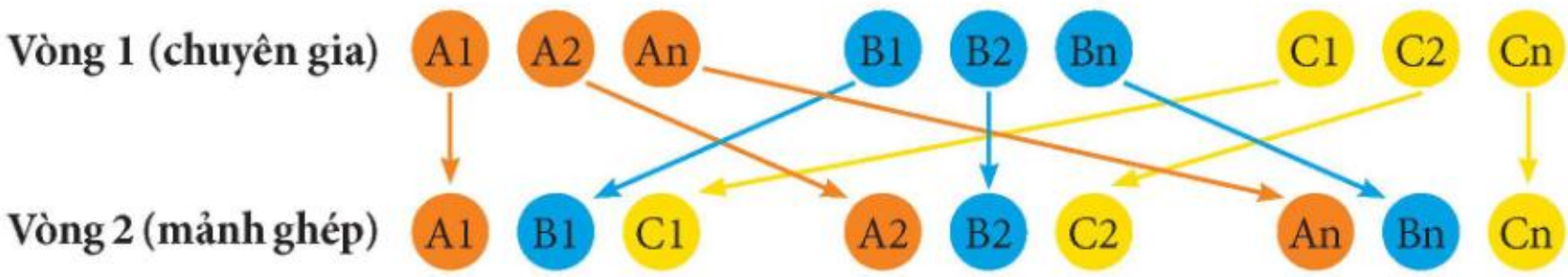
– *Các bước tiến hành*

Bước 1: Vòng 1:

+ Hoạt động theo nhóm, mỗi nhóm được phân công một nhiệm vụ cụ thể.
+ Khi thực hiện nhiệm vụ học tập, nhóm phải đảm bảo mỗi thành viên đều trở thành chuyên gia của lĩnh vực đang tìm hiểu và có khả năng trình bày lại kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhóm ở vòng 2.

Bước 2: Vòng 2:

+ Hình thành nhóm mảnh ghép sao cho các nhóm có tối thiểu một thành viên đến từ mỗi nhóm chuyên gia.
+ Kết quả thực hiện nhiệm vụ của vòng 1 được các thành viên trong nhóm mảnh ghép chia sẻ đầy đủ với nhau.
+ Sau khi tất cả các thành viên chia sẻ, các nhóm mảnh ghép thảo luận và thống nhất phương án giải quyết nhiệm vụ phức hợp ban đầu.



IV ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN ĐẠO ĐỨC

Việc đánh giá kết quả học tập của HS căn cứ vào Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.1. Mục đích, yêu cầu

4.1.1. Mục đích

Đánh giá là một khâu quan trọng của quá trình dạy học, nhằm cung cấp cho GV, HS, phụ huynh và các nhà quản lí thông tin về việc học tập của HS, biết được những điểm mạnh, sự tiến bộ của HS, cũng như những điểm cần được cải thiện; tạo cơ hội và thúc đẩy quá trình học tập của HS, tăng động lực và hứng thú học tập của HS. Những dữ liệu thu thập được trong quá trình đánh giá đồng thời là cơ sở thực tế để GV cải tiến phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; các nhà quản lí phát triển chương trình giáo dục; giúp cha mẹ HS tích cực hợp tác với nhà trường trong quá trình giáo dục HS.

4.1.2. Yêu cầu

– Đánh giá HS thông qua mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn Đạo đức và những biểu hiện phẩm chất, năng lực của HS theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn Giáo dục công dân.

– Đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của HS, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của HS; giúp HS phát huy nhiều nhất khả năng, năng lực; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan, không so sánh HS này với HS khác, không tạo áp lực cho HS, GV và phụ huynh HS.

4.2. Nội dung đánh giá

Việc đánh giá sẽ được xác định trên mức độ đạt được của HS về những phẩm chất và năng lực sau:

– Những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

– Những năng lực cốt lõi:

+ Năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực đặc thù của môn học: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội.

4.3. Hình thức đánh giá

Đánh giá kết quả trong môn Đạo đức được thực hiện thông qua đánh giá quá trình và đánh giá định kì.

4.3.1. Đánh giá quá trình

Kết hợp đánh giá của GV với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của HS, đánh giá của phụ huynh HS và đánh giá của cộng đồng, trong đó đánh giá của GV là quan trọng nhất.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

– GV căn cứ vào các biểu hiện về nhận thức, kĩ năng, thái độ của HS ở từng năng lực, phẩm chất để nhận xét, có biện pháp giúp đỡ kịp thời.

– HS tự nhận xét và tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn về những biểu hiện của từng năng lực, phẩm chất.

– Phụ huynh HS trao đổi, phối hợp với GV để động viên, giúp đỡ HS rèn luyện và phát triển năng lực, phẩm chất.

4.3.2. Đánh giá định kì

Đánh giá định kì là đánh giá kết quả giáo dục sau một giai đoạn học tập, rèn luyện nhằm xác định mức độ hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất của HS so với mục tiêu, yêu cầu của chương trình.

– Đánh giá định kì về nội dung học tập trên ba mức:

+ Hoàn thành tốt: HS thực hiện tốt các yêu cầu học tập và thường xuyên có các biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học.

+ Hoàn thành: HS thực hiện được các yêu cầu học tập và có các biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học.

+ Chưa hoàn thành: HS chưa thực hiện được các yêu cầu học tập hoặc chưa có các biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học.

– Đánh giá định kì đối với sự hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực trên ba mức:

+ Tốt: HS đáp ứng tốt yêu cầu giáo dục, biểu hiện rõ và thường xuyên.

+ Đạt: HS đáp ứng được yêu cầu giáo dục, biểu hiện nhưng chưa thường xuyên.

+ Cần cố gắng: HS chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu giáo dục, biểu hiện chưa rõ. Đối với môn Đạo đức, không bắt buộc HS phải làm bài kiểm tra định kì và không đánh giá bằng điểm số mà đánh giá bằng nhận xét. Mục đích cuối cùng của môn Đạo đức là hình thành và phát triển các chuẩn mực hành vi cho HS. Do vậy, cần đánh giá cả về nhận thức và về hành vi thực hiện bài học của HS trong cuộc sống hằng ngày ở nhà, trường và ở cộng đồng, trong đó đặc biệt coi trọng việc đánh giá hành vi của HS.

4.4. Phương pháp đánh giá

4.4.1. Phương pháp vấn đáp

GV trao đổi với HS thông qua việc hỏi đáp để thu thập thông tin nhằm đưa ra những nhận xét biện pháp giúp đỡ kịp thời. Bằng phương pháp này, GV có thể kiểm tra tri thức, hành vi, thái độ của HS.

– Về tri thức, GV có thể yêu cầu HS trả lời các câu hỏi: Vì sao? Như thế nào?

Ví dụ: *Vì sao em phải biết ơn người có công với quê hương, đất nước? Em cần làm gì để thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước?* (Bài 1: Biết ơn những người có công với quê hương, đất nước).

Về hành vi, GV có thể yêu cầu HS tự đánh giá hành vi của mình bằng các câu hỏi: *Em đã làm điều đó như thế nào?*

Ví dụ: *Em đã làm gì để thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước?* (Bài 1: Biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.)

Về thái độ, GV có thể yêu cầu HS giải thích động cơ thực hiện hành vi của mình hoặc bày tỏ thái độ đồng tình hay không đồng tình với các ý kiến, hành vi có liên quan đến bài học.

Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến của bạn nào? Vì sao?

a) Thuỷ cho rằng, mình mới là học sinh lớp 5, vì vậy việc bàn tới chuyện sử dụng tiền hợp lí là chưa cần thiết.

b) Theo Bình, sử dụng tiền hợp lí giúp mỗi người tiết kiệm tiền và có sẵn tiền để sử dụng khi cần thiết.

c) Nga cho rằng, sử dụng tiền hợp lí là tôn trọng công sức của bố mẹ và người lao động.

d) Minh cho rằng, sử dụng tiền hợp lí giúp ta có tiền để giúp đỡ những người gặp khó khăn trong cuộc sống.

e) Theo Yến, nếu giàu có thì cứ tiêu tiền thoải mái, không cần phải tính toán, cân nhắc.

g) Lập cho rằng, nếu biết sử dụng tiền hợp lí, ta sẽ có tiền để chủ động thực hiện mơ ước của mình.

Em sẽ làm gì nếu ở trong những tình huống dưới đây?

a) Do có thành tích cao trong hội thi văn nghệ nên bố mẹ thưởng cho em một ít tiền. Một số bạn gợi ý em dùng hết số tiền đó để chiêu đãi các bạn.

b) Món đồ mà em yêu thích được giảm giá. Nhưng nếu mua nó, em phải dùng hết số tiền mà em đang có.

c) Em đã tiết kiệm được một khoản tiền đủ để mua chiếc xe đạp mà mình hằng mơ ước. Chị của em lại khuyên nên nhờ bố gửi số tiền đó vào ngân hàng để lấy lãi.

d) Em rất thích một bộ sách khoa học nhưng chưa đủ tiền. Bạn em hứa sẽ cho em vay tiền để mua.

4.4.2. Phương pháp quan sát

GV quan sát HS trong quá trình dạy học trên lớp, sử dụng phiếu quan sát, bảng kiểm tra, nhật kí ghi chép lại các biểu hiện của HS để sử dụng làm minh chứng đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của HS. Các nhận xét phải dựa trên các bằng chứng xác thực từ kết quả quan sát HS tham gia hoạt động học tập và hoạt động thực tiễn; nghiên cứu sản phẩm hoạt động của HS, đặc biệt là sản phẩm thực hành, ứng dụng và quan trọng nhất là quan sát cách HS giao tiếp, ứng xử, giải quyết các tình huống có vấn đề về đạo đức, pháp luật trong cuộc sống thực tiễn.

Ví dụ: GV có thể quan sát HS bảo vệ môi trường như thế nào qua thái độ, việc làm cụ thể như: Bỏ rác vào thùng, nhắc nhở bạn bè không vứt rác bừa bãi, tắt quạt, điện khi ra khỏi phòng,… (Bài 5: Bảo vệ môi trường sống).

4.4.3. Phương pháp đánh giá qua bài viết

GV sử dụng các bài kiểm tra gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo mức độ, yêu cầu cần đạt của chương trình, dưới hình thức trắc nghiệm, tự luận hoặc kết hợp trắc nghiệm và tự luận để đánh giá mức đạt được về các nội dung giáo dục cần đánh giá.

4.4.4. Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của học sinh

GV nhận xét, đánh giá về các sản phẩm, kết quả hoạt động của HS, từ đó đánh giá HS theo từng nội dung đánh giá có liên quan. GV có thể tham khảo ý kiến của gia đình HS về thái độ, hành vi đạo đức của HS khi ở nhà. Ví dụ: Khi dạy Bài 8: Sử dụng tiền hợp lí, GV có thể cho HS hoàn thành phiếu học tập, có ý kiến nhận xét của gia đình HS về những việc các em đã làm để thể hiện việc sử dụng tiền hợp lí như thế nào.

V HƯỚNG DẪN THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY ĐẠO ĐỨC 5

5.1. Thiết kế kế hoạch bài dạy

Kế hoạch bài dạy do GV thiết kế bao gồm các hoạt động của HS và GV trong quá trình dạy học một tiết học/bài học/chủ đề. Kế hoạch bài dạy được GV thực hiện chủ động, linh hoạt phù hợp với đối tượng HS, điều kiện tổ chức dạy học, bảo đảm các yêu cầu cần đạt của chương trình đối với môn học để đạt hiệu quả cao nhất; được điều chỉnh, bổ sung thường xuyên cho phù hợp với đối tượng HS và điều kiện tổ chức dạy học. Việc thiết kế kế hoạch bài dạy theo tinh thần Công văn 2345/BGDĐT-GDTH *V/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học* của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 07 tháng 6 năm 2021 (Phụ lục 3).

KHUNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Môn học:

Tên bài học: .....; Số tiết: .....

Thời gian thực hiện: ngày.....tháng.....năm.....(hoặc từ ...../...../..... đến ...../...../.....)

1/ Yêu cầu cần đạt: Nêu cụ thể HS thực hiện được việc gì; vận dụng được những gì vào giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống; có cơ hội hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực gì.

2/ Đồ dùng dạy học: Nêu các thiết bị, học liệu được sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho HS hoạt động nhằm đạt yêu cầu cần đạt của bài dạy.

3/ Các hoạt động dạy học chủ yếu:

– Hoạt động khởi động (mở đầu, kết nối).

– Hoạt động hình thành kiến thức mới: trải nghiệm, khám phá, phân tích, hình thành kiến thức mới.

– Hoạt động luyện tập, thực hành.

– Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (*nếu có*).

4/ Điều chỉnh sau bài dạy (*nếu có*).

GV căn cứ vào yêu cầu cần đạt được quy định trong chương trình môn học, kế hoạch giáo dục của nhà trường; kế hoạch dạy học môn Đạo đức; SGK, thiết bị dạy học để xây dựng kế hoạch bài dạy gồm: Yêu cầu cần đạt, đồ dùng dạy học cần chuẩn bị, hoạt động dạy học chủ yếu, điều chỉnh sau bài dạy. Các phần này có mối quan hệ gắn bó với nhau: Yêu cầu cần đạt định hướng cho các hoạt động và việc chuẩn bị những tài liệu, phương tiện cần thiết để tổ chức những hoạt động này; chỉ khi các hoạt động được thiết kế và tổ chức một cách hợp lí thì mục tiêu đề ra mới đạt được. Do đó, khi thiết kế kế hoạch bài học, GV cần bảo đảm sự thống nhất giữa chúng.

a) Xác định yêu cầu cần đạt của bài học:

Trên cơ sở yêu cầu cần đạt của mạch nội dung GD được quy định trong chương trình môn Đạo đức, GV chủ động xác định yêu cầu cần đạt của bài học phù hợp với đối tượng HS, đặc điểm nhà trường, địa phương. Yêu cầu cần đạt của bài học cần xác định rõ: HS thực hiện được việc gì; vận dụng được những gì vào giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống; có cơ hội hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực gì.

Khi xác định yêu cầu cần đạt của bài học đạo đức, GV cần căn cứ vào:

– Tính chất của bài học đạo đức.

– Những phẩm chất, năng lực có thể được phát triển cho HS qua bài học và các yêu cầu cần đạt của bài học theo quy định của chương trình giáo dục.

– Khả năng của HS đối với việc thực hiện các nhiệm vụ tương ứng với yêu cầu cần đạt.

– Các điều kiện thực hiện: cơ sở vật chất, phương tiện, đồ dùng dạy học, thực tiễn địa phương, sự phối hợp của các lực lượng giáo dục, thời gian thực hiện,...

Trên cơ sở đó, GV xác định yêu cầu cần đạt theo ba mặt kiến thức, thái độ, tình cảm và kĩ năng, hành vi và những biểu hiện của phẩm chất, năng lực cần được phát triển qua bài học một cách phù hợp.

Yêu cầu cần đạt chỉ quá trình HS chiếm lĩnh, hình thành, phát triển tri thức, kĩ năng, thái độ phù hợp với bài học đạo đức và kết quả tương ứng, thể hiện được:

– Quá trình HS tham gia, thực hiện hoạt động để đạt được kết quả mong muốn.

– Kết quả cụ thể mà HS cần đạt được (có thể là kiến thức, kĩ năng, hành vi hay thái độ).

Từ đó, cần xác định những biểu hiện phẩm chất, năng lực được phát triển cho HS qua bài học.

Những điểm cần lưu ý khi xác định yêu cầu cần đạt cho mỗi bài học đạo đức:

– Các yêu cầu cần đạt cần được liệt kê rõ ràng. Để bảo đảm tính khả thi, mỗi yêu cầu cần đạt cần được hiện thực hoá qua hoạt động tương ứng của bài.

– Yêu cầu cần đạt phải được diễn đạt bằng các động từ chỉ những hành động có thể quan sát được, đánh giá được; tránh dùng những động từ chung chung, khó đánh giá.

b) Đồ dùng dạy học:

Dạy học Đạo đức phát triển năng lực là phải tổ chức hoạt động cho HS. Khi HS hoạt động các em cần có đồ dùng để hoạt động. Do đó chuẩn bị đồ dùng, phương tiện và thiết bị là tất yếu của hoạt động dạy học nhằm đạt mục tiêu phát triển năng lực. Việc chọn đồ dùng dạy học gắn chặt với việc chọn phương pháp dạy học và kĩ thuật dạy học. Chọn hoạt động dưới dạng nào thì cần chọn phương tiện, thiết bị phù hợp với hoạt động đó. Việc lựa chọn phương tiện và thiết bị cho mỗi bài học Đạo đức cần phải căn cứ vào các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của bài học, căn cứ vào các hoạt động học tập ở từng nội dung bài học. ví dụ: Để HS chơi trò chơi cần chuẩn bị cho HS các công cụ để chơi và phần thưởng cho đội thắng; để HS xem video về một câu chuyện đạo đức, cần có video, máy tính và máy chiếu,…

c) Các hoạt động dạy học chủ yếu:

– Mỗi bài học đạo đức thường được tổ chức qua các hoạt động sau: khởi động, khám phá/hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng.

+ *Hoạt động khởi động*: Hoạt động này nhằm kích hoạt những kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm,... của HS liên quan bài đạo đức để chuẩn bị cho bài mới. GV có thể đặt ra những vấn đề thực tiễn cuộc sống liên quan đến bài học nhằm kích thích trí tò mò, gợi hứng thú của HS đối với bài học.

+ *Hoạt động khám phá/hình thành kiến thức mới*: Hoạt động này giúp HS phát hiện, chiếm lĩnh được kiến thức của bài học. Khi đó, GV đưa ra nhiệm vụ, công việc mà HS cần thực hiện như: phân tích truyện kể, xử lí tình huống và từ đó rút ra bài học đạo đức (yêu cầu của bài học), làm rõ bản chất của bài học đạo đức (sự cần thiết và cách thực hiện bài học).

+ *Hoạt động luyện tập:* Hoạt động này giúp HS củng cố kiến thức vừa khám phá, chiếm lĩnh được, rèn luyện kĩ năng, xử lí tình huống liên quan đến bối cảnh thực tiễn, liên hệ thực tế của bản thân và những người xung quanh.

+ *Hoạt động vận dụng*: Hoạt động này nhằm gợi ý, khuyến khích, tạo điều kiện, giúp HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng liên quan đến bài học vào thực tiễn cuộc sống của mình ở trường, ở nhà và ở cộng đồng. Từ đó, hình thành, phát triển, củng cố hành vi đạo đức của HS – kết quả học tập quan trọng nhất của môn Đạo đức.

Ngoài ra, GV có thể tổ chức cho HS tham gia hoạt động mở rộng nhằm khuyến khích, giúp HS mở rộng kiến thức liên quan đến bài học như: sưu tầm ca dao, tục ngữ, thành ngữ, bài hát, bài thơ; tìm hiểu các sự kiện, hoạt động thực tiễn, các tấm gương người tốt việc tốt ở trường, tại địa phương,...

– Cấu trúc một hoạt động trong kế hoạch dạy học bài đạo đức: Thông thường, mỗi hoạt động gồm có: tên của hoạt động, mục tiêu hoạt động, cách/các bước tiến hành hoạt động.

+ Tên của hoạt động cần phản ánh được đặc trưng của hoạt động, giúp phân biệt nó với những hoạt động khác của bài học.

+ Mục tiêu hoạt động do yêu cầu cần đạt của bài học quy định, do đó, nó phải phù hợp và tương ứng với một yêu cầu cần đạt cụ thể của bài học đã xác định.

+ Cách/các bước tiến hành: Mỗi hoạt động được tiến hành theo các bước cụ thể. Trong đó, từng bước thể hiện chủ yếu các hành động của HS và nội dung tương ứng mà HS cần thực hiện (những hành động này GV có thể quan sát được).

– Các bước của một hoạt động thường bao gồm: chuyển giao nhiệm vụ học tập; tổ chức thực hiện nhiệm vụ học tập; trình bày kết quả và thảo luận; nhận xét, đánh giá thực hiện nhiệm vụ học tập.

d) Điều chỉnh sau bài dạy: GV ghi những điểm cần rút kinh nghiệm sau khi thực hiện kế hoạch bài dạy để hoàn thiện phương án dạy học cho các bài học sau: Nội dung còn bất cập, còn gặp khó khăn trong quá trình thực hiện tổ chức dạy học; nội dung tâm đắc tổ chức dạy học hiệu quả để trao đổi thảo luận khi tham gia sinh hoạt chuyên môn.

5.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch bài dạy Đạo đức 5

Khi tổ chức một hoạt động dạy học trong bài học Đạo đức, GV cần lưu ý:

***1/ Chuyển giao nhiệm vụ học tập*:** Nhiệm vụ học tập rõ ràng và phù hợp với khả năng của HS, thể hiện ở việc nêu vấn đề, hướng dẫn cách thực hiện và yêu cầu về sản phẩm mà HS phải hoàn thành khi thực hiện nhiệm vụ; hình thức giao nhiệm vụ sinh động, hấp dẫn, kích thích được hứng thú học tập của HS; đảm bảo cho tất cả HS tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

2/ Tổ chức thực hiện nhiệm vụ học tập: Khuyến khích HS hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập; phát hiện kịp thời những khó khăn của HS và có biện pháp hỗ trợ kịp thời, phù hợp, hiệu quả; không "bỏ quên" HS nào.

3/ Tổ chức trình bày kết quả và thảo luận: Hình thức trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ phù hợp với nội dung học tập và kĩ thuật dạy học tích cực được sử dụng; khuyến khích HS trao đổi, thảo luận với nhau về nội dung học tập; xử lí những tình huống sư phạm nảy sinh một cách hợp lí.

4/ Nhận xét, đánh giá thực hiện nhiệm vụ học tập: Nhận xét về quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và những ý kiến trao đổi, thảo luận của HS nhằm giúp HS có hứng thú, niềm tin trong học tập, cải thiện được kết quả học tập; chính xác hoá các kiến thức mà HS đã học được thông qua hoạt động.

PHẦN HAI

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CỤ THỂ

Chủ đề 1 BIẾT ƠN NHỮNG NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC

Bài 1 BIẾT ƠN NHỮNG NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC (4 tiết)

I YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau bài học này, HS cần:

– Kể được tên và đóng góp của những người có công với quê hương, đất nước.

– Biết vì sao phải biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

– Thể hiện được lòng biết ơn bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.

– Nhắc nhở bạn bè có thái độ, hành vi biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

Từ đó, HS có cơ hội hình thành và phát triển:

– Năng lực điều chỉnh hành vi: thực hiện được những việc làm phù hợp với lứa tuổi thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

– Phẩm chất yêu nước: thể hiện qua thái độ và việc làm biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

II ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SGK, SGV, Vở Bài tập Đạo đức 5.

– Video bài hát "Biết ơn chị Võ Thị Sáu"; tranh HS thăm hỏi gia đình thương binh, liệt sĩ, người có công với cách mạng, HS đóng góp cho Quỹ đền ơn đáp nghĩa theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT.

– Máy chiếu, máy tính, thẻ bày tỏ thái độ, phiếu học tập, sticker,…

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

Mục tiêu: Tạo tâm thế, hứng thú học tập cho HS để dẫn vào bài mới.

Cách tiến hành:

– GV cho HS nghe/xem video/hát bài "Biết ơn chị Võ Thị Sáu" (sáng tác: Nguyễn Đức Toàn) và trả lời câu hỏi:

+ Bài hát nói về điều gì?

+ Em có suy nghĩ, cảm nhận gì về điều đó?

– HS thực hiện nhiệm vụ.

– GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi.

– GV nhận xét, kết luận, dẫn vào bài mới:

Chúng ta có cuộc sống hoà bình, tự do và hạnh phúc như ngày hôm nay là nhờ công lao của các thế hệ đi trước đã bảo vệ và dựng xây quê hương, đất nước. Bởi vậy, chúng ta cần biết ơn những người có công với quê hương, đất nước. Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta hiểu được vì sao phải biết ơn những người có công với quê hương, đất nước và những việc cần làm để thể hiện lòng biết ơn ấy.

Gợi ý phương án khởi động khác: GV có thể tổ chức cho HS khởi động bằng trò chơi "Giải đố": Nêu một số đặc điểm của nhân vật lịch sử để HS gọi tên nhân vật đó. Ví dụ: Ai đã bóp nát quả cam lúc nào không biết? Ai đã lấy thân mình lấp lỗ châu mai?,...

2. Khám phá

Hoạt động 1 *Tìm hiểu đóng góp của những người có công với quê hương, đất nước*

Mục tiêu: HS kể được tên và một số đóng góp của những người có công với quê hương, đất nước.

Cách tiến hành:

***Nhiệm vụ 1:** Đọc thông tin và trả lời câu hỏi*

– GV hướng dẫn HS đọc thông tin "Võ Thị Sáu – nữ anh hùng huyền thoại vùng Đất Đỏ" trong SGK (mục 1.a phần Khám phá), thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi:

+ Chị Võ Thị Sáu đã có công gì với quê hương, đất nước?

+ Hãy chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận của em về tấm gương đó.

– HS thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân (đọc thông tin), thảo luận nhóm đôi, ghi kết quả vào nháp để trả lời câu hỏi.

– GV mời một HS đọc to/kể lại thông tin cho cả lớp cùng nghe; đại diện 1, 2 nhóm trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV tiếp tục mời 1 – 2 HS chia sẻ cảm xúc của mình về tấm gương chị Võ Thị Sáu.

– GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập và kết quả thảo luận của HS; kết luận (có thể trình chiếu một số ý chính trong thông tin):

+ Chị Võ Thị Sáu đã tham gia cách mạng từ năm 14 tuổi; trở thành chiến sĩ trinh sát nổi tiếng gan dạ; chiến đấu tiêu diệt kẻ thù; bị tra tấn vẫn hiên ngang,… những việc làm anh dũng của chị góp phần bảo vệ quê hương, đất nước.

+ Chị Võ Thị Sáu là tấm gương sáng về lòng yêu nước và sự dũng cảm. Chị còn là một người con trung hiếu, người đồng chí sắt son được mọi người tin yêu, kính phục. Những đau khổ mà chị phải chịu khi bị quân giặc tra khảo khiến bao thế hệ người xót thương. Chị đã ra đi mãi mãi nhưng những gì chị cống hiến cho cách mạng, cho đất nước, cho cuộc đời vẫn sẽ còn lưu lại trong sử sách và trong trái tim hàng triệu con người Việt Nam. Tấm gương chị Võ Thị Sáu mãi là biểu tượng của thế hệ trẻ về tấm lòng nồng nàn yêu nước.

Nhiệm vụ 2: Quan sát ảnh và thực hiện yêu cầu

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân: Quan sát 6 bức ảnh trong SGK (mục 1.b phần Khám phá) và thực hiện yêu cầu: *Nêu những đóng góp cho quê hương, đất nước của các nhân vật trong mỗi bức ảnh đó.*

– HS làm việc cá nhân, lựa chọn một nhân vật mà mình có hiểu biết về đóng góp của họ để thực hiện nhiệm vụ.

– GV quan sát, hỗ trợ, gợi ý nếu HS gặp khó khăn.

– GV lần lượt mời từng HS trình bày hiểu biết của mình về một nhân vật. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có ý kiến khác). GV có thể chiếu từng hình ảnh lên để HS quan sát.

– GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập và kết quả thực hiện yêu cầu của HS; lần lượt chiếu từng hình ảnh (nếu có thể), nêu thông tin ngắn gọn về mỗi nhân vật và đóng góp của họ:

Ảnh 1: Đại tướng Võ Nguyên Giáp: Được bình chọn là 1 trong 10 vị tướng giỏi nhất thế giới, là đại tướng đầu tiên của Việt Nam khi mới 37 tuổi, Tổng tư lệnh tối cao của quân đội Việt Nam, chỉ huy thành công chiến dịch Điện Biên Phủ, tổ chức chiến dịch Hồ Chí Minh huyền thoại trong kháng chiến chống Mỹ.

Ảnh 2: Nhạc sĩ Văn Cao: Tác giả của bài hát Tiến quân ca – Quốc ca chính thức của Việt Nam, một trong những nhạc sĩ nổi bật của nền âm nhạc Việt Nam thế kỉ XX.

Ảnh 3: Bác sĩ Tôn Thất Tùng: bác sĩ phẫu thuật nổi danh trong lĩnh vực nghiên cứu về gan; say mê nghiên cứu khoa học y học, với mong muốn đưa nền y học Việt Nam sánh ngang với các nước trên thế giới, tham gia tổ chức điều trị, phát triển ngành Y tế, đồng thời với nghiên cứu khoa học, đào tạo sinh viên, xây dựng nền tảng trường Y Việt Nam.

Ảnh 4: Mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Thứ: người mẹ có nhiều con cháu hi sinh nhất trong cả hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ: bà có chồng, 9 người con trai, một con rể và 2 cháu ngoại là liệt sĩ.

Ảnh 5: Giáo sư, Nhà giáo Nhân dân Hoàng Xuân Sính: nữ giáo sư Toán học đầu tiên của Việt Nam, có nhiều đóng góp quan trọng trong lĩnh vực giáo dục, nghiên cứu khoa học và Toán học.

Ảnh 6: Bà Mai Kiều Liên – Tổng Giám đốc công ty sữa Việt Nam Vinamilk, Anh hùng lao động thời kì đổi mới, một trong những nữ doanh nhân quyền lực nhất châu Á, có đóng góp nổi bật cho nền kinh tế Việt Nam và khu vực.

Gợi ý phương án khác: GV có thể dùng kĩ thuật khăn trải bàn/kĩ thuật ổ bi để tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ này; hoặc tổ chức cho HS chơi Ghép đôi: Ghép chữ với hình:

Người có nhiều con cháu hi sinh nhất trong hai cuộc chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ.	Ảnh nhạc sĩ Văn Cao
Tác giả của Quốc ca Việt Nam.	Ảnh mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Thứ
…	…

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu mở rộng

– GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi "Tiếp sức" để thực hiện yêu cầu thứ 2 (mục 2 phần Khám phá trong SGK): *Hãy kể thêm tên và đóng góp của những người có công với quê hương, đất nước trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, khoa học, giáo dục,… mà em biết.*

– GV phổ biến luật chơi: Lần lượt từng thành viên của mỗi đội lên bảng ghi tên người có công với quê hương, đất nước ở các lĩnh vực khác nhau (không cần phân chia thành từng lĩnh vực). Đội nào ghi được nhiều và đúng hơn sẽ thắng.

– GV chia bảng thành 2 phần, ghi đội 1, đội 2 vào từng phần; Chọn 2 đội chơi, mỗi đội từ 3 –5 HS. Người điều khiển trò chơi có thể là HS. HS tham gia chơi, các HS khác quan sát, cổ vũ.

– GV mời các HS khác nhận xét, đánh giá kết quả của hai đội. GV hỏi thêm hiểu biết của HS về đóng góp của các nhân vật được ghi trên bảng.

– GV nhận xét, kết luận.

Gợi ý phương án khác: GV có thể dùng kĩ thuật tia chớp, hướng dẫn HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời nhanh yêu cầu này; Khuyến khích HS kể về những người có công ở quê hương mình.

Hoạt động 2 *Tìm hiểu vì sao phải biết ơn người có công với quê hương, đất nước*

Mục tiêu: HS giải thích được lí do vì sao phải biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm đôi, đọc các trường hợp kết hợp với quan sát tranh trong SGK (mục 2 phần Khám phá) để trả lời câu hỏi:

+ Hai trường hợp a và b trong SGK nói về điều gì?

+ Vì sao chúng ta cần phải biết ơn những người có công với quê hương, đất nước?

– HS thảo luận nhóm đôi, ghi kết quả thảo luận vào nháp/phiếu học tập.

– GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có ý kiến khác).

– GV nhận xét, kết luận: Chúng ta cần biết ơn người có công với quê hương, đất nước vì họ đã góp phần xây dựng quê hương, đất nước (trường hợp a) và bảo vệ quê hương, đất nước (trường hợp b).

Hoạt động 3 *Tìm hiểu những việc cần làm để thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước*

Mục tiêu: HS nêu được những việc cần làm để thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, quan sát 6 bức tranh trong SGK (mục 3 phần Khám phá) và thực hiện yêu cầu: *Em hãy kể những việc làm thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước trong các bức tranh.*

– HS làm việc nhóm để thực hiện yêu cầu, ghi kết quả thảo luận vào nháp/phiếu học tập. GV quan sát, hỗ trợ HS gặp khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ.

– GV mời đại diện 1, 2 nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác quan sát, nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét, gợi ý câu trả lời và tiếp tục nêu yêu cầu: *Kể thêm những việc làm khác thể hiện lòng biết ơn với người có công với quê hương, đất nước.*

– GV có thể dùng kĩ thuật tia chớp cho HS trả lời nhanh hoặc tổ chức cho HS tham gia trò chơi "Truyền điện" để HS thực hiện yêu cầu.

– GV chốt kiến thức phần Khám phá (có thể vẽ thành sơ đồ tư duy).

– Chúng ta cần biết ơn những người có công trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng quê hương, đất nước. Nhờ có những cống hiến đó, chúng ta mới có cuộc sống hoà bình, hạnh phúc ngày nay.

– Để thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước, chúng ta cần phải tích cực tham gia hoạt động đền ơn đáp nghĩa, bảo vệ thành quả của thế hệ trước, học tập, rèn luyện để tiếp nối sự nghiệp bảo vệ và xây dựng quê hương, đất nước mạnh giàu.

HS đọc thông điệp trong SGK. GV giải thích thêm về ý nghĩa của thông điệp.

3. Luyện tập

Mục tiêu: HS được củng cố kiến thức, hình thành kĩ năng thông qua bày tỏ thái độ, nhận xét hành vi, xử lí tình huống về lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

Cách tiến hành:

Bài tập 1 *Lựa chọn đúng, sai*

– GV hướng dẫn HS làm bài tập 1 trong SGK (mục 1 phần Luyện tập).

– HS làm việc cá nhân.

– GV mời một HS trình bày kết quả. Các HS khác nhận xét, đánh giá.

– GV nhận xét, kết luận: Người có công với quê hương, đất nước: a, b, d, e, h.

– GV giải thích thêm: Không phải tất cả những người lao động (c), ca sĩ, diễn viên (g) hay người giàu có thành đạt (i) nào cũng có công với quê hương, đất nước nếu việc làm của họ không mang tính chất cống hiến.

Bài tập 2 *Tranh biện, bày tỏ ý kiến*

– GV tổ chức cho HS sắm vai, tranh biện, thực hiện bài tập 2 trong SGK (mục 2 phần Luyện tập).

– Lần lượt 2 HS cùng bàn thành 1 cặp đôi, sắm vai 2 nhân vật trong mỗi trường hợp, bày tỏ ý kiến và xin ý kiến của tập thể lớp.

– Các HS trong lớp lắng nghe, bày tỏ thái độ đồng tình/không đồng tình với các ý kiến bằng cách giơ tay. GV mời một số HS giải thích lí do vì sao đồng tình/không đồng tình với ý kiến đó.

– GV nhận xét, kết luận:

a. Đồng tình với Đạt; không đồng tình với An (vì người mang lại hoà bình cho chúng ta là người có công nhưng những người có công có thể không mang lại hoà bình nhưng mang lại sự giàu có, thịnh vượng cho quê hương, đất nước,…).

b. Đồng tình với Tình; không đồng tình với Thanh. Mọi công dân đều có trách nhiệm đền ơn đáp nghĩa vì đều chịu ơn của những người có công.

c. Đồng tình với Nghĩa, không đồng tình với Thực (có thể làm những công việc khác chứ không nhất thiết chỉ làm mỗi việc quan tâm, chăm sóc những gia đình thương binh, liệt sĩ mới là đền ơn đáp nghĩa).

d. Đồng tình với Minh, không đồng tình với Bình (những người có cống hiến thầm lặng vẫn là người có công với quê hương, đất nước).

Bài tập 3 *Lựa chọn hành vi*

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm đôi, làm bài tập 3 trong SGK (mục 3 phần Luyện tập).

– HS đọc bài tập, suy nghĩ, thảo luận nhóm, ghi kết quả thảo luận vào nháp/phiếu học tập.

– GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có ý kiến khác).

– GV nhận xét, kết luận:

+ Việc làm thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước: a, b, d, e.

+ Hoạt động c, g là những hoạt động thoả mãn nhu cầu của bản thân mỗi người, không phải là hoạt động thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

Bài tập 4 *Nhận xét thái độ, hành vi*

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 4, làm bài tập 4 trong (mục 4 phần Luyện tập).

– HS đọc trường hợp, thảo luận nhóm, ghi lại kết quả thảo luận vào nháp/phiếu học tập.

– GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có ý kiến khác).

– GV nhận xét, kết luận:

Trường hợp	Nhận xét	Lời khuyên
a	Thắng làm thế là thiếu tôn trọng các danh nhân và công lao của những người làm SGK.	Không nên viết vẽ vào hình ảnh danh nhân trong SGK để tỏ lòng tôn kính danh nhân và để dành tặng SGK cho các em HS lớp sau.
b	Việc làm của Vân thể hiện lòng biết ơn người có công.	
c	Hành động của Thảo và các bạn đúng, hành động của Phúc không đúng.	Dù không quen người lính ấy nhưng Phúc nên đi cùng các bạn để tỏ lòng biết ơn người đã góp phần bảo vệ người dân trong thời kì hoà bình.
d	Kha suy nghĩ không đúng. Ngoài việc học, HS còn cần tham gia những hoạt động khác nữa.	Chúng ta được sống, được học tập như ngày hôm nay là nhờ công hiến của các thế hệ cha ông. Kha nên tham gia để hiểu và biết ơn những đóng góp đó.

Bài tập 5 *Xử lí tình huống*

– GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 4: Đọc tình huống trong SGK (mục 5 phần Luyện tập), xây dựng kịch bản, sắm vai xử lí tình huống.

– HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, hỗ trợ những nhóm gặp khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ.

– GV mời đại diện các nhóm lên sắm vai xử lí tình huống. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá, đưa ra cách xử lí khác.

– GV nhận xét, kết luận:

+ Tình huống 1: Khuyên Sơn nên tham gia cùng các bạn và rủ các bạn về nhà mình chơi, trò chuyện, thăm hỏi ông.

+ Tình huống 2: Páo nên nói với bạn: Đất nước đã hoà bình rồi nhưng vẫn cần có những người lính bảo vệ đất nước, đề phòng nguy cơ chiến tranh có thể xảy ra. Mỗi người có một ước mơ khác nhau nhưng đều góp phần bảo vệ và dựng xây đất nước, giữ gìn, phát huy truyền thống của các thế hệ đi trước.

+ Tình huống 3: Sử nên nói với các bạn: Nguồn tài trợ là có giới hạn, nhiều nơi còn khó khăn cần sự giúp đỡ của các nhà tài trợ. Vì vậy, không nên ỷ lại, trông chờ mà phải biết bảo vệ, giữ gìn cây cầu để dùng được dài lâu.

+ Tình huống 4: Thu nên nói với thầy, cô giáo và nhiều bạn hơn nữa để cùng chung tay giúp đỡ các em nhỏ. Thu có thể sắp xếp thời gian phù hợp để vừa học tốt vừa có thể chăm sóc, dạy dỗ các em nhỏ cùng với các bạn và gia đình bác Phú.

4. Vận dụng

Mục tiêu: HS kết nối được những điều đã học với thực tiễn cuộc sống bằng những việc làm cụ thể.

Cách tiến hành:

1. Liên hệ bản thân

– GV tổ chức cho HS sắm vai MC, phỏng vấn các bạn trong lớp để thực hiện bài tập vận dụng số 1: *Hãy chia sẻ những việc em đã và sẽ làm để tỏ lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước.*

– Lần lượt một số HS trong lớp sắm vai MC để phỏng vấn các bạn trong lớp.

2. Sáng tạo sản phẩm

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân/nhóm để thực hiện bài tập vận dụng số 2: *Hãy tạo một sản phẩm (viết đoạn văn, vẽ bức tranh, thiết kế poster,...) thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.*

– HS có thể thực hiện nhiệm vụ trên lớp hoặc về nhà, giờ học sau nộp cho GV hoặc treo ở giá/tường lớp học. GV sử dụng kĩ thuật phòng tranh, tổ chức cho HS quan sát sản phẩm, nhận xét, đánh giá.

Chủ đề 2 TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT CỦA NGƯỜI KHÁC

Bài 2 TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT CỦA NGƯỜI KHÁC (3 TIẾT)

I YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau bài học, HS cần:

– Kể được một số biểu hiện tôn trọng sự khác biệt (về đặc điểm cá nhân; giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,…) của người khác.

– Biết vì sao phải tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người.

– Thể hiện được bằng lời nói, hành động, thái độ tôn trọng sự khác biệt của người khác.

– Không đồng tình với những hành vi phân biệt đối xử vì sự khác biệt về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,…

Từ đó, HS có cơ hội hình thành và phát triển:

– Năng lực điều chỉnh hành vi: có lời nói, hành động, thái độ tôn trọng sự khác biệt của người khác.

– Phẩm chất nhân ái: thấu hiểu, chia sẻ và cảm thông với những điều khác biệt của người khác về sở thích, ngoại hình, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,…

II ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SGK, SGV, Vở Bài tập Đạo đức 5.

– Máy chiếu, máy tính (nếu có).

– Thẻ bày tỏ thái độ, phiếu học tập,…

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

Mục tiêu: Tạo tâm thế, hứng thú học tập cho HS để dẫn vào bài mới.

Cách tiến hành:

– GV giới thiệu trò chơi "Bạn ấy là ai?" và phổ biến luật chơi: GV mời một vài bạn HS đứng trước lớp mô tả ngoại hình, tính cách, sở thích,… của một bạn bất kì trong lớp để các bạn khác đoán xem đó là ai.

– HS tham gia trò chơi.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

– GV nhận xét và dẫn vào bài mới: Nét riêng của mỗi bạn về ngoại hình, tính cách, sở thích,… cũng chính là điểm khác biệt của bạn so với những người khác. Vì sao cần phải tôn trọng những sự khác biệt đó? Cần có lời nói, thái độ, hành động như thế nào? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu qua bài học ngày hôm nay.

Gợi ý phương án khác:

GV cho HS xem video bài hát "Bảy sắc cầu vồng" của tác giả Nguyễn Hồng Thuận. Sau đó, GV đặt câu hỏi khai thác và dẫn vào bài mới: Bảy màu sắc khác nhau kết hợp lại, tạo nên hình ảnh cầu vồng thật lung linh và kì ảo. Mỗi chúng ta cũng giống như một gam màu riêng biệt, nhưng khi biết tôn trọng lẫn nhau sẽ làm nên cuộc sống đa dạng, hoà hợp và tràn đầy tình yêu thương.

2. Khám phá

Hoạt động 1 *Tìm hiểu một số biểu hiện tôn trọng sự khác biệt*

Mục tiêu: HS nêu được một số biểu hiện tôn trọng sự khác biệt của người khác.

Cách tiến hành:

Nhiệm vụ 1: Thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi

– GV hướng dẫn HS đọc các trường hợp, quan sát tranh ở mục 1 phần Khám phá trong SGK, thảo luận nhóm 4 và trả lời câu hỏi: *Nêu biểu hiện tôn trọng sự khác biệt của người khác trong mỗi trường hợp.*

– HS thảo luận dưới sự điều khiển của nhóm trưởng.

– Với mỗi câu hỏi, GV mời đại diện một nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét, bổ sung (GV có thể mời HS lên bảng vừa chỉ tranh, vừa trả lời câu hỏi).

– GV nhận xét và kết luận: Mỗi trường hợp nói về sự khác biệt ở các khía cạnh khác nhau: về ngoại hình (tranh 1), về hoàn cảnh (tranh 2), về dân tộc (tranh 3), về giới tính (tranh 4). Biểu hiện tôn trọng sự khác biệt của người khác được thể hiện:

Trường hợp a: Minh động viên khi bạn tự ti vì có ngoại hình mập mạp.

Trường hợp b: Nga vui vẻ chơi cùng bạn có hoàn cảnh kém may mắn hơn mình (bị khuyết tật).

Trường hợp c: Hoa mong muốn làm quen và tìm hiểu về trang phục truyền thống của các bạn dân tộc thiểu số.

Trường hợp d: Khi bầu chọn Chi đội trưởng, Luân không phân biệt bạn nam hay bạn nữ.

Nhiệm vụ 2: Làm việc cá nhân

– GV nêu yêu cầu: *Kể thêm các biểu hiện tôn trọng sự khác biệt của người khác mà em biết.*

– HS suy nghĩ trả lời.

– GV mời một số HS đưa ra câu trả lời.

– GV nhận xét câu trả lời của HS và kết luận:

Các biểu hiện khác: Tôn trọng sở thích của người khác, chấp nhận khi người khác có quan điểm, suy nghĩ không giống mình, tôn trọng các bạn đến từ quốc gia khác,…

Gợi ý phương án khác: GV có thể sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn khi tổ chức cho HS thảo luận về các biểu hiện của tôn trọng sự khác biệt qua 4 trường hợp ở mục 1 phần Khám phá trong SGK.

Hoạt động 2 *Tìm hiểu vì sao phải tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người*

Mục tiêu: HS giải thích được vì sao cần tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người.

Cách tiến hành:

– GV dành 3 phút cho HS đọc thầm nội dung câu chuyện "Cây cọ nhí" ở mục 2 phần Khám phá trong SGK. GV kể hoặc mời HS đọc diễn cảm câu chuyện.

– HS thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi:

+ *Thái độ của các cây cọ khác đối với cọ nhí thể hiện điều gì?*

+ *Vì sao các cây cọ khác lại cảm thấy hối hận?*

+ *Nêu những lí do cần phải tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người.*

– Với mỗi câu hỏi, GV mời một vài HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận:

+ Sự coi thường của các cây cọ khác đối với cây cọ nhí thể hiện thái độ thiếu tôn trọng sự khác biệt của người khác.

+ Các cây cọ khác cảm thấy hối hận vì nhận ra cọ nhí tuy nhỏ bé nhưng cũng có sứ mệnh của riêng mình, đó là làm cho bức tranh của ông đồ trở nên sống động hơn.

+ Cần tôn trọng sự khác biệt vì mỗi người có những nét riêng, không giống với những người khác và chính điều này tạo nên sự đa dạng của cuộc sống. Tôn trọng sự khác biệt của người khác sẽ giúp chúng ta xây dựng và duy trì được các mối quan hệ tốt đẹp, thân thiện với bạn bè và mọi người xung quanh.

– GV chốt kiến thức phần Khám phá:

> – Tôn trọng sự khác biệt được biểu hiện ở sự thấu hiểu, chia sẻ và cảm thông với những điều khác biệt của người khác về sở thích, ngoại hình, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,…
>
> – Mỗi người phải biết chấp nhận và tôn trọng sự khác biệt của người khác để cùng nhau tạo dựng nên các mối quan hệ thân thiện, tốt đẹp với bạn bè và mọi người xung quanh.

– HS đọc thông điệp trong SGK. GV giải thích thêm về ý nghĩa của thông điệp.

3. Luyện tập

Mục tiêu: HS được củng cố kiến thức thông qua bày tỏ thái độ, nhận xét hành vi, xử lí tình huống liên quan đến tôn trọng sự khác biệt.

Cách tiến hành:

Bài tập 1 *Bày tỏ ý kiến*

– GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động "Phóng viên nhí" với các ý kiến ở mục 1 phần Luyện tập trong SGK.

– Một HS đóng vai là Phóng viên nhí, lần lượt nêu từng ý kiến và hỏi một số bạn tán thành hay không tán thành với ý kiến đó và giải thích lí do.

– HS trả lời câu hỏi của Phóng viên nhí.

– GV nhận xét và kết luận:

Ý kiến a: Tán thành: vì cuộc sống vốn là thế giới đa dạng, phong phú, đầy màu sắc. Mỗi người là một cá thể riêng biệt về sở thích, ngoại hình, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,… khác nhau.

Ý kiến b: Không tán thành: vì chúng ta nên vui chơi với các bạn một cách hoà đồng, không nên có sự phân biệt giới tính.

Ý kiến c: Không tán thành: vì mỗi bạn có hoàn cảnh sống khác nhau và điều này không ảnh hưởng đến tình bạn của mỗi người. Chúng ta cần tôn trọng hoàn cảnh riêng của các bạn và chơi cùng bạn.

Ý kiến d: Tán thành: vì mỗi dân tộc có phong tục và các nét văn hoá đặc trưng đã được gìn giữ và lưu truyền qua nhiều thế hệ. Vì vậy, chúng ta cần biết trân trọng các giá trị tốt đẹp của mỗi dân tộc.

Gợi ý phương án khác: GV có thể mời HS đọc từng ý kiến, cả lớp bày tỏ quan điểm bằng cách giơ thẻ cảm xúc hoặc quy ước bằng một hành động nào đó. Sau đó, GV mời một số HS giải thích về quan điểm của mình.

Bài tập 2 *Nhận xét hành vi*

– GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm 4 và thực hiện yêu cầu: *Nhận xét việc làm của các bạn trong những trường hợp ở mục 2 phần Luyện tập trong SGK.*

– Các nhóm độc lập thảo luận dưới sự điều khiển của nhóm trưởng.

– GV tổ chức cho các nhóm trình bày kết quả thảo luận, nhận xét và bổ sung cho nhau.

– GV nhận xét và kết luận:

Trường hợp a: Không đồng tình với việc làm của các bạn trêu chọc Tân vì điều đó thể hiện hành vi thiếu tôn trọng với sự khác biệt của người khác; đồng tình với Phong vì bạn đã đứng ra bênh vực và bảo vệ Tân.

Trường hợp b: Không đồng tình với Vân vì bạn chưa biết tôn trọng sở thích của em gái khi em có sở thích không giống mình.

Trường hợp c: Đồng tình với Tú vì bạn hoà đồng với các bạn, sẵn sàng tham gia chơi vui vẻ cùng các bạn dù điều kiện ở quê khác nơi Tú ở.

Trường hợp d: Đồng tình với Nga vì bạn biết cảm thông, chia sẻ với hoàn cảnh riêng của Linh.

Bài tập 3 *Đưa ra lời khuyên cho bạn*

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi và đưa ra lời khuyên cho bạn trong mỗi tình huống ở mục 3 phần Luyện tập trong SGK.

– HS thảo luận với bạn bên cạnh để đưa ra lời khuyên.

– GV mời một số HS trình bày, HS khác nhận xét.

– GV nhận xét và kết luận:

Trường hợp a: Khuyên Mai nên nói với các bạn rằng Hà điệu là nét riêng của bạn và điều này không gây ảnh hưởng đến người khác, không nên ghét bỏ hay tẩy chay bạn ấy.

Trường hợp b: Khuyên Lan nên tôn trọng ước mơ và suy nghĩ của Hương.

Trường hợp c: Khuyên Na nên tôn trọng sở thích của em mình.

Bài tập 4 *Xử lí tình huống*

– GV chia nhóm gồm 4 – 6 HS, cho các nhóm bốc thăm để lựa chọn một trong các tình huống ở mục 4 phần Luyện tập trong SGK.

– Các nhóm thảo luận, thống nhất đưa ra cách xử lí tình huống phù hợp. Từ đó, xây dựng thành tiểu phẩm nhỏ, phân vai và tập đóng vai trong nhóm.

– GV mời một số nhóm lên đóng vai, các nhóm khác có thể nêu ý tưởng tiểu phẩm. Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

– GV đánh giá chung và kết luận:

Tình huống a: Em sẽ nói chuyện với Ba, để bạn hiểu và tôn trọng sở thích của mình.

Tình huống b: Em sẽ nói với các bạn trong lớp rằng: Người khuyết tật mang trong mình những khiếm khuyết nhất định, không được lành lặn như người bình thường. Họ phải chịu nhiều khó khăn, vất vả, thiệt thòi. Chúng ta nên trò chuyện, chia sẻ và cảm thông với hoàn cảnh của các bạn.

Tình huống c: Em nên nói với anh trai rằng: anh cứ yên tâm, em sẽ hoà hợp được với các bạn nước ngoài vì em biết tôn trọng sự khác biệt của các bạn ấy.

4. Vận dụng

Mục tiêu: HS kết nối được những điều đã học với thực tiễn cuộc sống bằng những việc làm cụ thể.

Cách tiến hành:

1. Giới thiệu bản thân "Tôi khác biệt"

– GV giao cho HS nhiệm vụ từ cuối tiết trước: thực hiện các sản phẩm như bài viết, video, tranh kí hoạ,… về chủ đề "Tôi khác biệt" để giới thiệu về những điểm đặc biệt của bản thân mình với các bạn.

– HS thực hiện nhiệm vụ ở lớp hoặc ở nhà theo hướng dẫn của GV.

– GV sử dụng kĩ thuật phòng tranh để HS trong lớp đều có cơ hội chia sẻ sản phẩm của mình và quan sát, nhận xét sản phẩm của các bạn khác.

– GV nhận xét chung về sản phẩm của HS và kết luận: *Cuộc sống là một bức tranh muôn màu muôn vẻ, trong đó mỗi con người lại là một mảnh ghép riêng biệt, độc đáo mà không ai có thể thay thế.*

2. Chia sẻ cảm nhận

– GV tổ chức cho HS trao đổi theo nhóm đôi để chia sẻ cảm nhận về sự khác biệt của các bạn trong lớp bằng các câu hỏi như: *Bạn nào trong lớp có đặc điểm khác biệt với em? Em cảm thấy thế nào về điều đó?,...*

– HS chia sẻ trong nhóm.

– GV mời một số HS chia sẻ trước lớp.

– GV nhận xét, kết luận: Các em đã nhận ra điểm khác biệt của các bạn trong lớp và biết chia sẻ cảm nhận, bày tỏ thái độ về sự khác biệt của nhau một cách tôn trọng.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Chủ đề 3 VƯỢT QUA KHÓ KHĂN

Bài 3 VƯỢT QUA KHÓ KHĂN (4 TIẾT)

I YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau bài học này, HS cần:

– Nhận biết được những khó khăn cần phải vượt qua trong học tập và trong cuộc sống.

– Kể được một số biểu hiện của vượt qua khó khăn.

– Biết vì sao phải vượt qua khó khăn.

– Biết vượt qua một số khó khăn của bản thân trong học tập và sinh hoạt.

– Quý trọng gương vượt khó trong học tập và cuộc sống.

Từ đó, HS có cơ hội hình thành và phát triển:

– Năng lực điều chỉnh hành vi: thực hiện được những việc làm cần thiết để vượt qua những khó khăn trong học tập và trong cuộc sống.

– Phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm: thể hiện qua việc biết vượt qua một số khó khăn của bản thân trong học tập và sinh hoạt.

II ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SGK, SGV, Vở Bài tập Đạo đức 5.

– Một vài câu chuyện về tấm gương biết vượt qua khó khăn trong học tập và sinh hoạt.

– Máy chiếu, máy tính, thẻ bày tỏ thái độ, phiếu học tập, sticker,…

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

Mục tiêu: Tạo tâm thế, hứng thú học tập cho HS để dẫn vào bài mới.

Cách tiến hành:

– GV mời HS chia sẻ về một khó khăn trong học tập hoặc cuộc sống mà em đã gặp và cách em vượt qua khó khăn đó theo gợi ý:

+ *Khó khăn mà em gặp phải là gì?*

+ *Em đã làm gì để vượt qua khó khăn đó?*

+ *Nêu cảm nhận của em khi đó.*

– HS thực hiện nhiệm vụ.

– GV mời 1– 2 HS chia sẻ.

– GV nhận xét, kết luận, dẫn vào bài mới:

Trong cuộc sống và học tập của mỗi người luôn xuất hiện những khó khăn đòi hỏi chúng ta cần phải vượt qua. Biết vượt qua khó khăn không những sẽ giúp chúng ta thành công mà việc nhận biết những thử thách và vượt qua chúng còn khiến ta cảm thấy tự tin hơn và có thể đối mặt với bất cứ tình huống nào trong cuộc sống.

Gợi ý phương án khởi động khác: GV có thể cho HS kể về một tấm gương biết vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống mà các em biết, hoặc GV có thể đọc bài thơ hoặc cho HS nghe bài hát có chủ đề vượt qua khó khăn,…

2. Khám phá

Hoạt động 1 Nhận biết những khó khăn cần phải vượt qua trong học tập và trong cuộc sống

Mục tiêu: HS nêu được những khó khăn cần phải vượt qua trong học tập và trong cuộc sống.

Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS quan sát 5 bức tranh trong SGK, thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi:

+ *Các bạn trong tranh đang gặp khó khăn gì?*

+ *Kể thêm những khó khăn khác trong học tập và cuộc sống mà em biết.*

– HS thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân (quan sát tranh), thảo luận nhóm đôi, ghi kết quả vào nháp để trả lời câu hỏi.

– GV mời đại diện một vài nhóm trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập, kết quả thảo luận của HS và kết luận:

+ Tranh 1: Bạn nam gặp khó khăn trong việc nhớ lại kiến thức đã được học từ học kì trước.

+ Tranh 2: Bạn nữ hay bị mất bình tĩnh và quên hết những điều định nói mỗi khi phát biểu trước lớp.

+ Tranh 3: Bạn nữ bị các bạn hiểu lầm, nói những điều không hay về bản thân.

+ Tranh 4: Bạn nữ gặp khó khăn trong việc học tập, sắp tới có bài kiểm tra cuối kì mà bạn lại bị ốm.

+ Tranh 5: Bạn nam gặp khó khăn trong cuộc sống, bố mẹ bạn đi làm ăn xa trong khi ông bà của bạn lại bị ốm, bạn phải làm rất nhiều việc nhà,…

Ngoài những khó khăn của các bạn trong tranh, chúng ta còn có thể gặp phải những khó khăn khác như: gặp khó khăn trong việc hiểu bài giảng, dễ bị xao nhãng, trì hoãn công việc, khả năng tập trung ngắn hạn, hay phạm lỗi do bất cẩn, chịu áp lực từ gia đình, thay đổi môi trường sống, có nhiều thứ để học nhưng lại có quá ít thời gian,…

Hoạt động 2 *Tìm hiểu biểu hiện và ý nghĩa của việc biết vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống*

Mục tiêu: HS nêu được các biểu hiện và ý nghĩa của việc biết vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống.

Cách thực hiện:

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm đôi, đọc câu chuyện "Chăm ngoan, học giỏi" trong SGK để trả lời câu hỏi: *Bạn Huế đã vượt qua khó khăn như thế nào? Việc biết vượt qua khó khăn đó đã đem lại điều gì cho bạn?*

– HS đọc câu chuyện, thảo luận nhóm đôi, ghi kết quả thảo luận vào nháp/phiếu học tập.

– GV mời đại diện một vài nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có ý kiến khác).

– GV nhận xét, kết luận: Bạn Huế gặp nhiều khó khăn cả trong học tập và cuộc sống như: Không được sống với bố mẹ, bạn sống cùng ông bà trong khi ông bà thì hay đau ốm, kinh tế eo hẹp. Hằng ngày, bạn phải dành thời gian làm nhiều việc nhà để giúp đỡ ông bà như quét nhà, nấu cơm, nấu cám cho lợn. Bên cạnh đó, để đến được trường học, bạn phải dậy rất sớm để đi bộ đến trường.

– GV mời 1 – 2 HS chia sẻ cảm nghĩ về tấm gương vượt khó của bạn Huế.

– HS chia sẻ cảm nghĩ, GV nhận xét, khen ngợi những bạn có cảm nghĩ hay về tấm gương vượt khó của bạn Huế.

– GV yêu cầu HS tiếp tục làm việc nhóm đôi để trả lời câu hỏi: *Theo em, vì sao chúng ta cần biết vượt qua những khó khăn trong học tập và cuộc sống?*

– GV mời đại diện một vài nhóm trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập, kết quả thảo luận của HS và kết luận: Khó khăn luôn xuất hiện trong học tập và cuộc sống của mỗi người. Nó yêu cầu chúng ta phải đối mặt để đạt được mục tiêu và trở nên mạnh mẽ hơn. Biết vượt qua khó khăn sẽ giúp ta đạt được thành công. Khi đối mặt với những khó khăn, chúng ta không chỉ học cách vượt qua chúng mà còn cảm thấy tự tin hơn và có thể đối mặt với bất kì tình huống nào. Bên cạnh đó, những khó khăn trong học tập và cuộc sống còn giúp ta khám phá những khả năng tiềm ẩn mà chúng ta không biết mình có. Bằng cách đối mặt với những thử thách và vượt qua chúng, chúng ta có thể khám phá và phát triển những khả năng mới, nâng cao trình độ, kĩ năng của bản thân và cải thiện cuộc sống của mình.

– GV nhắc lại một số chia sẻ của HS ở phần Khởi động và mời một vài HS chia sẻ thêm về cách em sẽ làm để vượt qua những khó khăn trong học tập và cuộc sống nếu em gặp phải.

– GV mời một vài HS chia sẻ.

– GV nhận xét, khen ngợi những em có cách vượt qua khó khăn hiệu quả và gợi ý cho HS một số cách có thể dùng để vượt qua những khó khăn trong học tập và cuộc sống nếu gặp phải như: cần có tư duy tích cực và luôn sẵn sàng đối mặt với những trở ngại trước mắt; cần xác định chính xác các khó khăn cần giải quyết và nguyên nhân dẫn đến khó khăn đó; liệt kê các phương án vượt qua khó khăn và lựa chọn

phương án tối ưu, đồng thời kiên trì thực hiện theo phương án đã chọn. Tuy nhiên, chúng ta cũng cần phải nhận ra rằng, có những thử thách mà chúng ta không thể vượt qua một mình. Trong những trường hợp như vậy, việc tìm kiếm sự giúp đỡ từ người xung quanh, như gia đình, bạn bè, thầy, cô giáo là rất quan trọng. Việc có người đứng ra hỗ trợ, động viên và chia sẻ những khó khăn sẽ giúp chúng ta vượt qua những thử thách một cách dễ dàng hơn và nhanh chóng hơn.

* GV chốt kiến thức phần Khám phá:

– Trong học tập và cuộc sống có thể xuất hiện những khó khăn như: khả năng ghi nhớ kém, gặp vấn đề về sức khoẻ, bị người khác hiểu lầm, áp lực từ gia đình, thay đổi môi trường sống,… Biết vượt qua khó khăn sẽ giúp chúng ta đạt được thành công trong học tập và cuộc sống.

– Để vượt qua khó khăn, chúng ta cần: xác định khó khăn cần giải quyết; xác định nguyên nhân dẫn đến khó khăn; liệt kê các phương án vượt qua khó khăn và những người có thể hỗ trợ; lựa chọn phương án tối ưu và kiên trì thực hiện theo phương án đã chọn.

HS đọc thông điệp trong SGK. GV giải thích thêm về ý nghĩa của thông điệp.

3. Luyện tập

Mục tiêu: HS được củng cố kiến thức, hình thành kĩ năng thông qua bày tỏ thái độ, nhận xét hành vi, xử lí tình huống về vượt qua khó khăn.

Cách tiến hành:

Bài tập 1 ***Bày tỏ ý kiến***

– GV hướng dẫn HS làm bài tập 1 trong SGK (mục 1 phần Luyện tập).

– HS làm việc cá nhân.

– GV mời 1 HS trình bày kết quả. Các HS khác nhận xét, đánh giá.

– GV nhận xét, kết luận:

+ Đồng tình với ý kiến b, e vì vượt qua được những khó khăn sẽ giúp chúng ta thành công và có nhiều niềm vui trong cuộc sống, do vậy mỗi người cần có những biện pháp để tự mình vượt qua những khó khăn. Tuy nhiên, cũng có những khó khăn mà chúng ta không thể vượt qua một mình, khi đó việc tìm kiếm sự giúp đỡ từ người xung quanh, như gia đình, bạn bè, thầy, cô giáo là cần thiết để giúp ta vượt qua những thử thách một cách dễ dàng và nhanh chóng hơn.

+ Không đồng tình với ý kiến a, c, d, g vì trẻ em cũng có thể tự mình vượt qua được những khó khăn; ý chí và tinh thần vượt khó không phải là bẩm sinh mà mỗi người đều có thể rèn luyện được; vượt khó đôi khi sẽ khiến bản thân mệt mỏi, tuy nhiên khi vượt qua được khó khăn sẽ giúp ta thành công và có nhiều niềm vui trong cuộc sống, bên cạnh đó khi đối mặt với những khó khăn, chúng ta

không chỉ học cách vượt qua chúng mà còn cảm thấy tự tin hơn và có thể đối mặt với bất kì tình huống nào trong cuộc sống, do vậy việc nhận biết được khó khăn và biết vượt qua khó khăn là cần thiết đối với tất cả mọi người, không chỉ đối với người nghèo.

Bài tập 2 *Dự đoán điều có thể xảy ra*

– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, thực hiện bài tập 2 trong SGK (mục 2 phần Luyện tập).

– Mỗi nhóm thảo luận một trường hợp để dự đoán điều có thể xảy ra.

– GV động viên, khích lệ các nhóm thảo luận để đưa ra dự đoán.

– GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

– GV nhận xét, khen ngợi các nhóm có câu trả lời đúng và kết luận:

a. Nếu sợ hãi, nản chí, không muốn hành động khi gặp khó khăn thì sẽ không thể thành công trong học tập và cuộc sống, bên cạnh đó nếu cứ mãi lo lắng và sợ hãi, không dám hành động thì chúng ta không thể biết mình có thể làm được những gì, không khám phá được những khả năng của bản thân.

b. Nếu khi gặp khó khăn, ta giữ được bình tĩnh để suy nghĩ sáng suốt, xem tất cả mọi khó khăn, thử thách chỉ là tạm thời, chấp nhận thay đổi, thực hiện các biện pháp, điều chỉnh theo nó thì sẽ vượt qua được khó khăn và đạt được thành công.

c. Việc không tin vào khả năng của bản thân và sự hỗ trợ, ủng hộ của những người đáng tin cậy khi gặp khó khăn sẽ làm cho bản thân luôn mặc cảm, tự ti, không hiểu được bản thân, không xác định được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân để xác định các biện pháp vượt qua khó khăn; dễ mắc các triệu chứng tâm lí không tốt như trầm cảm, lo âu, mệt mỏi,…

d. Nếu luôn ỷ lại, chờ đợi sự giúp đỡ của người khác khi gặp khó khăn sẽ khiến bản thân có thói quen dựa dẫm, lười lao động, lười suy nghĩ, thụ động trong tư duy, thiếu năng lực để đưa ra những quyết định trong những trường hợp cụ thể, không làm chủ được cuộc đời, không có bản lĩnh, sáng tạo, trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội,…

e. Khi gặp khó khăn mà không làm gì cả, hi vọng khó khăn đó tự biến mất sẽ không thể đưa đến thành công, vì những khó khăn đã xảy ra không thể tự biến mất được mà đòi hỏi phải có những hành động và biện pháp cụ thể.

Bài tập 3 *Vận dụng các bước để giúp bạn vượt qua khó khăn*

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm đôi, làm bài tập 3 trong SGK, mỗi nhóm vận dụng các bước vượt qua khó khăn để giải quyết một tình huống trong hoạt động 1 phần Khám phá.

– HS đọc bài tập, suy nghĩ, thảo luận nhóm, ghi kết quả thảo luận vào nháp/phiếu học tập.

– GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có ý kiến khác).

– GV nhận xét, khen ngợi các nhóm có những vận dụng đúng.

Bài tập 4 *Nhận xét hành vi*

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 4, làm bài tập 4 (mục 4 phần Luyện tập).

– HS đọc trường hợp, thảo luận nhóm, ghi kết quả thảo luận vào nháp/phiếu học tập.

– GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có ý kiến khác).

– GV nhận xét, kết luận:

Trường hợp	Nhận xét
a	Bạn Phống gặp khó khăn trong việc đến trường học vì nhà bạn ở xa trường, để đến được trường, bạn phải đi bộ 3 km. Tuy nhiên bạn đã biết vượt qua khó khăn đó bằng cách chăm chỉ, kỉ luật với bản thân, hằng ngày thức dậy rất sớm để đi bộ đến trường đều đặn, đúng giờ.
b	Khi thầy giáo hướng dẫn kĩ thuật phát cầu lông, dù thấy khó nhưng Ngọc vẫn mạnh dạn xung phong để thử sức chứng tỏ bạn là người biết vượt khó, không ngại thử những điều mới mẻ, phức tạp. Điều đó sẽ giúp bạn học tốt môn cầu lông đồng thời có thể khám phá những khả năng của bản thân, thêm mạnh dạn, tự tin,…
c	Sáng dậy thấy trời gió rét nên Phương lấy lí do bị mệt để không phải tham gia lao động cùng các bạn trong xóm, điều này cho thấy bạn là người không có tinh thần vượt khó, vừa gặp một chút khó khăn đã nản chí.
d	Hằng sợ khó nên đã từ chối khi bố muốn dạy bạn cách tỉa, tạo dáng cho cây cảnh, chứng tỏ bạn là người ngại khó, ngại khổ. Nếu cứ tiếp tục như vậy bạn sẽ trở nên thụ động, tự ti, không khai thác, khám phá được những khả năng của bản thân,…

Bài tập 5 *Tư vấn cho bạn*

– GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 4: Đọc tình huống trong SGK (mục 5 phần Luyện tập), thảo luận để đưa ra lời tư vấn (mỗi nhóm tư vấn một tình huống).

– HS thực hiện nhiệm vụ.

– GV quan sát, hỗ trợ những nhóm gặp khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ.

– GV mời đại diện các nhóm lên trình bày kết quả thảo luận của cả nhóm. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá, đưa ra cách tư vấn khác (nếu có).

– GV nhận xét, kết luận:

+ Tình huống a: Việc viết chữ xấu, khó đọc sẽ gây ra nhiều khó khăn trong học tập và cuộc sống. Do vậy, bạn nên luyện tập, rèn chữ, có như vậy sẽ thuận lợi hơn trong học tập và cuộc sống.

+ Tình huống b: Siêng năng, chăm chỉ luôn là điều quan trọng nhất nếu bạn muốn thành công. Môn Toán thật sự không khó, có điều phải học đúng cách và có sự đầu tư đúng hướng. Cụ thể:

Khi học trên lớp, bạn cần: 1. Nắm chắc các công thức vì các công thức, định nghĩa phải nhớ thì mới vận dụng vào để làm bài tập được; 2. Không học dồn, phải học vững bài trước thì mới học tốt được bài sau; 3. Lắng nghe và ghi chép cẩn thận bài giảng của thầy cô; 4. Mạnh dạn hỏi khi chưa hiểu: trong quá trình học trên lớp, chắc chắn sẽ có những điều bạn thắc mắc hoặc chưa hiểu rõ, hãy mạnh dạn giơ tay để hỏi thầy cô.

Khi học tại nhà, bạn cần: 1. Đọc trước bài mới ở nhà: nếu xem qua và chuẩn bị bài trước, bạn sẽ bắt kịp bài và hiểu dễ dàng hơn, tránh tình trạng bỡ ngỡ khi gặp bài học lạ hoặc khó; 2. Học và làm bài tập thật nhiều: bạn phải làm bài tập nhiều để những công thức mà mình học được áp dụng. Càng làm nhiều, bạn sẽ tiếp xúc với nhiều dạng bài tập, điều đó sẽ tích luỹ kiến thức cũng như kinh nghiệm cho bạn giải các bài sau này; 3. Yêu thích môn học: bất cứ điều gì khi mình yêu thích thì mình sẽ làm tốt nó nhất. Vì vậy, hãy tập yêu môn Toán, hãy tạo cảm hứng để học, bạn sẽ chinh phục được nó nếu bạn yêu thích nó.

+ Tình huống c: Bạn nên sắp xếp thời gian ngủ cố định theo lịch, cố gắng đi ngủ và thức dậy vào cùng một giờ cố định mỗi ngày để kiểm soát đồng hồ của cơ thể; không ngủ trưa quá nhiều vì sẽ khiến bạn khó ngủ vào buổi tối; tạo không gian dễ ngủ trong phòng ngủ như hạn chế ánh sáng, tiếng ồn để giúp bạn dễ đi vào giấc ngủ hơn; không sử dụng các thiết bị công nghệ ít nhất 30 phút trước khi đi ngủ; nếu tình trạng khó dậy sớm của bạn kéo dài, làm ảnh hưởng đến cuộc sống, học tập, tốt nhất bạn nên tới các cơ sở y tế để được kiểm tra và có hướng can thiệp kịp thời.

+ Tình huống d: Khi bị một nhóm bạn bắt nạt, bạn cần: 1. Tìm sự giúp đỡ: đừng giữ im lặng, hãy tìm kiếm sự giúp đỡ từ những người có thể bảo vệ bạn như bạn bè, thầy cô, gia đình. Nếu cứ một mình chịu đựng và chống chọi, kẻ bắt nạt sẽ cho rằng bạn yếu thế và ngày một lấn tới; 2. Chơi cùng nhóm bạn: khi bạn có đồng đội, bạn sẽ có thêm sức mạnh và chỗ dựa, như vậy các bạn xấu sẽ không dám bắt nạt bạn nữa; 3. Tránh xa bạn xấu: nếu bạn cảm thấy người bạn đó có ý xấu, hãy tránh xa từ sớm và tìm cách hạn chế số lần gặp mặt, không tham gia vào những sự việc có liên quan; 4. Quản lí cảm xúc giận dữ: Khi bạn càng tỏ ra giận dữ thì kẻ

bắt nạt lại càng khoái chí và tiếp tục hành vi bắt nạt. Vậy nên, thay vì có những phản ứng quá khích khi bị bắt nạt. Bạn cần bình tĩnh và tìm cách xử lí tình huống khéo léo nhất; 5. Tự tin và có cái nhìn tích cực về bản thân: Khi ai đó chê bạn xấu, bạn béo, bạn gầy,… bạn sẽ có cảm giác tự ti về bản thân. Điều đó lại tạo cơ hội cho những người bạn xấu tiếp tục chế nhạo bạn. Hãy học cách bỏ ngoài tai những câu nói đó. Đồng thời, bạn hãy tự tin và có cái nhìn tích cực về bản thân mình. Đừng bao giờ có ý nghĩ mình bị bắt nạt là đúng hay mình không bao giờ thoát ra khỏi được hoàn cảnh ấy. Hãy tin rằng mọi chuyện có thể chuyển biến theo hướng tích cực khi bạn dám đương đầu với nó.

4. Vận dụng

Mục tiêu: HS kết nối được những điều đã học với thực tiễn cuộc sống bằng những việc làm cụ thể.

Cách tiến hành:

1. Liên hệ bản thân

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để thực hiện bài tập vận dụng số 1 trong SGK (mục 1 phần Vận dụng).

– HS có thể thực hiện nhiệm vụ trên lớp hoặc về nhà, giờ học sau nộp cho GV.

– GV cho HS nhận xét, đánh giá chéo sản phẩm của nhau.

– GV hướng dẫn HS áp dụng các biện pháp mà các em đã liệt kê vào thực tiễn khi gặp khó khăn.

2. Tìm hiểu tấm gương vượt khó

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân/nhóm để thực hiện bài tập vận dụng số 2: *Tìm hiểu về một tấm gương HS vượt khó và chia sẻ với các bạn theo gợi ý: Giới thiệu về bạn đó và những khó khăn mà bạn đã gặp; Bạn đã làm gì để vượt qua khó khăn?; Em đã học được điều gì từ tấm gương đó?*

– HS có thể thực hiện nhiệm vụ trên lớp hoặc về nhà, giờ học sau nộp cho GV hoặc treo ở giá/tường lớp học. GV tổ chức cho HS chia sẻ kết quả với các bạn trong nhóm/lớp.

Chủ đề 4 BẢO VỆ CÁI ĐÚNG, CÁI TỐT

Bài 4 BẢO VỆ CÁI ĐÚNG, CÁI TỐT (3 TIẾT)

I YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau bài học, HS cần:

– Nhận biết được cái đúng, cái tốt cần bảo vệ.

– Biết vì sao phải bảo vệ cái đúng, cái tốt.

– Biết một số cách đơn giản để bảo vệ cái đúng, cái tốt.

– Mạnh dạn bảo vệ cái đúng, cái tốt.

Từ đó, HS có cơ hội hình thành và phát triển:

– Năng lực điều chỉnh hành vi: thực hiện được một số việc làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ cái đúng, cái tốt.

– Phẩm chất trung thực, trách nhiệm: thể hiện ở thái độ, hành vi không chấp nhận làm theo cái sai, cái xấu; luôn bênh vực và bảo vệ cái đúng, cái tốt.

II ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SGK, SGV, Vở Bài tập Đạo đức 5.

– Máy chiếu, máy tính (nếu có).

– Tranh minh hoạ tình huống về bảo vệ cái đúng, cái tốt theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT.

– Thẻ bày tỏ thái độ, phiếu học tập,…

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

Mục tiêu: Tạo tâm thế, hứng thú học tập cho HS để dẫn vào bài mới.

Cách tiến hành:

– GV nêu yêu cầu:

+ Em hãy kể về một việc làm đúng, tốt của các bạn trong lớp, trường mà em đã chứng kiến.

+ Theo em, chúng ta cần ứng xử như thế nào với những việc làm đó?

– HS suy nghĩ trả lời.

– GV mời một số HS chia sẻ.

– GV nhận xét, dẫn vào bài học mới: Những việc làm tốt như quan tâm, đoàn kết với

bạn, giúp đỡ người gặp khó khăn,… sẽ làm cho cuộc sống của chúng ta trở nên tốt hơn. Để những việc làm này ngày càng được nhân rộng, chúng ta cần khích lệ, ủng hộ, bảo vệ và noi theo những người làm việc tốt. Đây cũng chính là một biểu hiện cụ thể của chuẩn mực hành vi "Bảo vệ cái đúng, cái tốt" mà các em sẽ được tìm hiểu trong bài học hôm nay.

2. Khám phá

Hoạt động 1 *Nhận biết được cái đúng, cái tốt cần bảo vệ*

Mục tiêu: HS nêu được những cái đúng, cái tốt cần bảo vệ.

Cách tiến hành:

Nhiệm vụ 1: Thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi

– GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4, quan sát các bức tranh ở mục 1 phần Khám phá trong SGK và thực hiện yêu cầu: *Hãy chỉ ra những cái đúng, cái tốt cần được bảo vệ trong những tranh đó.*

– Các nhóm độc lập thảo luận dưới sự điều khiển của nhóm trưởng.

– GV mời đại diện một nhóm trả lời (GV có thể mời HS lên bảng vừa chỉ tranh, vừa trả lời câu hỏi). Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

– GV nhận xét và kết luận:

+ Những cái đúng, cái tốt cần được bảo vệ:

Tranh 1: Trung thực trong học tập (không chép bài của bạn).

Tranh 2: Chấp hành luật giao thông (đội mũ bảo hiểm khi ngồi sau xe máy).

Tranh 3: Giúp đỡ mọi người (dắt cụ già qua đường).

Tranh 4: Phụ giúp bố mẹ việc nhà (nhắc em thu dọn bát đĩa sau khi ăn xong).

+ Các việc làm trên là những cái đúng, cái tốt cần bảo vệ vì đó là những việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội và quy định của pháp luật.

Nhiệm vụ 2: Làm việc cá nhân

– GV nêu yêu cầu: *Em hãy kể thêm những cái đúng, cái tốt khác cần được bảo vệ mà em biết.*

– HS làm việc cá nhân.

– GV mời một số HS trả lời.

– GV nhận xét, kết luận: Trong cuộc sống, có nhiều cái đúng, cái tốt khác cần được bảo vệ và khuyến khích nhân rộng như: nhặt được của rơi trả lại người mất, vứt rác đúng nơi quy định, tôn trọng sự khác biệt của người khác,…

Hoạt động 2 *Tìm hiểu vì sao phải bảo vệ cái đúng, cái tốt*

Mục tiêu: HS nêu được vì sao phải bảo vệ cái đúng, cái tốt.

Cách tiến hành:

– GV yêu cầu mỗi HS đọc thầm nội dung câu chuyện "Bảo vệ như thế là rất tốt" ở mục 2 phần Khám phá trong SGK trong 2 phút. GV kể hoặc mời HS đọc diễn cảm câu chuyện.

– GV đặt từng câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời:

+ *Cái đúng, cái tốt cần phải bảo vệ trong câu chuyện trên là gì? Lời nói của Bác thể hiện điều gì?*

+ *Theo em, vì sao chúng ta cần bảo vệ cái đúng, cái tốt?*

– GV mời một số HS nêu ý kiến.

– GV nhận xét, kết luận:

+ Cái đúng, cái tốt cần bảo vệ trong câu chuyện là người chiến sĩ đã thực hiện đúng nhiệm vụ canh gác của mình. Lời nói của Bác thể hiện Bác là người luôn bảo vệ, bênh vực cái đúng.

+ Chúng ta cần bảo vệ cái đúng, cái tốt vì điều đó sẽ giúp cái đúng, cái tốt được nhân rộng, đồng thời ngăn chặn cái sai, cái xấu và góp phần xây dựng cuộc sống an lành, hạnh phúc.

Hoạt động 3 *Tìm hiểu một số cách đơn giản để bảo vệ cái đúng, cái tốt*

Mục tiêu: HS biết một số cách đơn giản để bảo vệ cái đúng, cái tốt.

Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS quan sát tranh ở mục 3 phần Khám phá trong SGK, thảo luận nhóm đôi và trả lời các câu hỏi:

+ *Các bạn trong tranh đã bảo vệ cái đúng, cái tốt như thế nào?*

+ *Theo em, có những cách nào để bảo vệ cái đúng, cái tốt?*

– Các cặp HS cùng trao đổi ý kiến.

– GV lần lượt mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi tương ứng với từng tranh. Sau mỗi câu trả lời gắn với từng bức tranh, GV có thể ghi bảng từ/cụm từ khoá quan trọng (bênh vực việc làm đúng, nhắc nhở việc làm sai,…).

– GV nhận xét và kết luận:

– Việc làm của các bạn trong mỗi tranh để bảo vệ cái đúng, cái tốt:

+ Tranh 1: Bênh vực khi bạn làm việc đúng nhưng lại bị trách móc.

+ Tranh 2: Nhắc nhở khi bạn làm việc sai (giở vở trong giờ kiểm tra).

+ Tranh 3: Ngăn chặn hành vi xấu của bạn (bắt nạt em nhỏ).

+ Tranh 4: Ủng hộ bạn, cùng bạn làm việc tốt (chăm sóc cây xanh).

– GV nhận xét và kết luận:

+ Các cách bảo vệ cái đúng, cái tốt: Bênh vực khi bạn làm việc đúng; Nhắc nhở khi bạn làm sai; Ngăn chặn hành vi xấu; Ủng hộ, noi gương, cùng bạn làm việc tốt,…

+ Để cái đúng, cái tốt được nhân rộng, chúng ta cần có trách nhiệm bảo vệ cái đúng, cái tốt bằng các việc làm cụ thể.

Gợi ý phương án khác: GV có thể sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn khi tổ chức cho HS thảo luận (nhóm 4) về các cách bảo vệ cái đúng, cái tốt qua việc quan sát tranh ở mục 1 phần Khám phá trong SGK và trả lời câu hỏi.

– GV chốt kiến thức phần Khám phá:

– Cái đúng, cái tốt cần được bảo vệ là những việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội và quy định của pháp luật như trung thực trong học tập, giúp đỡ người gặp khó khăn, tuân thủ luật giao thông;…

– Chúng ta cần bảo vệ cái đúng, cái tốt vì điều đó sẽ giúp cái đúng, cái tốt được nhân rộng, đồng thời ngăn chặn cái sai, cái xấu và góp phần xây dựng cuộc sống bình an, hạnh phúc.

– Các cách đơn giản để bảo vệ cái đúng, cái tốt: Bênh vực khi bạn làm việc đúng; Nhắc nhở khi bạn làm sai; Ngăn chặn hành vi xấu; Ủng hộ, noi gương, cùng bạn làm việc tốt;…

– Mỗi người phải biết chấp nhận và tôn trọng sự khác biệt của người khác để cùng nhau tạo dựng nên các mối quan hệ thân thiện, tốt đẹp với bạn bè và mọi người xung quanh.

– HS đọc thông điệp trong SGK. GV giải thích thêm về ý nghĩa của thông điệp.

3. Luyện tập

Mục tiêu: HS được củng cố kiến thức thông qua bày tỏ thái độ, nhận xét hành vi, xử lí tình huống liên quan đến việc bảo vệ cái đúng, cái tốt.

Cách tiến hành:

Bài tập 1 *Bày tỏ ý kiến*

– GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động "Phóng viên nhí" với các ý kiến ở mục 1 phần Luyện tập trong SGK.

– Một HS đóng vai là phóng viên nhí, lần lượt nêu từng ý kiến và hỏi một số bạn tán thành hay không tán thành với ý kiến đó và giải thích.

– HS trả lời câu hỏi của phóng viên nhí.

– GV nhận xét và kết luận:

Ý kiến a: Tán thành: Cái đúng, cái tốt là những việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật nên chúng phù hợp với lợi ích của mọi người và xã hội. (GV có thể gợi ý để HS giải thích thông qua ví dụ về một việc làm cụ thể).

Ý kiến b: Không tán thành: Trẻ em cũng có thể bày tỏ thái độ hoặc thực hiện việc làm phù hợp với lứa tuổi của mình để bảo vệ những cái đúng, cái tốt.

Ý kiến c: Tán thành: Sự ủng hộ, đồng tình với những người thực hiện cái đúng, cái tốt sẽ giúp họ có thêm động lực để tiếp tục nhân rộng những điều tốt đẹp trong cuộc sống.

Ý kiến d: Không tán thành: Khi chứng kiến cái đúng, cái tốt bị chế giễu, chỉ trích hay đe doạ, chúng ta cần trực tiếp hoặc nhờ giúp đỡ để bảo vệ chúng.

Ý kiến e: Tán thành: Nếu không bảo vệ cái đúng, cái tốt thì cái sai, cái xấu sẽ lấn át. Chúng ta cần bảo vệ cái đúng, cái tốt, nếu không bảo vệ được thì xã hội sẽ không có điều tốt đẹp,…

Ý kiến g: Tán thành: Cái đúng, cái tốt là những việc làm mang lại lợi ích cho mọi người và xã hội nên chúng sẽ đem lại cho chúng ta cuộc sống an toàn, lành mạnh.

Gợi ý phương án khác: GV có thể mời HS đọc từng ý kiến, cả lớp bày tỏ quan điểm bằng cách giơ thẻ cảm xúc hoặc quy ước bằng một hành động nào đó. Sau đó, GV mời một số HS giải thích về quan điểm của mình.

Bài tập 2 ***Lựa chọn cách để bảo vệ cái đúng, cái tốt***

– GV giới thiệu và phổ biến luật chơi trò chơi "Tiếp sức".

– GV chia lớp thành 2 đội, mỗi đội cử ra 5 HS để tham gia trò chơi.

– GV viết cách ở mục 2 phần Luyện tập trong SGK vào bảng phụ và treo vào giữa bảng. Mỗi phần bảng bên trái và bên phải bảng phụ được chia thành 2 ô "Chọn" và "Không chọn".

– GV hoặc HS làm quản trò ra hiệu lệnh, lần lượt các thành viên trong mỗi đội viết/gắn chữ cái tương ứng với mỗi cách bảo vệ cái tốt (từ a đến e) vào ô "Chọn" hay "Không chọn" một cách thích hợp.

(Nếu có điều kiện, GV có thể chuẩn bị các băng giấy ghi các việc làm để HS gắn lên bảng vào ô Chọn/Không chọn một cách phù hợp).

– HS tham gia chơi.

– GV nhận xét kết quả thực hiện trò chơi của các đội; tổng kết các cách phù hợp để bảo vệ cái đúng, cái tốt, mời HS giải thích với các cách không được lựa chọn.

– GV kết luận: Để bảo vệ cái đúng, cái tốt, chúng ta cần: Ủng hộ khi bạn làm theo cái đúng, cái tốt (ý b); Bênh vực khi bạn làm theo cái đúng, cái tốt nhưng bạn ấy lại bị chê bai, chỉ trích (ý c); Noi gương và học tập theo những bạn thường xuyên làm việc tốt (ý e).

Bài tập 3 *Nhận xét hành vi*

– GV hướng dẫn HS đọc nội dung các trường hợp ở mục 3 phần Luyện tập trong SGK, thảo luận nhóm 4 và trả lời câu hỏi: *Bạn nào biết bảo vệ hoặc chưa biết bảo vệ cái đúng, cái tốt? Vì sao?*

– Các nhóm độc lập thảo luận dưới sự điều khiển của nhóm trưởng.

– Với mỗi trường hợp, GV mời đại diện từng nhóm trả lời, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, kết luận:

Trường hợp a: Minh biết bảo vệ cái đúng, cái tốt vì đã lên tiếng bênh vực hành động bảo vệ môi trường của Lan.

Trường hợp b: Ngân chưa biết bảo vệ cái đúng, cái tốt vì mặc dù biết thái độ của một số bạn đối với Hoa là không đúng nhưng không dám lên tiếng để bảo vệ Hoa.

Trường hợp c: Thắng biết bảo vệ cái đúng, cái tốt vì đã góp phần ngăn chặn việc làm sai của người phụ nữ (vứt túi rác xuống sông).

Trường hợp d: Thức chưa biết bảo vệ cái đúng, cái tốt vì không những không ủng hộ và cùng các bạn làm việc tốt (kéo cành cây vào lề đường) mà còn tỏ thái độ khó chịu. Huy và Hoà đã biết thực hiện và bảo vệ cái đúng, cái tốt.

Bài tập 4 *Xử lí tình huống*

– GV chia nhóm gồm 4 – 6 HS, cho các nhóm bốc thăm để lựa chọn và đóng vai theo tình huống ở mục 4 phần Luyện tập trong SGK.

– Các nhóm thảo luận, thống nhất đưa ra cách xử lí tình huống phù hợp, phân vai và tập đóng vai.

– GV mời một số nhóm lên đóng vai, các nhóm khác có thể nêu phương án giải quyết. Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

– GV nhận xét và kết luận:

Tình huống 1: Nói với Dũng và Phong nên đi tìm người lớn để ngăn chặn, nhắc nhở việc làm sai của các bạn.

Tình huống 2: Nói với các bạn rằng sở thích của Nhung rất có ích, giúp bảo vệ môi trường. Chúng ta không nên chế giễu, trêu chọc, mà cần học tập bạn.

Tình huống 3: Nói với Nga rằng đó là tiền của bà bán nước đánh rơi, mình phải có trách nhiệm trả lại cho bà. Tham của rơi là điều không tốt.

4. Vận dụng

Mục tiêu: HS kết nối được những điều đã học với thực tiễn cuộc sống bằng những việc làm cụ thể.

Cách tiến hành:

1. Thiết kế sản phẩm

– GV nhắc HS về nhà chuẩn bị từ cuối tiết học trước để viết về một việc cụ thể em đã hoặc sẽ làm để bảo vệ cái đúng, cái tốt và nhắc nhở mọi người cùng bảo vệ đúng, cái tốt trong cuộc sống.

– Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.

– Mời một số HS chia sẻ về việc làm bảo vệ cái đúng, cái tốt và những cảm xúc, suy nghĩ của em về việc làm đó.

– GV nhận xét tinh thần thực hiện nhiệm vụ và sản phẩm của các nhóm.

2. Sưu tầm tấm gương bảo vệ cái đúng, cái tốt trong cuộc sống

– GV nhắc HS về nhà sưu tầm tấm gương bảo vệ cái đúng, cái tốt trong thực tiễn cuộc sống vào cuối tiết học trước.

– GV mời một số HS giới thiệu về tấm gương mình đã sưu tầm và chia sẻ điều học hỏi được từ tấm gương đó.

– HS nhận xét, khen ngợi HS.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Chủ đề 5 BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SỐNG

Bài 5 BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SỐNG (4 TIẾT)

I YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau bài học này, HS cần:

– Nêu được các loại môi trường sống.

– Biết vì sao phải bảo vệ môi trường sống.

– Biết bảo vệ môi trường sống ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng bằng những việc làm cụ thể phù hợp với khả năng.

– Không đồng tình với hành vi gây ô nhiễm môi trường; nhắc nhở người thân, bạn bè bảo vệ môi trường sống.

Từ đó, HS có cơ hội hình thành và phát triển:

– Năng lực điều chỉnh hành vi: biết phân biệt hành vi đúng – sai và thực hiện được những việc làm giúp bảo vệ môi trường sống.

– Phẩm chất trách nhiệm: thể hiện qua việc tự giác thực hiện việc bảo vệ môi trường sống ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng bằng những việc làm cụ thể phù hợp với khả năng.

II ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SGK, SGV, Vở Bài tập Đạo đức 5.

– Video, clip minh hoạ 02 tình huống xả rác xuống sông, hồ và đốt rác thải nhựa gây ô nhiễm không khí theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT.

– Thẻ bày tỏ thái độ, phiếu học tập, sticker, máy chiếu, máy tính (nếu có).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

Mục tiêu: Tạo tâm thế, hứng thú học tập cho HS để dẫn vào bài mới.

Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS cùng nhau nghe/ hát bài "Em yêu cây xanh" (sáng tác: Hoàng Văn Yến) và trả lời câu hỏi: *Vì sao bạn nhỏ trong bài hát lại muốn trồng nhiều cây xanh?*

– HS thực hiện nhiệm vụ.

– GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi.

– GV nhận xét, kết luận, dẫn vào bài mới: Con người tồn tại và phát triển được là nhờ môi trường sống xung quanh. Môi trường cho chúng ta không khí để hít thở, đất đai để trồng trọt, cây xanh cho bóng mát, cung cấp thức ăn, thực phẩm và đồ dùng để đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần. Do vậy, bảo vệ môi trường sống là bảo vệ chính cuộc sống của chúng ta. Vậy môi trường sống là gì và có những loại môi

trường sống nào? Vì sao phải bảo vệ môi trường sống? HS chúng ta có thể làm gì để góp phần bảo vệ môi trường sống ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng phù hợp với khả năng? Bài học hôm nay sẽ giúp trả lời cho những câu hỏi đó.

Gợi ý phương án khác: GV có thể tổ chức khởi động bằng trò chơi "Nước biển dâng" với luật chơi như sau:

Người chơi được chia thành 2 nhóm, mỗi nhóm 3 HS (cùng nam hoặc cùng nữ). Mỗi nhóm có một tờ bìa cũ giả tưởng là hòn đảo, còn khoảng trống trước lớp là biển rộng. Bắt đầu chơi, tất cả vừa đi vừa hát bài "Trái Đất này là của chúng mình". Khi người điều khiển hô: "Nước biển đã dâng!", tất cả các nhóm phải chạy ngay về hòn đảo của mình và đứng gọn trong đảo với các tư thế tự chọn. Nếu nhóm nào có thành viên rơi chân ra ngoài đảo thì coi như bị rơi xuống biển và thua cuộc. Sau đó tờ bìa được gấp lại nhỏ dần hơn cho đến khi tìm được nhóm đứng trên đảo lâu nhất là nhóm chiến thắng.

Kết thúc trò chơi, GV dẫn dắt về nguyên nhân nước biển dâng là vì môi trường đang bị phá huỷ nghiêm trọng. Qua đó đặt ra tính cấp thiết phải bảo vệ môi trường của con người, trong đó có lứa tuổi HS.

2. Khám phá

Hoạt động 1 *Tìm hiểu các loại môi trường sống*

Mục tiêu: HS kể được tên các loại môi trường sống.

Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi để quan sát tranh, giải câu đố "Tôi là ai?" và trả lời câu hỏi:

+ *Theo em, có các loại môi trường sống chủ yếu nào trong bức tranh?*

+ *Hãy kể thêm các loại môi trường sống khác mà em biết.*

– HS thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân (đọc trường hợp), thảo luận nhóm đôi, ghi kết quả vào nháp để giải câu đố và trả lời câu hỏi.

– GV mời mỗi HS đọc câu đố cho cả lớp cùng nghe; đại diện 1, 2 nhóm trả lời kết quả thảo luận. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập và kết quả thảo luận của HS.

+ Giải câu đố "Tôi là ai?".

Câu đố 1. Tôi là môi trường đất.

Câu đố 2. Tôi là môi trường nước.

Câu đố 3. Tôi là môi trường không khí.

+ Trong bức tranh có các các loại môi trường sống chủ yếu là môi trường đất, môi trường nước và môi trường không khí.

+ Ngoài ra, còn có các loại môi trường khác như môi trường sinh vật, môi trường tự nhiên, môi trường nhân tạo,...

Lưu ý: Để tăng tính hấp dẫn và hiệu quả của quá trình thảo luận nhóm, GV có thể sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn. Thành viên trong nhóm ghi câu trả lời của cá nhân về kết quả trả lời câu đố trước khi thống nhất đáp án ghi vào ô trung tâm của khăn trải bàn.

Hoạt động 2 *Tìm hiểu vì sao phải bảo vệ môi trường sống*

Mục tiêu: HS nêu được ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường sống.

Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm 4 HS để đọc thông tin và trả lời câu hỏi:

+ *Môi trường sống ở nước ta hiện nay đang gặp phải những vấn đề gì? Việc ô nhiễm môi trường gây tác hại gì đối với sức khoẻ con người?*

+ *Theo em, vì sao chúng ta cần bảo vệ môi trường sống?*

– HS thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân (đọc thông tin), thảo luận nhóm, ghi kết quả vào nháp để trả lời câu hỏi.

– GV mời một HS đọc thông tin cho cả lớp cùng nghe; đại diện 1, 2 nhóm trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV tiếp tục mời 1 – 2 HS chia sẻ suy nghĩ của mình về thực trạng môi trường sống của con người trên Trái Đất hiện nay.

– GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập và kết quả thảo luận của HS và kết luận:

+ Môi trường sống ở nước ta hiện nay đang gặp phải vấn đề ô nhiễm và đang có xu hướng gia tăng đến mức báo động và để lại hậu quả nghiêm trọng. Ví dụ: không khí nhiều chất bẩn, tiếng ồn, nguồn nước bị nhiễm bẩn, đất đai, nước ngầm cũng bị ô nhiễm,…

+ Việc ô nhiễm môi trường gây tác hại xấu đến sức khoẻ con người như gây ra các bệnh tật, suy giảm chất lượng lao động, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khoẻ cộng đồng, đặc biệt là trẻ em,…

+ Phải bảo vệ môi trường sống vì đó là điều kiện sống của con người. Môi trường cung cấp tất cả những thứ mà con người cần. Môi trường bị ô nhiễm hoặc bị tàn phá thì cuộc sống con người sẽ bị đe doạ.

Gợi ý phương án khác: GV trình chiếu video, clip minh hoạ 02 tình huống xả rác xuống sông, hồ và đốt rác thải nhựa gây ô nhiễm không khí theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT và tổ chức cho HS tìm hiểu nguyên nhân và ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường.

Hoạt động 3 *Tìm hiểu những việc cần làm để bảo vệ môi trường sống*

Mục tiêu: HS biết được những việc cần làm để bảo vệ môi trường sống.

Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS tiếp tục làm việc theo nhóm 4, quan sát tranh và thực hiện yêu cầu:

+ *Nêu những việc cần làm để bảo vệ môi trường sống trong các tranh đó.*

+ *Hãy kể thêm những việc làm khác để bảo vệ môi trường sống ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng mà em biết.*

– HS thực hiện nhiệm vụ: làm việc theo nhóm để thống nhất kết quả:

– GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập và kết quả thảo luận của HS và kết luận:

+ Những việc cần làm để bảo vệ môi trường sống trong các tranh trên là:

Tranh 1: Trồng và chăm sóc cây xanh.

Tranh 2: Báo với người lớn về nguy cơ cháy rừng.

Tranh 3: Dọn dẹp vệ sinh đường làng.

Tranh 4: Tuyên truyền trong cộng đồng về phân loại rác thải.

Tranh 5: Xử lí chất thải đúng cách để bảo vệ môi trường.

Tranh 6: Sử dụng túi đựng thân thiện với môi trường.

Tranh 7: Làm và sử dụng đồ tái chế.

Tranh 8: Giữ gìn vệ sinh nơi công cộng.

+ Những việc làm khác để bảo vệ môi trường sống ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng: Giữ gìn khuôn viên trường xanh – sạch – đẹp; Thường xuyên vệ sinh nhà cửa; Tham gia hưởng ứng các phong trào bảo vệ môi trường (vẽ tranh, biểu diễn văn nghệ, diễu hành,...).

Lưu ý: GV có thể sử dụng kĩ thuật dạy học tia chớp để yêu cầu HS thêm những việc làm khác để bảo vệ môi trường sống ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng nhằm khai thác vốn sống, kinh nghiệm và trải nghiệm thực tế của HS.

* GV chốt kiến thức phần *Khám phá*:

– Môi trường sống có các loại chủ yếu là môi trường đất, môi trường nước và môi trường không khí.

– Phải bảo vệ môi trường sống vì đó là điều kiện tồn tại của con người. Ngoài ra, môi trường sống hiện nay đang bị ô nhiễm và có nguy cơ đe doạ cuộc sống của con người, vì thế cần phải bảo vệ khẩn cấp.

– HS có thể làm được rất nhiều việc phù hợp với khả năng để bảo vệ môi trường sống như trồng và chăm sóc cây xanh; dọn dẹp vệ sinh nơi ở và nơi học tập; tuyên truyền trong cộng đồng về phân loại rác thải; sử dụng đồ tái chế; giữ gìn vệ sinh nơi công cộng;...

– HS đọc thông điệp trong SGK. GV giải thích thêm về ý nghĩa thông điệp.

3. Luyện tập

Mục tiêu: HS được củng cố kiến thức, rèn luyện kĩ năng liên quan đến việc bảo vệ môi trường sống thông qua việc tham gia trò chơi, tìm hiểu và giải thích việc làm, nhận xét ý kiến, bày tỏ thái độ và xử lí tình huống.

Cách tiến hành:

Bài tập 1 *Tham gia trò chơi "Nếu… thì..." về chủ đề "Bảo vệ môi trường"*

– GV chia lớp thành 2 đội với số lượng thành viên như nhau, xếp đứng thành 1 hàng đối diện nhau. Mỗi thành viên của nhóm này sẽ đưa ra mệnh đề "Nếu..." và một thành viên đội còn lại sẽ đưa ra mệnh đề "thì..." sao cho phù hợp. Khi trò chơi được thực hiện 1/2 thì tiến hành đổi bên, nhóm đưa ra mệnh đề "Nếu..." sẽ chuyển sang mệnh đề "thì..." và ngược lại. Nếu đội nào có số lượng các mệnh đề phù hợp nhiều hơn sẽ giành chiến thắng.

Ví dụ về một số mệnh đề phù hợp:

Nếu...	Thì...
đổ rác thải xuống sông	sẽ làm ô nhiễm nguồn nước.
môi trường bị ô nhiễm	con người sẽ bị nhiều bệnh tật.
trồng cây	sẽ có bóng mát.
...	...

– GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập và kết quả tham gia trò chơi của HS và kết luận về ý nghĩa của trò chơi.

Bài tập 2 *Tìm hiểu và giải thích tác dụng của các việc làm bảo vệ môi trường*

– GV hướng dẫn HS làm bài tập 2 trong SGK.

– HS làm việc cá nhân.

– GV lần lượt mời các HS trình bày kết quả. Các HS khác nhận xét, đánh giá.

– GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập, kết quả làm việc và kết luận:

Việc làm	Tác dụng
a. Trồng và chăm sóc cây xanh.	Giúp cải thiện chất lượng không khí, tạo bóng mát, giảm nhiệt độ, ngăn ngừa lũ lụt, xói mòn đất, tạo cảnh quan xanh tươi, thoáng mát.
b. Phân loại rác thải trước khi xử lí.	Giúp tái chế các loại rác còn có thể sử dụng được; giảm chi phí thu gom, xử lí; phòng tránh bệnh tật truyền nhiễm từ rác thải.
c. Giữ trật tự nơi công cộng.	Tránh ô nhiễm tiếng ồn, tạo không gian yên tĩnh để nghỉ ngơi, ngăn ngừa bệnh tật.
d. Tuyên truyền bảo vệ môi trường.	Giúp người xung quanh nâng cao ý thức và có việc làm thiết thực để bảo vệ môi trường.
e. Sử dụng túi vải, một số loại lá, giấy,... để gói, đựng sản phẩm thay cho túi ni-lông.	Giúp hạn chế rác thải, loại bỏ rác thải không thể phân huỷ, tiết kiệm chi phí sản xuất túi đựng.

Bài tập 3 *Bày tỏ ý kiến*

– GV hướng dẫn HS làm bài tập 3 phần Luyện tập trong SGK.

– HS làm việc cá nhân.

– GV lần lượt mời các HS trình bày kết quả. Các HS khác nhận xét, đánh giá.

– GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập, kết quả làm việc và kết luận:

+ Ý kiến a: Không đồng tình. Vì việc làm này gây ô nhiễm không khí cho khu dân cư, hạn chế tầm nhìn khi tham gia giao thông.

+ Ý kiến b: Đồng tình. Vì đây là việc làm phê phán hành vi gây ô nhiễm môi trường.

+ Ý kiến c: Đồng tình. Vì hành vi hút thuốc lá nơi công cộng là không được phép do khói thuốc lá gây ảnh hưởng không tốt đến sức khoẻ của những người xung quanh và có thể gây cháy nổ khi tham gia giao thông.

+ Ý kiến d: Không đồng tình. Vì việc làm này có thể tránh gây ô nhiễm không khí trong nhà nhưng sẽ làm ô nhiễm môi trường bên ngoài. Bên cạnh đó, việc sử dụng bếp than tổ ong là nguyên nhân gây ảnh hưởng nhiều đến cơ quan hô hấp như viêm phổi, viêm phế quản, hen suyễn, thậm chí nặng hơn có thể gây ra bệnh phổi tắc nghẽn, phù nề, ung thư thanh quản. Do vậy, gia đình bạn không nên sử dụng bếp than tổ ong để đun nấu.

+ Ý kiến e: Không đồng tình. Vì hành vi này không chỉ gây phản cảm mà lượng thuốc bảo vệ thực vật còn sót lại trong vỏ chai, vỏ bao bì khi ngấm vào đất, nguồn nước, không khí, sẽ gây ảnh hưởng đến môi trường sống và sức khoẻ con người.

+ Ý kiến g: Đồng tình. Vì việc làm này giúp bạn nâng cao hiểu biết về môi trường và biết thêm nhiều việc làm để góp phần bảo vệ môi trường sống.

+ Ý kiến h: Không đồng tình. Vì hành vi này khiến ô nhiễm nguồn nước, gây tắc nghẽn cống rãnh và ảnh hưởng đến các sinh vật trong môi trường nước khi vướng hoặc nuốt phải túi ni-lông.

Nếu người thân hoặc bạn bè làm những việc gây tổn hại đến môi trường như một số việc làm không đúng ở trên, chúng ta cần giải thích về những tác hại xấu đối với môi trường từ những việc làm đó. Đồng thời đưa ra những việc làm đúng đắn để giải quyết nhằm góp phần bảo vệ môi trường sống.

Lưu ý: GV có thể sử dụng thẻ bày tỏ thái độ hoặc sticker thể hiện quan điểm đồng tình hoặc không đồng tình.

Bài tập 4 *Đề xuất những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ các loại môi trường sống*

– GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4, phát giấy khổ to, có ghi nhiệm vụ theo gợi ý của bài tập 4 trong SGK.

– Các nhóm tiến hành thảo luận và thống nhất đáp án ghi vào phiếu học tập.

– GV tổ chức cho các nhóm dán giấy khổ to có ghi đáp án lên bảng và cử đại diện để trình bày, các nhóm khác lắng nghe, bổ sung, phản biện.

– GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập, kết quả làm việc của các nhóm và kết luận về một số việc nên làm và không nên làm để bảo vệ các loại môi trường sống:

Môi trường sống	Việc nên làm	Việc không nên làm
Môi trường ở nhà	– Vệ sinh nhà cửa sạch sẽ. – Phân loại rác thải sinh hoạt. – …	– Xả rác bừa bãi. – Sử dụng nhiều túi ni-lông. – …
Môi trường ở trường	– Trồng và chăm sóc cây xanh. – Quét dọn, vệ sinh trường, lớp. – …	– Sử dụng lãng phí điện, nước. – …
Môi trường ở nơi công cộng	– Giữ gìn trật tự nơi công cộng. – Giữ gìn vệ sinh chung. – …	– Xả rác bừa bãi. – Ngắt hoa, bẻ cành cây. – …

Lưu ý: GV có thể sử dụng kĩ thuật dạy học XYZ với số hiệu cụ thể là 432, trong đó 4 là số lượng thành viên của nhóm, 3 là số phút và 2 là số lượng ý kiến của mỗi thành viên đưa ra. Theo đó, mỗi nhóm 4 HS, mỗi HS viết 1 việc nên làm và 1 việc không nên làm trên một tờ giấy trong vòng 3 phút.

Bài tập 5 *Xử lí tình huống*

– GV tổ chức cho HS tiếp tục làm việc nhóm 4: Đọc tình huống, thảo luận để đưa ra phương án xử lí tình huống và đóng vai thể hiện kết quả xử lí.

– HS thực hiện nhiệm vụ phân vai và trình diễn tình huống. GV quan sát, hỗ trợ những nhóm gặp khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ.

– GV mời đại diện các nhóm trình bày phương án xử lí qua phần đóng vai. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá, đưa ra cách xử lí khác.

– GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập, kết quả làm việc và kết luận:

+ *Tình huống a:* Ý kiến của Hiển là không đúng. Vì hành động của Hiển gây ô nhiễm môi trường. Em sẽ nói với Hiển về hành động dù nhỏ nhưng cũng sẽ ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, nhất là môi trường nước và môi trường đất. Việc Hiển đổ nước xuống hồ cũng làm cho nguồn nước bị ô nhiễm. Ngoài ra, hành vi ấy nếu không được nhận thức đúng sẽ dẫn đến những hành vi gây ô nhiễm môi trường trong tương lai.

+ *Tình huống b:* Việc đốt rác ở đường làng mang lại hậu quả tạo ra khói bụi ảnh hưởng đến sức khoẻ của cộng đồng. Ngoài ra, việc này còn dẫn tới nguy cơ hoả hoạn, cháy nổ. Em sẽ khuyên bạn cùng thu gom rác đến nơi tập kết rác để rác được xử lí theo đúng quy định, tránh gây ô nhiễm môi trường.

+ *Tình huống c:* Việc nuôi lợn, trâu thả rông quanh nhà gây ô nhiễm môi trường sống rất lớn. Chất thải trong quá trình nuôi sẽ gây mùi hôi làm ô nhiễm không khí, gây ô nhiễm nguồn nước, đất và mang những mầm bệnh. Cần nói với chú về tác hại đến môi trường của việc nuôi lợn, bò thả rông quanh nhà; chia sẻ một số biện pháp nuôi nhưng không gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

+ *Tình huống d:* Sẽ nói với bạn việc ngắt hoa, bẻ cành lá dù ít hay nhiều cũng sẽ làm ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của cây. Chúng ta rất cần chung tay bảo vệ môi trường từ những việc rất nhỏ.

+ *Tình huống e:* Việc làm của Phong sẽ tạo ra ô nhiễm tiếng ồn, gây ảnh hưởng đến sức khoẻ của những người xung quanh. Đề nghị Phong mở loa hát đủ nghe.

4. Vận dụng

Mục tiêu: HS kết nối những điều đã học với thực tiễn cuộc sống bằng những việc làm cụ thể.

Cách tiến hành:

1. Tự đánh giá

– GV tổ chức cho HS làm việc theo cá nhân thực hiện bài tập vận dụng số 1: Tự đánh giá về việc thực hiện việc bảo vệ môi trường và nêu biện pháp khắc phục đối với những việc làm chưa tốt.

– GV có thể đưa ra mẫu gợi ý cho HS như sau:

EM THAM GIA BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Việc làm tốt	Việc làm chưa tốt	Biện pháp khắc phục
– Tích cực tham gia trực nhật, vệ sinh lớp học. – Tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt. – Chăm sóc cây xanh trong khuôn viên trường. – Tuyên truyền với người thân bảo vệ cảnh quan môi trường.	– Còn dùng nhiều túi ni-lông để đựng đồ. – Chưa phân loại rác mỗi khi bỏ rác thải.	– Thay thế dần túi ni-lông bằng túi giấy hoặc bằng túi có chất liệu thân thiện với môi trường. – Chú ý phân loại rác và mua các dụng cụ hỗ trợ cho việc phân loại như túi đựng rác, dán nhãn phân loại.

2. Xây dựng nội dung và thuyết trình về chủ đề bảo vệ môi trường sống ở địa phương

– GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm để thực hiện bài tập vận dụng số 2.

– HS có thể thực hiện nhiệm vụ trên lớp hoặc về nhà, giờ học sau nộp cho GV hoặc treo ở giá/tường lớp học. GV sử dụng kĩ thuật phòng tranh, tổ chức cho HS quan sát sản phẩm, nhận xét, đánh giá.

– GV gợi ý một số nội dung và hình thức của sản phẩm như sau:

+ *Nội dung thuyết trình:*

Thực trạng môi trường sống ở địa phương em (các môi trường đất, nước, không khí hiện nay như thế nào? Có những nguy cơ nào gây ô nhiễm?,...).

Sự cần thiết phải bảo vệ môi trường sống ở địa phương em (sự ảnh hưởng của môi trường đến trồng trọt, chăn nuôi, sức khoẻ người dân, sinh vật,...).

Những việc cần làm để bảo vệ môi trường sống ở địa phương em (những việc làm của người lớn, những việc em có thể làm,...).

+ *Hình thức sản phẩm như:* Video, clip, poster khổ A0.

3. Điều tra, tìm hiểu tình hình môi trường ở trường học hoặc xung quanh nơi các em ở

– GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm để thực hiện bài tập vận dụng số 3 theo phương pháp dự án: điều tra, tìm hiểu tình hình môi trường ở trường học hoặc xung quanh nơi các em ở và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường phù hợp với khả năng.

– HS có thể thực hiện nhiệm vụ khi ở nhà, giờ học sau nộp cho GV hoặc treo ở giá/tường lớp học. GV sử dụng kĩ thuật phòng tranh, tổ chức cho HS quan sát sản phẩm, nhận xét, đánh giá.

– GV gợi ý một số nội dung kết quả điều tra như sau:

STT	Tình hình môi trường	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục/phát huy
1	Sông A bị ô nhiễm nguồn nước	Rác thải, xác động vật nhiều,...	– Cắm biển nhắc nhở cấm đổ rác. – Tuyên truyền người thân thực hiện các biện pháp bảo vệ. – Lên tiếng phản ánh thực trạng môi trường trong các diễn đàn trẻ em ở địa phương.
2	…	…	…

Chủ đề 6 LẬP KẾ HOẠCH CÁ NHÂN

Bài 6 LẬP KẾ HOẠCH CÁ NHÂN (4 TIẾT)

I YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau bài học này, HS cần:

– Nêu được các loại kế hoạch cá nhân.

– Biết vì sao phải lập kế hoạch cá nhân.

– Biết cách lập kế hoạch cá nhân và lập được kế hoạch cá nhân để thực hiện các công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống.

Từ đó, HS có cơ hội hình thành và phát triển:

– Năng lực phát triển bản thân: thông qua việc lập kế hoạch cá nhân để thực hiện các công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống.

– Phẩm chất chăm chỉ và trách nhiệm: thể hiện qua việc tự giác lập và kiên trì thực hiện các kế hoạch để nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc trong học tập và cuộc sống của bản thân mình.

II ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SGK, SGV, Vở Bài tập Đạo đức 5.

– Video, clip lập kế hoạch cá nhân minh hoạ cho tình huống lập kế hoạch cho kì nghỉ hè của bản thân và cải thiện một môn học còn yếu theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT.

– Thẻ bày tỏ thái độ, phiếu học tập, sticker, máy chiếu, máy tính (nếu có).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

Mục tiêu: Tạo tâm thế, hứng thú học tập cho HS để dẫn vào bài mới.

Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân thông qua việc trả lời các vấn đề/câu hỏi sau:

+ Nêu một dự định, ước mơ hoặc mong muốn trong thời gian tới của em.

+ Em sẽ làm những gì để có thể đạt được dự định, ước mơ hoặc mong muốn đó?

– HS thực hiện nhiệm vụ.

– GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi.

– GV nhận xét, kết luận, dẫn vào bài mới: Trong học tập và cuộc sống của mỗi con người, ai cũng có những dự định, ước mơ, hoài bão. Đó là những mục tiêu tốt đẹp để chúng ta cố gắng và phấn đấu. Để đạt được những mục tiêu ấy, ta cần phải đặt ra các mốc thời gian, các công việc bản thân phải thực hiện và những người có thể

hỗ trợ,… Những công việc ấy chính là quá trình lập kế hoạch cá nhân. Vậy kế hoạch cá nhân có những loại nào? Ý nghĩa của việc lập kế hoạch ra sao và một kế hoạch được tiến hành như thế nào? Bài học hôm nay sẽ giúp các em có được câu trả lời cho những câu hỏi ấy.

Gợi ý phương án khác: GV kể câu chuyện "Mình bận học" (Theo *Những mẩu chuyện về Lê-nin*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 1980) nói về tấm gương kiên trì thực hiện kế hoạch học tập của cậu bé Vô-lô-đi-a (tên của V.I.Lênin thuở nhỏ). Đức tính ấy đã góp phần tạo nên ý chí vượt khó trong học tập và cuộc sống để tạo nên thiên tài V.I.Lênin sau này.

2. Khám phá

Hoạt động 1 *Tìm hiểu các loại kế hoạch cá nhân*

Mục tiêu: HS kể được tên các loại kế hoạch cá nhân.

Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS đọc 3 trường hợp trong mục 1 Khám phá, thảo luận nhóm đôi để thực hiện các yêu cầu:

+ *Mô tả kế hoạch cá nhân của các bạn trong các trường hợp trên bằng cách hoàn thiện bảng theo gợi ý.*

+ *Theo em, dựa vào thời gian thực hiện, sẽ có những loại kế hoạch cá nhân nào?*

+ *Hãy kể thêm các loại kế hoạch cá nhân khác mà em biết.*

– HS thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân (đọc trường hợp), thảo luận nhóm đôi, ghi kết quả vào nháp để trả lời câu hỏi.

– GV mời mỗi HS đọc một trường hợp cho cả lớp cùng nghe; đại diện 1, 2 nhóm trả lời kết quả thảo luận theo bảng gợi ý. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập, kết quả thảo luận của HS và kết luận.

+ Mô tả kế hoạch cá nhân của các bạn trong các trường hợp:

Trường hợp	Mục tiêu	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện
1. Bạn Nam	Hoàn thành việc ôn bài để sang nhà Tuấn xem bóng đá.	Trong ngày	Ôn bài ngay sau khi tan học.
2. Bạn Quang	Đạt giải cao trong cuộc thi cờ vua cấp trường.	Trong 1 tháng	Dành một tiếng mỗi tối chơi cờ cùng bố và tham gia câu lạc bộ cờ vua ở nhà văn hoá thôn vào cuối tuần.
3. Bạn Hà	Khi lên lớp 8 sẽ giỏi tiếng Anh giống chị.	Trong nhiều năm	Mỗi buổi tối sẽ dành 30 phút để trò chuyện với chị gái bằng tiếng Anh và xin mẹ mua sách, truyện tiếng Anh để luyện đọc thêm.

+ Dựa vào thời gian thực hiện, sẽ có các loại kế hoạch cá nhân sau:

Kế hoạch ngắn hạn: một vài ngày hoặc một vài tuần.

Kế hoạch trung hạn: một hoặc vài tháng.

Kế hoạch dài hạn: một hoặc một vài năm.

+ Các loại kế hoạch cá nhân khác có thể có như kế hoạch tổ chức sự kiện; kế hoạch cải thiện môn học yếu; kế hoạch học một môn nghệ thuật,...

Hoạt động 2 *Tìm hiểu vì sao phải lập kế hoạch cá nhân*

Mục tiêu: HS nêu được ý nghĩa của việc phải lập kế hoạch cá nhân trong học tập và cuộc sống.

Cách tiến hành:

Nhiệm vụ 1: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

– GV hướng dẫn HS đọc câu chuyện "Một ngày làm việc của Bác" thảo luận nhóm 4 HS để trả lời câu hỏi:

+ *Em có nhận xét gì về thói quen làm việc của Bác?*

+ *Em học tập được điều gì từ Bác?*

– HS thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân (đọc câu chuyện), thảo luận nhóm, ghi kết quả vào nháp để trả lời câu hỏi.

– GV mời một HS đọc to/kể lại câu chuyện cho cả lớp cùng nghe; đại diện 1, 2 nhóm trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV tiếp tục mời 1, 2 HS chia sẻ cảm xúc của mình về tấm gương luôn biết lập kế hoạch của Bác.

– GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập và kết quả thảo luận của HS và kết luận:

+ Bác có thói quen làm việc theo kế hoạch. Điều đó giúp Bác giải quyết được tất cả những việc trong kế hoạch đề ra.

+ Học được thói quen tốt trong cuộc sống đó là luôn biết lập ra kế hoạch và nghiêm túc thực hiện để đạt được sự thành công.

Nhiệm vụ 2: Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi

– GV hướng dẫn HS đọc trường hợp của bạn Hiên, tiếp tục thảo luận nhóm 4 HS để trả lời câu hỏi:

+ *Em có nhận xét gì về thói quen của Hiên? Thói quen đó đã khiến Hiên gặp phải vấn đề gì?*

+ *Theo em, vì sao phải lập kế hoạch cá nhân?*

– HS thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân (đọc trường hợp), thảo luận nhóm, ghi kết quả vào nháp để trả lời câu hỏi.

– GV mời một HS đọc to trường hợp cho cả lớp cùng nghe; đại diện 1, 2 nhóm trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập và kết quả thảo luận của HS và kết luận:

+ Đây là một thói quen xấu. Thói quen đó đã khiến Hiên hay bỏ quên, bỏ sót công việc hoặc không đủ thời gian để hoàn thành những việc cần làm, không ít lần gặp rắc rối và bị bố mẹ, thầy cô chê trách.

+ Phải lập kế hoạch cá nhân là vì: Giúp chủ động trong việc thực hiện công việc; Mang lại kết quả cao trong công việc; Rèn luyện được phẩm chất chăm chỉ, có trách nhiệm với công việc của mình.

Lưu ý: Để tăng tính hấp dẫn và hiệu quả của quá trình thảo luận nhóm, GV có thể sử dụng kĩ thuật dạy học khăn trải bàn. Thành viên trong nhóm ghi câu trả lời của cá nhân về câu hỏi vì sao phải lập kế hoạch cá nhân trước khi thống nhất đáp án ghi vào ô trung tâm của khăn trải bàn.

Hoạt động 3 *Tìm hiểu cách lập kế hoạch cá nhân*

Mục tiêu: HS biết được cách lập kế hoạch cá nhân.

Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS đọc trường hợp, tiếp tục thảo luận nhóm 4 HS để trả lời câu hỏi:

+ *Bạn Nam đã đặt ra mục tiêu gì và lên kế hoạch như thế nào để đạt được mục tiêu đó?*

+ *Theo em, cần thực hiện những bước nào để lập kế hoạch cá nhân?*

– HS thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân (đọc trường hợp), thảo luận nhóm, ghi kết quả vào nháp để trả lời câu hỏi.

– GV mời một HS đọc trường hợp cho cả lớp cùng nghe; đại diện 1, 2 nhóm trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập và kết quả thảo luận của HS và kết luận:

+ Bạn Nam đã đặt ra mục tiêu được chọn vào đội bóng rổ của trường để tham gia giải đấu cấp huyện. Bạn đã lên kế hoạch rất chi tiết và cụ thể để thực hiện mục tiêu của mình.

+ Cần thực hiện những bước sau để lập kế hoạch cá nhân:

Xác định mục tiêu mà mình mong muốn.

Chỉ ra thời gian triển khai kế hoạch.

Nhận diện ưu điểm và nhược điểm của bản thân.

Đưa ra các công việc cụ thể để thực hiện kế hoạch.

* GV chốt kiến thức phần Khám phá:

– Kế hoạch cá nhân là một bản sắp xếp các công việc theo thứ tự thời gian để thực hiện được mục tiêu đặt ra.

– Có nhiều loại kế hoạch cá nhân. Nếu dựa vào thời gian thực hiện sẽ có kế hoạch ngắn hạn, kế hoạch trung hạn và kế hoạch dài hạn.

– Việc lập kế hoạch cá nhân mang lại nhiều ý nghĩa: nó giúp chúng ta chủ động trong việc thực hiện công việc; mang lại kết quả cao trong công việc và giúp rèn luyện được phẩm chất tốt như chăm chỉ, trách nhiệm.

– Để lập kế hoạch, chúng ta cần xác định mục tiêu mà mình mong muốn, chỉ ra thời gian triển khai kế hoạch, nhận diện ưu điểm và nhược điểm của bản thân và đưa ra các công việc cụ thể để thực hiện kế hoạch.

– HS đọc thông điệp trong SGK. GV giải thích thêm về ý nghĩa của thông điệp.

3. Luyện tập

Mục tiêu: HS được củng cố kiến thức, rèn luyện kĩ năng của việc lập kế hoạch cá nhân thông qua hoạt động cho biết ý kiến; sắp xếp các bước lập kế hoạch; nhận xét và xử lí tình huống.

Cách tiến hành:

Bài tập 1 *Tranh biện, bày tỏ ý kiến*

– GV hướng dẫn HS làm bài tập 1 phần Luyện tập trong SGK.

– HS làm việc cá nhân.

– GV mời 1 HS trình bày kết quả bằng cách giơ thẻ thái độ hoặc sticker tán thành hoặc không tán thành. Các HS khác nhận xét, đánh giá.

– GV nhận xét, kết luận:

+ Các ý kiến tán thành:

Ý kiến b. Vì việc cân đối thời gian sẽ giúp chúng ta chủ động thực hiện các biện pháp của kế hoạch mà không ảnh hưởng đến các việc khác.

Ý kiến e. Vì sự kiên trì sẽ giúp chúng ta vượt qua những khó khăn trong quá trình thực hiện kế hoạch.

+ Các ý kiến không tán thành:

Ý kiến a. Vì bất cứ ai muốn thành công đều cần phải biết lập kế hoạch cá nhân.

Ý kiến c. Đối với những việc khó, cần nhiều thời gian vẫn cần lập kế hoạch dài hạn và luôn có thể thực hiện được.

Ý kiến d. Có thể điều chỉnh vì trong quá trình thực hiện sẽ có những tình huống phát sinh.

Lưu ý: GV có thể sử dụng kĩ thuật dạy học tranh luận ủng hộ – phản đối. Với mỗi ý kiến GV chọn 2 nhóm (1 nhóm ủng hộ và 1 nhóm phản đối) để cùng đưa ra ý kiến của mình. Các nhóm khác có thể tiếp tục thể hiện quan điểm tán thành hoặc không tán thành với các lí lẽ do các nhóm đưa ra.

Bài tập 2 *Sắp xếp các bước theo thứ tự khi lập kế hoạch*

– GV tổ chức cho HS lựa chọn các việc cần làm và sắp xếp theo thứ tự các bước lập kế hoạch cá nhân ở bài tập 2 phần Luyện tập.

– Lần lượt 2 HS cùng bàn thành 1 cặp đôi, thảo luận để đưa ra đáp án.

– GV tổ chức cho một số nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, bổ sung, phản biện. GV mời một số nhóm giải thích lí do vì sao phản biện.

– GV nhận xét, kết luận: Các việc cần làm để lập kế hoạch và được sắp xếp theo thứ tự như sau:

+ Xác định mục tiêu cụ thể.

+ Chia mục tiêu lớn thành các mục tiêu nhỏ hơn.

+ Xác định thời gian hoàn thành.

+ Xác định điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.

+ Đưa ra biện pháp khắc phục điểm yếu của bản thân.

+ Đưa ra kế hoạch hành động cụ thể.

Bài tập 3 *Nhận xét của em*

– GV hướng dẫn HS làm bài tập 3 phần Luyện tập.

– HS làm việc theo nhóm 4, thảo luận để thống nhất ý kiến nhận xét.

– GV tổ chức cho một số nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, bổ sung, phản biện. GV mời một số nhóm giải thích lí do vì sao phản biện.

– GV nhận xét, kết luận:

+ Trường hợp a: Cách lập và thực hiện kế hoạch của Hiếu là chưa hợp lí. Bạn cần xác định số lượng việc cần làm vừa đủ, phù hợp với thực tế của bản thân.

+ Trường hợp b: Cách lập và thực hiện kế hoạch của Quỳnh là đúng. Bạn đã xác định được mục tiêu và tích cực thực hiện các công việc đúng với mốc thời gian phù hợp với khả năng của bản thân.

+ Trường hợp c: Cách lập và thực hiện kế hoạch của Mạnh là đúng. Vì bạn đã biết điều chỉnh kế hoạch khi có sự thay đổi nào đó.

+ Trường hợp d: Cách lập và thực hiện kế hoạch của Hà là chưa đúng. Vì thứ Bảy và Chủ nhật cũng có những công việc cần làm.

Bài tập 4 *Nhận xét kế hoạch cá nhân*

– GV tổ chức cho HS lựa chọn các việc cần làm và sắp xếp theo thứ tự các bước lập kế hoạch cá nhân ở bài tập 2 phần Luyện tập.

– Lần lượt 2 HS cùng bàn thành 1 cặp đôi, thảo luận để đưa ra đáp án.

– GV tổ chức cho một số nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, bổ sung, phản biện. GV mời một số nhóm giải thích lí do vì sao phản biện.

– GV nhận xét, kết luận:

Bảng kế hoạch cá nhân của bạn Phương Anh đã có được những nội dung sau:

+ Xác định mục tiêu cụ thể: Xây dựng thói quen rèn luyện sức khoẻ trong dịp hè.

+ Đưa ra kế hoạch hành động cụ thể: Tập thể dục 30 phút buổi sáng và chơi cầu lông với các bạn trong xóm vào buổi chiều.

Tuy nhiên, Bảng kế hoạch cá nhân của bạn còn thiếu nội dung xác định:

+ Xác định điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.

+ Đưa ra biện pháp khắc phục điểm yếu của bản thân.

Bài tập 5 *Xử lí tình huống*

– GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 4: Đọc tình huống, thảo luận để đưa ra phương án xử lí tình huống.

– HS thực hiện nhiệm vụ.

– GV quan sát, hỗ trợ những nhóm gặp khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ.

– GV mời đại diện các nhóm trình bày phương án xử lí. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá, đưa ra cách xử lí khác.

– GV nhận xét, kết luận:

+ Tình huống a: Để lập kế hoạch rèn luyện, Bạn Loan cần xác định điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân để có biện pháp rèn luyện như tăng cường thời gian luyện viết chữ; học hỏi biện pháp viết chữ nhanh; rèn luyện độ dẻo dai của các ngón tay,...

+ Tình huống b: Để lập kế hoạch thay đổi thói quen ăn uống, sinh hoạt, Minh cần đưa ra mục tiêu vừa sức, xác định điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân, hạn chế dần thức ăn nhanh trong tuần, tập ăn nhiều rau xanh.

+ Tình huống c: Bạn Ngọc trên cơ sở xác định mục tiêu giúp bố việc nhà và chăm sóc em tốt cần có kế hoạch thực hiện cụ thể gắn với việc sắp xếp thời gian thật hợp lí; lên danh sách các việc cần làm trong ngày phù hợp.

4. Vận dụng

Mục tiêu: HS kết nối những điều đã học với thực tiễn cuộc sống bằng những việc làm cụ thể.

Cách tiến hành:

1. Lập kế hoạch để thực hiện một mục tiêu của em

– GV tổ chức cho HS làm việc theo cá nhân thực hiện bài tập vận dụng số 1 theo phương pháp dự án: xác định một mục tiêu trước mắt mà bản thân mong muốn thực hiện nhất và hướng dẫn HS thực hành các bước xây dựng kế hoạch bao gồm:

+ Xác định mục tiêu.

+ Xác định thời gian hoàn thành.

+ Nhận diện điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân.

+ Kế hoạch hành động.

– GV chiếu cho HS xem video, clip về kế hoạch cho kì nghỉ hè của bản thân và cải thiện một môn học hoặc có thể đưa ra một bảng kế hoạch cho HS tham khảo như sau:

Kế hoạch tổ chức sinh nhật của bạn Khang:

Mục tiêu	**Tổ chức buổi tiệc sinh nhật vui vẻ cùng các bạn thân**
Thời gian hoàn thành	1 tháng
Điểm mạnh, điểm yếu (thuận lợi, khó khăn)	– Có kinh nghiệm tổ chức từ năm trước. – Thời gian học tập trên lớp và ôn bài ở nhà nhiều.
Kế hoạch hành động	– Xác định thời gian, địa điểm tổ chức. – Dự kiến số lượng khách mời và số tiền cần chi cho buổi tiệc. – Tiết kiệm tiền tiêu vặt và xin thêm bố mẹ phần tiền còn thiếu. – Lên danh sách món ăn đãi khách và mua sắm đồ trang trí. – Xây dựng chương trình giao lưu trong buổi tiệc. – Mời bạn và tổ chức tiệc.

2. Sưu tầm tấm gương, câu châm ngôn

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân/nhóm để thực hiện bài tập vận dụng số 2: *Sưu tầm một tấm gương hoặc một số câu châm ngôn về sống và làm việc có kế hoạch, từ đó rút ra bài học cho bản thân.*

– HS có thể thực hiện nhiệm vụ trên lớp hoặc về nhà, giờ học sau nộp cho GV hoặc treo ở giá/tường lớp học. GV sử dụng kĩ thuật phòng tranh, tổ chức cho HS quan sát sản phẩm, nhận xét, đánh giá.

– GV gợi ý một số sản phẩm để HS tham khảo như: Tấm gương sống và làm việc theo kế hoạch của V.I.Lênin với câu chuyện "Mình bận học".

– Châm ngôn, danh ngôn.

+ *"Việc hôm nay chớ để ngày mai" (châm ngôn).*

+ *"Bốn bước dẫn tới thành tựu: Lên kế hoạch có mục đích. Chuẩn bị chuyên tâm. Tiến hành tích cực. Theo đuổi bền bỉ" (William Arthur Ward).*

+ ...

Chủ đề 7 PHÒNG, TRÁNH XÂM HẠI

Bài 7 PHÒNG, TRÁNH XÂM HẠI (5 TIẾT)

I YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau bài học này, HS cần:

– Nêu được một số biểu hiện xâm hại.

– Biết vì sao phải phòng, tránh xâm hại.

– Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ em.

– Thực hiện được một số kĩ năng để phòng, tránh xâm hại.

Từ đó, HS có cơ hội hình thành và phát triển:

– Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân thông qua việc biết phòng, tránh xâm hại cho bản thân.

– Phẩm chất trách nhiệm: thể hiện qua việc biết quý trọng bản thân, biết phòng, tránh và chống lại các hành vi xâm hại trẻ em.

II ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SGK, SGV, Vở Bài tập Đạo đức 5.

– Video, clip, hình ảnh, câu chuyện có nội dung phòng, tránh xâm hại.

– Thẻ bày tỏ thái độ, phiếu học tập, sticker, máy chiếu, máy tính (nếu có).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

Mục tiêu: Tạo tâm thế, hứng thú học tập cho HS để dẫn vào bài mới.

Cách tiến hành:

– GV cho HS nghe/hát bài "Tự bảo vệ mình nhé" (sáng tác: Nguyễn Văn Chung) và trả lời câu hỏi: *Để bảo vệ bản thân, chúng ta cần làm gì?*

– HS thực hiện nhiệm vụ.

– GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi.

– GV nhận xét, kết luận, dẫn vào bài mới: Cơ thể của chúng ta thuộc về chính chúng ta. Không ai có quyền làm bất cứ điều gì với cơ thể chúng ta mà khiến ta khó chịu. Nếu ai cố tình, ta cần "Nói không – Rời đi – Kể lại".

Gợi ý phương án khác: GV có thể mời 1 – 2 HS chia sẻ về một tình huống/câu chuyện về xâm hại trẻ em mà em biết hoặc chứng kiến, sau đó mời một vài HS trong lớp nhận xét về cách xử lí của bạn nhỏ trong tình huống/câu chuyện đó.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2. Khám phá

Hoạt động 1 *Tìm hiểu một số biểu hiện xâm hại trẻ em*

Mục tiêu: HS nêu được một số biểu hiện xâm hại trẻ em.

Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS quan sát 4 bức tranh trong SGK, thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi:

+ *Nêu biểu hiện xâm hại trẻ em ở các tranh trên.*

+ *Kể thêm các biểu hiện khác của xâm hại trẻ em mà em biết.*

– HS thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân (quan sát tranh), thảo luận nhóm đôi, ghi lại kết quả để trả lời câu hỏi.

– GV mời đại diện một vài nhóm trả lời kết quả thảo luận, các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập, kết quả thảo luận của HS và kết luận:

+ Tranh 1: Bạn nam bị người đàn ông đánh gây đau đớn, đây là biểu hiện của xâm hại thể chất.

+ Tranh 2: Bạn nữ bị người đàn ông sờ vào mông gây khó chịu, sợ hãi, đây là biểu hiện của xâm hại tình dục.

+ Tranh 3: Bạn nam đói, mệt mà bố bạn không quan tâm, đây là biểu hiện của việc bỏ mặc, xao nhãng.

+ Tranh 4: Bạn nam bị mẹ mắng ở nơi công cộng làm bạn xấu hổ, đây là biểu hiện của xâm hại tinh thần.

Ngoài các biểu hiện xâm hại trên, còn có nhiều biểu hiện xâm hại trẻ em khác như:

+ Xâm hại thể chất: bạo lực (đấm, đá, tát,…), mua bán, bóc lột. Xâm hại thể chất trẻ em không chỉ là hành vi bạo lực gia đình, mà còn là hành vi bạo lực học đường và các hành vi bạo lực khác.

+ Xâm hại tinh thần: lăng mạ, chửi bới, chì chiết, cưỡng ép trẻ em lột bỏ quần áo trước mặt nhiều người hoặc nơi công cộng, cấm trẻ em ra khỏi nhà, buộc trẻ em phải chứng kiến cảnh bạo lực của người có hành vi bạo lực với thành viên gia đình khác, người khác hoặc các con vật,...

+ Bỏ mặc, xao nhãng: bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em, đối xử tồi tệ với trẻ em như: bắt nhịn ăn, nhịn uống, bắt chịu rét, mặc rách, không cho hoặc hạn chế vệ sinh cá nhân, giam hãm ở nơi có môi trường độc hại, nguy hiểm,...

+ Xâm hại qua mạng: doạ nạt qua các phương tiện điện tử, tung tin, bêu riếu trên mạng,...

+ Xâm hại tình dục: dụ dỗ, xúi bẩy, lôi kéo, ép buộc trẻ em thực hiện một số hành vi mang tính chất kính dục không phù hợp với lứa tuổi, nhìn chỗ kín (thị dâm), nói chuyện về vấn đề liên quan đến hoạt động tình dục, bộ phận sinh dục (khẩu dâm), dụ dỗ, cho trẻ xem phim khiêu dâm, dâm ô, giao cấu, hiếp dâm trẻ em,…

Hoạt động 2 *Tìm hiểu vì sao phải phòng, tránh xâm hại*

Mục tiêu: HS nêu được ý nghĩa của việc phòng, tránh xâm hại.

Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS đọc các trường hợp, kết hợp quan sát tranh ở Hoạt động 1 phần Khám phá, thảo luận nhóm 4 HS để thực hiện yêu cầu:

+ *Em hãy dự đoán điều gì có thể xảy ra đối với các bạn trong tranh ở Hoạt động 1.*

+ *Em hãy nêu những hậu quả mà các bạn Hạt, Cân, Mận, Khởi phải gánh chịu trong các trường hợp trên.*

+ *Theo em, vì sao phải phòng, tránh xâm hại?*

– HS thực hiện nhiệm vụ: Làm việc cá nhân (đọc các trường hợp, quan sát tranh), thảo luận nhóm, ghi kết quả vào nháp để trả lời câu hỏi.

– GV mời đại diện một vài nhóm trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập và kết quả thảo luận của HS và kết luận:

Câu hỏi 1:

+ Tranh 1: Bạn nam bị người đàn ông đánh gây đau đớn, bạn có thể phải chịu những vết sẹo, những di chứng trên cơ thể suốt đời, chậm phát triển khả năng vận động, năng lực xã hội, khả năng nhận thức, thể hiện ngôn ngữ,…

+ Tranh 2: Bạn nữ bị người đàn ông sờ vào mông gây khó chịu, sợ hãi, bạn có thể phải chịu những hậu quả như bị hoảng loạn tinh thần, không tin tưởng vào người khác và môi trường xung quanh; buồn rầu, chán nản và tự đổ lỗi, không còn yêu thương, quý trọng bản thân;…

+ Tranh 3: Bạn nam đói, mệt mà bố bạn không quan tâm, bạn có thể chịu những hậu quả như gầy yếu, suy dinh dưỡng, lo âu, trầm cảm, có triệu chứng của rối loạn căng thẳng sau sang chấn, tự kỉ,...

+ Tranh 4: Bạn nam bị mẹ mắng ở nơi công cộng làm bạn xấu hổ, bạn có thể trở nên tự ti, mặc cảm với bản thân và nghĩ rằng mẹ không yêu thương mình, từ đó bạn dần xa lánh bố mẹ, bạn bè hoặc có thể dùng cách học kém để chống đối,…

Câu hỏi 2:

+ Trường hợp a: Bạn Hạt ngày càng trở nên nhút nhát, sợ sệt và chậm chạp hơn do bị trách mắng nhiều.

+ Trường hợp b: Bạn Cân trở nên lì đòn, hay cáu kỉnh và bắt nạt các bạn trong lớp do bạn thường xuyên bị đánh.

+ Trường hợp c: Mận gần như rơi vào trạng thái trầm cảm, ít nói, ít cười, không chia sẻ với ai, đặc biệt là rất sợ hãi người khác giới vì bạn từng suýt bị xâm hại.

+ Trường hợp d: Anh em bạn Khởi không được quan tâm, chăm sóc chu đáo do bố mẹ bạn thường xuyên vắng nhà nhiều ngày, khiến cho hai anh em còi cọc và kết quả học tập không tốt.

Câu hỏi 3:

Xâm hại trẻ em gây ra những tổn thương nghiêm trọng và lâu dài cả về thể chất và tâm lí đối với người bị xâm hại:

Về thể chất: Những trẻ em bị xâm hại thường mang những vết sẹo, những di chứng trên cơ thể suốt đời. Hậu quả thường thấy nhất về mặt thể chất của trẻ là tình trạng chậm phát triển trong khả năng vận động, năng lực xã hội, khả năng nhận thức, thể hiện ngôn ngữ,…

Về hành vi: Trẻ có thể trở nên quá lệ thuộc, thụ động, tránh né mọi khả năng phải đối đầu, hoàn toàn phục tùng lời của người khác hoặc trở nên tiêu cực, hiếu chiến, phá phách, không yêu thương bản thân, có thể tự làm đau mình; khả năng tập trung kém, tự ti, tự hạ thấp giá trị bản thân,...

Về tâm lí: Bị hoảng loạn tinh thần, không tin tưởng vào người khác và môi trường xung quanh. Trẻ thường buồn rầu, chán nản và tự đổ lỗi, không còn yêu thương quý trọng bản thân, thậm chí có nạn nhân còn tự tử để chấm dứt những đau đớn phải chịu.

Do vậy, việc phòng, tránh xâm hại trẻ em là việc làm hết sức cần thiết để trẻ em được lớn lên trong tình yêu thương, được chăm sóc và phát triển toàn diện.

Lưu ý: Để tăng tính hấp dẫn và hiệu quả của quá trình thảo luận nhóm, GV có thể sử dụng kĩ thuật dạy học khăn trải bàn. Thành viên trong nhóm ghi câu trả lời của cá nhân về câu hỏi vì sao phải phòng, tránh xâm hại trước khi thống nhất đáp án ghi vào ô trung tâm của khăn trải bàn.

Hoạt động 3 *Tìm hiểu một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ em*

Mục tiêu: HS nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ em.

Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK, làm việc cá nhân để thực hiện yêu cầu: *Em hãy nêu một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ em.*

– HS thực hiện nhiệm vụ.

– GV mời một HS đọc to thông tin cho cả lớp cùng nghe.

– GV mời một vài HS trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập và kết quả làm việc của HS và kết luận:

Trẻ em cũng như các cá nhân cần được bảo vệ về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự. Bất kì hành vi nào làm tổn hại đến trẻ em, tuỳ theo mức độ, tính chất và hậu quả có thể bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Phòng, tránh xâm hại trẻ em không chỉ là trách nhiệm của cá nhân, gia đình mà còn là trách nhiệm của toàn xã hội.

Hoạt động 4 *Tìm hiểu một số cách phòng, tránh xâm hại*

Mục tiêu: HS nêu được một số cách phòng, tránh xâm hại.

Cách tiến hành:

Nhiệm vụ 1: Nhận diện các nguy cơ bị xâm hại

– GV hướng dẫn HS quan sát 4 bức tranh ở mục a trong SGK, thảo luận nhóm 4 HS để thực hiện yêu cầu:

+ *Em hãy nêu tình huống có nguy cơ bị xâm hại trong các bức tranh trên và giải thích vì sao.*

+ *Hãy nêu thêm các tình huống có nguy cơ bị xâm hại khác mà em biết.*

– HS thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân (quan sát tranh), thảo luận nhóm, ghi kết quả vào nháp để trả lời câu hỏi.

– GV mời đại diện một vài nhóm trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập và kết quả thảo luận của HS và kết luận:

+ Tranh 1: Bạn nữ không quen người đàn ông đó nhưng lại có ý định đi nhờ xe, điều này rất nguy hiểm, bạn có thể bị xâm hại về thể chất hoặc tình dục,…

+ Tranh 2: Bạn nam có thể bị xâm hại vì bạn không quen người phụ nữ đó nhưng lại thích thú khi được tặng quà, một người không quen biết mà tặng quà cho bạn thì phần lớn là có mục đích xấu.

+ Tranh 3: Nếu bạn nữ mở cửa cho người đàn ông lạ vào nhà thì sẽ có nguy cơ bị xâm hại về thể chất, tình dục,…

+ Tranh 4: Bạn nam có nguy cơ bị xâm hại nếu gặp người xấu vì bạn đi một mình ở nơi tối tăm, vắng vẻ.

Ngoài ra, còn có các tình huống khác có nguy cơ bị xâm hại như: đưa quá nhiều hình ảnh, thông tin của mình lên mạng xã hội; kết bạn, nói chuyện với những người không quen biết; tò mò truy cập vào những trang mạng có nội dung không lành mạnh; đi chơi với người mới quen trên mạng mà không có sự đồng ý của bố, mẹ;…

Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu cách phòng, tránh bị xâm hại

– GV hướng dẫn HS quan sát 4 bức tranh ở mục b trong SGK, thảo luận nhóm đôi HS để thực hiện yêu cầu:

+ *Em hãy nêu cách phòng, tránh bị xâm hại trong các bức tranh trên.*

+ *Hãy nêu thêm cách phòng, tránh bị xâm hại khác mà em biết.*

– HS thực hiện nhiệm vụ: Làm việc cá nhân (quan sát tranh), thảo luận nhóm đôi, ghi kết quả vào nháp để trả lời câu hỏi.

– GV mời đại diện một vài nhóm trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập và kết quả thảo luận của HS và kết luận:

+ Tranh 1: Bạn nữ từ chối không đi cùng người lạ, việc làm của bạn có tác dụng phòng, tránh được những nguy cơ bị xâm hại.

+ Tranh 2: Một người không quen mà lại muốn tặng quà chứng tỏ người đó có mục đích không tốt, bạn nam đã biết từ chối nhận quà từ người phụ nữ mà bạn không quen, điều này giúp bạn tránh được những nguy cơ bị xâm hại.

+ Tranh 3: Việc ở nhà một mình mà có người lạ xin vào nhà có thể dẫn đến nguy cơ bị xâm hại, bạn nữ đã biết cách phòng tránh khi bạn kiên quyết không cho người lạ vào nhà.

+ Tranh 4: Bạn nữ đã lường trước nguy cơ bị xâm hại nếu gặp người xấu khi đi một mình ở nơi tối tăm, vắng vẻ, do vậy bạn luôn đi cùng người thân những lúc phải đi bộ ở những nơi vắng vẻ.

Ngoài những cách trên, còn có những cách khác để phòng, tránh bị xâm hại như không cho người khác chạm vào vùng nhạy cảm hay có những hành động ôm ấp, vuốt ve nếu không thích; không chạm vào vùng nhạy cảm của người khác, nhất là người khác giới; không nên tò mò về cơ thể người khác để tránh bị lợi dụng dụ dỗ hay vô tình kích thích thú tính của những kẻ xấu; không bắt chuyện hay làm quen với bất kì ai mà em gặp trên đường nếu không có sự đồng ý của cha mẹ; không đi chơi một mình dù chỉ là sang nhà hàng xóm hay đến nhà người quen mà không có sự theo dõi của bố mẹ;…

Nhiệm vụ 3. ***Tìm hiểu cách ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại***

– GV tổ chức cho HS quan sát 4 bức tranh ở mục c trong SGK, thảo luận nhóm đôi và thực hiện yêu cầu:

+ *Em hãy nêu cách ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại trong các bức tranh trên.*

+ *Hãy nêu thêm cách ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại khác mà em biết.*

– HS thực hiện nhiệm vụ: Làm việc cá nhân (quan sát tranh, mô tả nội dung từng bức tranh), thảo luận nhóm đôi cách ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại, ghi kết quả vào nháp/phiếu học tập.

– GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập và kết quả thảo luận của HS; kết luận:

+ Tranh 1: Bạn nam thấy người đàn ông đó (quen hoặc không quen biết) có vẻ nguy hiểm nên bạn đã vội vã tránh xa để tránh được nguy cơ bị xâm hại.

+ Tranh 2: Bạn nữ đã vừa chạy vừa hô to để kêu cứu, gây sự chú ý đối với những người xung quanh, việc làm này giúp bạn tránh được nguy cơ bị xâm hại.

+ Tranh 3: Bạn nữ đã biết chia sẻ với cô giáo và nhờ cô giúp đỡ khi bạn bị mẹ mắng vô cớ, việc làm này giúp bạn giảm thiểu việc bị xâm hại về tinh thần.

+ Tranh 4: Bạn nữ đã kể với mẹ và cùng mẹ đến phòng tư vấn tâm lí học đường khi bị các bạn cô lập, xa lánh, việc làm này giúp bạn tránh được nguy cơ bị tổn thương tâm lí.

Ngoài những cách trên, còn có những cách khác để ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại như: tìm cách chạy trốn khi bị xâm hại; ghi nhớ số điện thoại của cha mẹ, số điện thoại khẩn cấp để sử dụng trong trường hợp khẩn cấp; báo ngay cho cha mẹ khi bị đe doạ; không sợ hãi, lo lắng khi có bất kì kẻ nào đe doạ hoặc làm tổn thương; trong trường hợp có kẻ xấu đe doạ phải giữ bí mật thì cần thông báo cho cha mẹ và người thân biết;…

Gợi ý phương án khác: GV có thể dùng kĩ thuật khăn trải bàn để tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ này.

* GV chốt kiến thức phần Khám phá (có thể dùng kĩ thuật dạy học sơ đồ tư duy để thực hiện nội dung này).

– Biểu hiện xâm hại trẻ em: đấm, đá, tát, mua bán, bóc lột, lăng mạ, chửi bới, chì chiết, bỏ mặc, xao nhãng, bắt nhịn ăn, nhịn uống, bắt chịu rét, dụ dỗ, xúi bẩy, lôi kéo, ép buộc dâm ô, giao cấu, hiếp dâm,...

– Xâm hại trẻ em đem lại những hậu quả nghiêm trọng, gây tổn thất về sức khoẻ thể chất và tinh thần, làm giảm khả năng học tập, hoà nhập xã hội và thậm chí có thể huỷ hoại các em, do vậy việc phòng, tránh xâm hại trẻ em là việc làm hết sức cần thiết.

– Để phòng, tránh xâm hại, pháp luật Việt Nam đã có quy định: bất kì hành vi nào làm tổn hại đến trẻ em, tuỳ theo mức độ, tính chất và hậu quả có thể bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Phòng, tránh xâm hại trẻ em không chỉ là trách nhiệm của cá nhân, gia đình mà còn là trách nhiệm của toàn xã hội.

– Để phòng tránh xâm hại, em cần biết nhận dạng, tránh xa và biết ứng phó phù hợp. Khi đứng trước nguy cơ bị xâm hại, hãy nhớ nguyên tắc hành động: Phản đối – Bỏ đi – Kể lại.

– HS đọc thông điệp trong SGK. GV giải thích thêm về ý nghĩa của thông điệp.

3. Luyện tập

Mục tiêu: HS được củng cố kiến thức, rèn luyện kĩ năng phòng, tránh xâm hại thông qua hoạt động bày tỏ ý kiến, nhận xét hành vi, xử lí tình huống.

Cách tiến hành:

Bài tập 1 *Bày tỏ ý kiến*

– GV hướng dẫn HS làm Bài tập 1 phần Luyện tập trong SGK.

– HS làm việc cá nhân.

– GV mời HS bày tỏ ý kiến bằng cách giơ thẻ thái độ hoặc sticker đồng tình hoặc không đồng tình.

– GV mời một vài HS giải thích vì sao em đồng tình/không đồng tình. Các HS khác nhận xét, đánh giá.

– GV nhận xét, kết luận:

+ Đồng tình với các ý kiến:

Ý kiến a. Vì trẻ em cũng như các cá nhân cần được bảo vệ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, do vậy mọi trẻ em đều có quyền được bảo vệ khỏi các hình thức xâm hại.

Ý kiến d. Vì thủ phạm xâm hại trẻ em có thể là bất kì ai, ngay cả bạn bè cùng tuổi.

Ý kiến e. Vì bất kì ai cũng có thể là nạn nhân của xâm hại tình dục.

+ Không đồng tình với các ý kiến:

Ý kiến b. Vì thủ phạm xâm hại trẻ em vừa có thể là người mà trẻ quen biết, vừa có thể là những người lạ mà trẻ không quen biết.

Ý kiến c. Vì nhiều trẻ em bị xâm hại bởi chính người quen, thân của trẻ.

Lưu ý: GV có thể sử dụng kĩ thuật dạy học tranh luận ủng hộ – phản đối. Với mỗi ý kiến GV chọn 2 nhóm (1 nhóm ủng hộ và 1 nhóm phản đối) để cùng đưa ra ý kiến của mình. Các nhóm khác có thể tiếp tục thể hiện quan điểm đồng ý hoặc không đồng ý với các lí lẽ do các nhóm đưa ra.

Bài tập 2 *Nhận diện các biểu hiện của xâm hại*

– GV tổ chức cho HS đọc các hành vi ở bài tập 2 phần Luyện tập, thảo luận cặp đôi để nhận diện các biểu hiện của xâm hại.

– GV tổ chức cho một số nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, bổ sung, phản biện. GV mời một số nhóm giải thích lí do vì sao phản biện.

– GV nhận xét, kết luận:

+ Trường hợp a: Việc làm của bạn Lân là biểu hiện của việc xâm hại về tinh thần đối với bạn Cường vì đã khiến bạn trở nên buồn bã, thiếu tự tin.

+ Trường hợp b: Việc làm của bác sĩ không phải là biểu hiện của xâm hại vì bác sĩ khám ngực cho An khi có cả mẹ bạn ở đó.

+ Trường hợp c: Đây là biểu hiện của xâm hại tinh thần và xâm hại thể chất vì việc cáu gắt, đánh, mắng của mẹ đối với Gia sẽ làm bạn tổn thương về tâm lí, chịu đau đớn về cơ thể,…

+ Trường hợp d: Đây là biểu hiện của xâm hại tình dục vì việc vuốt má, sờ vào người Hạ của chú hàng xóm làm bạn sợ hãi, không thoải mái.

+ Trường hợp e: Đây là biểu hiện của sao nhãng vì bố đã đối xử tệ với Tâm, bắt bạn phải nghỉ học để làm các công việc nhà.

Bài tập 3 *Lựa chọn cách ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại*

– GV hướng dẫn HS làm bài tập 3 trong SGK.

– HS làm việc theo nhóm 4 em, thảo luận để thống nhất cách lựa chọn.

– GV tổ chức cho một số nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, bổ sung, phản biện. GV mời một số nhóm giải thích lí do vì sao phản biện.

– GV nhận xét, kết luận:

+ Lựa chọn cách b, c, e, g, h, i. Khi gặp nguy cơ bị xâm hại vì đây là những cách làm hiệu quả để phòng tránh, ngăn chặn, khắc phục hậu quả khi có nguy cơ bị xâm hại.

+ Không lựa chọn cách a, d. Khi gặp nguy cơ bị xâm hại vì nếu run sợ, khóc lóc thì sẽ không đủ tỉnh táo để tìm được cách ứng xử phù hợp, việc chịu đựng hành vi xâm hại sẽ khiến cho kẻ xấu sẽ tiếp tục xâm hại,…

Bài tập 4 *Xử lí tình huống*

– GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, đọc tình huống, thảo luận để đưa ra phương án xử lí tình huống.

– HS thực hiện nhiệm vụ.

– GV quan sát, hỗ trợ những nhóm gặp khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ.

– GV mời đại diện các nhóm trình bày phương án xử lí. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá, đưa ra cách xử lí khác.

– GV nhận xét, kết luận:

+ Tình huống a: Thanh nên đối diện trực tiếp, nói các bạn đó dừng việc trêu chọc, bàn tán về ngoại hình và giải thích cho các bạn hiểu đó là việc làm xâm hại tinh thần. Nếu các bạn đó tiếp tục trêu chọc thì Thanh cần nói với thầy, cô giáo để nhờ thầy cô giúp đỡ, ngăn chặn.

+ Tình huống b: Dung nên giải thích cho mẹ hiểu trẻ em cũng có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, mẹ không được đọc nhật kí của Dung nếu chưa được sự đồng ý của bạn.

+ Tình huống c: Hải cần yêu cầu các bạn dừng việc đe doạ, đánh bạn cùng lớp với mình vì đây là hành vi xâm hại thể chất và tinh thần. Nếu các bạn không dừng việc làm đó thì Hải cần tìm sự giúp đỡ của các bạn khác hoặc thầy, cô giáo, bác bảo vệ,… để ngăn chặn hành vi này.

+ Tình huống d: Kiên nên đi đến chỗ sáng, có người lớn và nói rõ nỗi sợ hãi của mình và nhờ sự giúp đỡ.

+ Tình huống e: Quỳnh cần giữ bình tĩnh, nói to, rõ ràng yêu cầu chú hàng xóm chấm dứt hành động đó, nếu chú vẫn tiếp tục thì bạn cần hét to để thu hút sự chú ý của những người xung quanh và nhờ họ giúp đỡ. Khi về nhà, bạn cần kể cho người thân biết để có cách xử lí.

Bài tập 5 *Xây dựng tiểu phẩm và đóng vai*

– GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, xây dựng tiểu phẩm và đóng vai (mỗi nhóm lựa chọn một tình huống).

– HS thảo luận, xây dựng kịch bản, phân công đóng vai.

– GV hướng dẫn, giải đáp, hỗ trợ, định hướng cho các nhóm. Có thể theo gợi ý:

+ Bị đe doạ: Không nên có cử chỉ hay hành vi khiêu khích, cần giữ bình tĩnh và có thể nói (nếu bị bạn cùng lứa đe doạ): "Bạn thôi ngay đi, nếu không tớ sẽ mách cô giáo, việc đe doạ của bạn sẽ gây ra nhiều rắc rối như: bị tố cáo, bị đuổi học, gây nguy hiểm cho người khác,…" Nếu bạn/người đó vẫn cố tình thực hiện hành vi đe doạ thì cần nhờ sự giúp đỡ từ thầy, cô giáo (nếu ở lớp), từ người thân (nếu ở nhà), nhờ những người đáng tin cậy như chú bảo vệ, công an (nếu ở nơi công cộng).

+ Bị chửi mắng: Giữ bình tĩnh, hít thở thật sâu và dành thời gian tĩnh tâm trước khi phản ứng lại; yêu cầu người chửi mắng giải thích vì sao lại nói những lời đó; giữ khoảng cách, hạn chế nói chuyện với những người luôn cố ý gây chuyện, thích châm chọc người khác;…

+ Bị bỏ rơi, ít được quan tâm: Bình tĩnh suy nghĩ, tìm hiểu nguyên nhân vì sao bố mẹ ít quan tâm đến mình; chờ những khi bố mẹ vui, hãy trao đổi với bố mẹ những suy nghĩ, mong muốn của bản thân mình;… nếu tình hình không được cải thiện, cần nhờ đến sự giúp đỡ của người thân, thầy, cô giáo, tổng đài Quốc gia bảo vệ trẻ em,…

– Lần lượt các nhóm lên đóng vai, các nhóm khác chú ý quan sát, nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét, khen ngợi các nhóm có tiểu phẩm hay, cách xử lí đúng.

4. Vận dụng

Mục tiêu: HS kết nối những điều đã học với thực tiễn cuộc sống bằng những việc làm cụ thể.

Cách tiến hành:

1. Ghi lại những điều nên làm và không nên làm để phòng, tránh bị xâm hại

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân/nhóm để thực hiện bài tập vận dụng số 1 trong SGK (mục 1 phần Vận dụng).

– HS có thể thực hiện nhiệm vụ trên lớp hoặc về nhà, giờ học sau nộp cho GV. GV cho HS nhận xét, đánh giá chéo sản phẩm của nhau.

2. Sưu tầm bài thơ, bài hát hoặc thiết kế tờ rơi

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân/nhóm để thực hiện bài tập vận dụng số 2 phần Vận dụng: Sưu tầm bài thơ, bài hát,... hoặc thiết kế tờ rơi tuyên truyền về phòng, tránh xâm hại; sau đó, chia sẻ với các bạn trong lớp.

– HS có thể thực hiện nhiệm vụ trên lớp hoặc về nhà, giờ học sau nộp cho GV hoặc treo ở giá/tường lớp học. GV sử dụng kĩ thuật phòng tranh, tổ chức cho HS quan sát sản phẩm, nhận xét, đánh giá.

3. Đóng vai tuyên truyền viên

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đóng vai là tuyên truyền viên để phổ biến đến một người bạn các kĩ năng phòng, tránh xâm hại.

– HS thực hiện nhiệm vụ ở nơi cư trú hoặc ở lớp, buổi học sau báo cáo kết quả với GV.

Chủ đề 8 SỬ DỤNG TIỀN HỢP LÍ

Bài 8 SỬ DỤNG TIỀN HỢP LÍ (4 TIẾT)

I YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau bài học này, HS cần:

– Nêu được một số biểu hiện của việc sử dụng tiền hợp lí.

– Biết vì sao phải sử dụng tiền hợp lí.

– Nêu được cách sử dụng tiền hợp lí.

– Thực hiện được việc sử dụng tiền hợp lí.

– Góp ý với bạn bè để sử dụng tiền hợp lí.

Từ đó, HS có cơ hội hình thành và phát triển:

– Năng lực điều chỉnh hành vi: biết điều chỉnh những hành vi chưa đúng của bản thân và tác động điều chỉnh hành vi của bạn bè để có kế hoạch và thực hiện được việc sử dụng tiền hợp lí.

– Năng lực tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: bước đầu biết tìm hiểu và tham gia một số hoạt động quản lí tài chính cá nhân: mua sắm, tiết kiệm, tạo nguồn thu nhập cá nhân phù hợp với lứa tuổi.

– Phẩm chất trách nhiệm trong sử dụng tiền.

II ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SGK, SGV, Vở Bài tập Đạo đức 5.

– Video clip Cha Ching 7: *Hãy biết chi tiêu một cách khôn ngoan nhé bạn tôi* (https://www.youtube.com/watch?v=I-mgLLjJufk); Bộ tranh minh hoạ những nét cơ bản của đồng tiền Việt Nam theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT.

– Máy chiếu, máy tính, thẻ bày tỏ thái độ, phiếu học tập, sticker,…

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

Mục tiêu: Tạo tâm thế, hứng thú học tập cho HS để dẫn vào bài mới.

Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS chia sẻ trải nghiệm: *Hãy chia sẻ với các bạn về việc em đã sử dụng tiền tiết kiệm của mình như thế nào.*

– GV nhận xét, kết luận, dẫn vào bài mới: Trong cuộc sống hằng ngày, mỗi người đều phải ăn uống, vui chơi, học tập,… Để thực hiện những hoạt động đó, chúng ta cần phải có tiền và biết sử dụng tiền hợp lí. Vậy thế nào là sử dụng tiền hợp lí và vì sao chúng ta

phải sử dụng tiền hợp lí, bài học "Sử dụng tiền hợp lí" sẽ giúp các em giải đáp được những băn khoăn này.

** Gợi ý một số cách khởi động khác:*

– Cho HS xem video/hát bài *Hãy biết chi tiêu một cách khôn ngoan nhé bạn tôi* (https://www.youtube.com/watch?v=I-mgLLjJufk) và trả lời câu hỏi: *Video nhắc nhở chúng ta điều gì?*

– Tổ chức cho HS tham gia trò chơi "Hãy chọn giá đúng": GV cho HS quan sát và đoán giá một số đồ vật quen thuộc, từ đó tự nhận xét về cách mua sắm của bản thân.

2. Khám phá

Hoạt động 1 *Khám phá các biểu hiện của việc sử dụng tiền hợp lí*

Mục tiêu: HS nêu được các biểu hiện của việc sử dụng tiền hợp lí.

Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS quan sát 6 bức tranh trong mục 1 phần Khám phá và thực hiện yêu cầu:

+ Mô tả nội dung các bức tranh.

+ Nêu biểu hiện sử dụng tiền hợp lí của hai chị em trong các bức tranh.

– HS thực hiện nhiệm vụ: Làm việc cá nhân (quan sát tranh, mô tả nội dung từng bức tranh), thảo luận nhóm đôi về các biểu hiện của sử dụng tiền hợp lí, ghi kết quả vào nháp/phiếu học tập.

– GV mời HS lần lượt mô tả nội dung từng bức tranh; đại diện các nhóm nêu từng biểu hiện của sử dụng tiền hợp lí.

– Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập và kết quả thảo luận của HS; kết luận: Biểu hiện của sử dụng tiền hợp lí: Lên kế hoạch trước khi mua sắm (tranh 2); so sánh giá cả hàng hoá cùng loại, lựa chọn hàng hoá có giá cả hợp lí (tranh 3); cân nhắc, tính toán giữa nhu cầu và mong muốn để quyết định mua hàng hoá nào phù hợp với nhu cầu, sự cần thiết của bản thân trước (tranh 4); cân nhắc khi mua hàng khuyến mại, mua hàng vừa đủ dùng (tranh 5); nuôi lợn đất để tiết kiệm tiền (tranh 6).

Gợi ý phương án khác:

– GV có thể dùng kĩ thuật khăn trải bàn để tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ này.

– GV tiếp tục hướng dẫn HS tìm hiểu mở rộng: *Hãy kể thêm các biểu hiện khác của việc sử dụng tiền hợp lí.*

Ví dụ: Không mua hàng quá hạn sử dụng, đặc biệt là thực phẩm; không ham hàng rẻ, kém chất lượng; không vay mượn để mua hàng theo sở thích,…

Hoạt động 2 *Khám phá ý nghĩa và cách sử dụng tiền hợp lí*

Mục tiêu: HS giải thích được lí do vì sao phải sử dụng tiền hợp lí và biết cách sử dụng tiền hợp lí.

Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm đôi, đọc thông tin "Cô bé bán chè bưởi" trong mục 2 phần Khám phá và trả lời câu hỏi:

+ *Bạn Bống đã sử dụng tiền như thế nào? Em có nhận xét gì về cách sử dụng tiền của bạn?*

+ *Việc sử dụng tiền hợp lí có tác dụng như thế nào?*

+ *Theo em, vì sao chúng ta phải sử dụng tiền hợp lí?*

– HS đọc thông tin, thảo luận nhóm đôi, ghi kết quả thảo luận vào nháp/phiếu học tập.

– GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận.

– Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có ý kiến khác).

– GV nhận xét, kết luận:

+ Bạn Bống đã kinh doanh chè bưởi và chia tiền lãi trong kinh doanh thành 6 phần. (Có thể giảng giải thêm về nguyên tắc 6 chiếc lọ trong quản lí tài chính cá nhân). Cách sử dụng tiền của bạn Bống rất hợp lí và thông minh.

+ Việc sử dụng tiền hợp lí có tác dụng giúp bạn Bống tạo được nguồn thu nhập, có tiền tiết kiệm, chi tiêu, đáp ứng nhu cầu của bản thân, giúp đỡ bố mẹ và những người gặp khó khăn trong cuộc sống.

+ Chúng ta phải sử dụng tiền hợp lí vì để có tiền chủ động trong chi tiêu, đáp ứng được nhu cầu của bản thân, giúp chúng ta sống thoải mái và an tâm trước những rủi ro, bất ngờ trong cuộc sống và có thể giúp đỡ những người gặp khó khăn.

* GV chốt kiến thức phần Khám phá:

– Tiền bạc là công sức của người lao động, vì vậy chúng ta phải biết sử dụng tiền hợp lí, tránh lãng phí. Để sử dụng tiền hợp lí, cần:

+ Lên kế hoạch trước khi mua sắm.

+ Chọn nơi có giá cả hợp lí.

+ Mua hàng vừa đủ dùng.

+ Không mua hàng rẻ, kém chất lượng.

+ Mua hàng phù hợp với hoàn cảnh gia đình mình và với số tiền mình hiện có.

– Việc sử dụng tiền hợp lí giúp chúng ta có tiền chủ động trong chi tiêu, đáp ứng được nhu cầu của bản thân, phòng ngừa rủi ro và giúp đỡ những người gặp khó khăn trong cuộc sống.

– HS đọc thông điệp trong SGK. GV giải thích thêm về ý nghĩa của thông điệp.

3. Luyện tập

Mục tiêu: HS được củng cố được tri thức, rèn luyện kĩ năng qua việc bày tỏ ý kiến, lựa chọn, nhận xét hành vi, xử lí tình huống,… liên quan đến việc sử dụng tiền hợp lí.

Cách tiến hành:

Bài tập 1 *Bày tỏ ý kiến*

– GV tổ chức cho HS làm bài tập 1 trong SGK (mục 1 phần Luyện tập).

– HS làm việc nhóm đôi, ghi kết quả thảo luận vào nháp/phiếu học tập.

– GV mời đại diện 1 nhóm lên trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác nhận xét, đánh giá.

– GV nhận xét, kết luận:

+ Ý kiến đúng: b, c, d, g.

+ Ý kiến không đúng:

a. Việc sử dụng tiền hợp lí phải được giáo dục tới từ những lớp nhỏ hơn. Lớp 4 đã học bài "Quý trọng đồng tiền".

e. Người giàu có vẫn phải sử dụng tiền hợp lí để có điều kiện kiếm được nhiều tiền hơn nữa hoặc để phòng những rủi ro bất ngờ ập đến.

Gợi ý phương án khác để tổ chức hoạt động: GV có thể tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc lần lượt sắm vai bày tỏ ý kiến và hỏi cả lớp có đồng tình với ý kiến của mình không.

Bài tập 2 *Lựa chọn hành vi*

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để thực hiện bài tập 2 trong SGK (mục 2 phần Luyện tập).

– HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, hỗ trợ những HS gặp khó khăn.

– GV mời một vài HS trình bày kết quả. Các HS trong lớp lắng nghe, bày tỏ thái độ đồng tình/không đồng tình với các ý kiến bằng cách giơ tay. GV mời một số HS giải thích lí do vì sao đồng tình/không đồng tình với ý kiến đó.

– GV nhận xét, kết luận:

+ Hành vi nên làm: b, c, d, e, g, i.

+ Hành vi không nên làm:

a. Có những cái mình thích nhưng lại không phải là nhu cầu thiết yếu, cũng có cái mình thích nhưng chỉ thời gian ngắn sau đó lại không thích, hoặc mình thích nhưng ít tiền mà phải cố mua thì sẽ dẫn tới khó khăn về tiền bạc.

h. Đồ ăn giảm giá thường gần hết hạn sử dụng, nếu tích trữ những đồ ăn đó thì ta sẽ phải ăn đồ quá hạn sử dụng, ảnh hưởng không tốt đến sức khoẻ; còn nếu bỏ đi thì lãng phí tiền bạc, của cải.

Bài tập 3 *Nhận xét hành vi*

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm đôi, làm bài tập 3 trong SGK (mục 3 phần Luyện tập).

– HS đọc bài tập, suy nghĩ, thảo luận nhóm, ghi kết quả thảo luận vào nháp/phiếu học tập.

– GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có ý kiến khác).

– GV nhận xét, gợi ý câu trả lời:

+ Trường hợp a:

Bạn Phụng chỉ nên dùng một phần tiền mừng tuổi để khao kem các bạn, số tiền còn lại nên để dành tiết kiệm và chi tiêu vào những việc khác.

Bạn Toàn nên cân nhắc xem mình thực sự có những nhu cầu gì để có thể sử dụng một phần tiền mừng tuổi đáp ứng nhu cầu đó rồi hãy bỏ tiền nuôi lợn đất.

Cách sử dụng tiền của bạn Thảo và bạn Vân hợp lí.

Tuy nhiên, phải dựa trên hoàn cảnh cụ thể (số tiền mừng tuổi, nhu cầu của các bạn, hoàn cảnh gia đình,…) để đưa ra quyết định sử dụng tiền mừng tuổi phù hợp.

+ Trường hợp b:

Ý kiến của Hằng hợp lí vì vừa tiết kiệm được tiền lại vừa giúp cho món quà tặng bạn đẹp hơn, có giá trị hơn.

Ý kiến của Triều không hợp lí vì 10 000 đồng cũng quý.

Cân nhắc ý kiến của Quang: Nếu món quà đó có hình thức đẹp, có thể không cần thiết phải gói, nhưng nếu tặng quà được gói trong hộp đẹp thường sẽ lịch sự hơn và tạo cảm giác tò mò thú vị hơn cho người nhận quà.

Bài tập 4 *Xử lí tình huống*

– GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 4: Đọc tình huống, xây dựng kịch bản, sắm vai xử lí tình huống ở bài tập 4 trong SGK mục 4 phần Luyện tập.

.– HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, hỗ trợ những nhóm gặp khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ.

– GV mời đại diện các nhóm lên sắm vai xử lí tình huống. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá, đưa ra cách xử lí khác.

– GV nhận xét, kết luận:

+ Tình huống a: Chỉ dùng một phần để chiêu đãi các bạn.

+ Tình huống b: Cân nhắc: Nếu món quà ấy thực sự cần đối với em thì có thể mua. Nếu món quà ấy em thích nhưng chưa thực sự cần đối với em, có thể không mua.

+ Tình huống c: Nếu em thực sự cần đến chiếc xe đạp đó thì nên mua. Nếu chưa thực sự cần (vì đã có xe đạp cũ/nhà ở gần trường,…) thì hãy nhờ bố gửi ngân hàng lấy lãi để có tiền phục vụ cho nhiều nhu cầu khác nữa.

+ Tình huống d: Thường thì không nên vay mượn tiền để mua sắm. Nhưng nếu em gần đủ tiền và thực sự cần bộ sách đó thì có thể vay bạn để mua rồi trả đúng hạn.

Gợi ý: HS có thể sắm vai tình huống mở, đã có cách xử lí tình huống nhưng chỉ dừng ở việc sắm vai tình huống như trong SGK, sau đó hỏi ý kiến các bạn trong lớp cách xử lí tình huống đó như thế nào.

Bài tập 5 *Đưa ra lời khuyên cho bạn*

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm đôi, thực hiện bài tập 5 trong SGK (mục 5 phần Luyện tập).

– HS làm việc nhóm: đọc tình huống trong bài tập 5, thảo luận để đưa ra lời khuyên hợp lí. Có thể theo cách: Một HS sắm vai nhân vật trong tình huống cần có lời khuyên; một HS sắm vai người đưa ra lời khuyên.

– GV mời các nhóm lên trình bày kết quả làm việc nhóm.

– GV nhận xét, gợi ý lời khuyên và kết luận:

+ Tình huống a: Khuyên Na không nên làm thế vì việc nhịn ăn sáng sẽ làm ảnh hưởng không tốt tới sức khoẻ và kết quả học tập. Na nên tiết kiệm dần dần để có đủ tiền mua món đồ đó.

+ Tình huống b: Nam không nên làm thế vì nếu dùng hết tiền để mua rô-bốt, bạn sẽ không có tiền để làm những việc khác nữa. Nam nên tiết kiệm dần dần để có đủ tiền mua rô-bốt.

+ Tình huống c: Dung nên tiết kiệm một phần tiền, còn lại dùng một phần để chi tiêu cho những nhu cầu cần thiết của bản thân.

+ Tình huống d: Thanh nên dùng máy tính bỏ túi cũ, tiết kiệm tiền để bố mẹ đỡ một phần vất vả kiếm tiền.

Gợi ý: Tương tự bài tập 4, GV có thể mời HS lần lượt sắm vai bạn cần có lời khuyên trong mỗi tình huống và hỏi ý kiến cả lớp xem các bạn sẽ khuyên mình như thế nào. Theo cách này, mỗi tình huống sẽ có nhiều lời khuyên khác nhau. GV hỗ trợ, định hướng cho HS lựa chọn lời khuyên nào hợp lí.

4. Vận dụng

Mục tiêu: HS kết nối được những điều đã học với thực tiễn cuộc sống bằng những việc làm cụ thể.

Cách tiến hành:

1. Thử tài chi tiêu.

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để thực hiện bài tập 1 phần Vận dụng.

– Lần lượt một số HS trong lớp trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ. Các bạn khác lắng nghe, quan sát, nhận xét.

– GV nhận xét, kết luận.

– Gợi ý: GV có thể cho HS bình chọn xem cách chi tiêu của bạn nào hợp lí hơn.

2. Lập bảng theo dõi chi tiêu

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân/nhóm để thực hiện bài tập 2 phần Vận dụng.

– HS có thể thực hiện nhiệm vụ trên lớp hoặc về nhà, giờ học sau nộp cho GV. GV tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá chéo sản phẩm của nhau.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN THỊ TRANG – VŨ THỊ LAN ANH

Thiết kế sách: LÊ THẾ HẢI

Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA

Sửa bản in: PHẠM THỊ TÌNH – TRẦN THU HÀ

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

ĐẠO ĐỨC 5 - SÁCH GIÁO VIÊN

Mã số:

In ..... cuốn (QĐ ..... SLK), khổ 19 x 26,5cm.

In tại Công ty Cổ phần in .....
Số ĐKXB: ...../CXBIPH/...../GD
Số QĐXB: ..... / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm
In xong và nộp lưu chiểu tháng ..... năm
Mã số ISBN: 978-604-0-.....



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 5 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Tiếng Việt 5, tập một – SGV
2. Tiếng Việt 5, tập hai – SGV
3. Toán 5 – SGV
4. Khoa học 5 – SGV
5. Đạo đức 5 – SGV
6. Âm nhạc 5 – SGV
7. Mĩ thuật 5 – SGV
8. Công nghệ 5 – SGV
9. Lịch sử và Địa lí 5 – SGV
10. Tin học 5 – SGV
11. Hoạt động trải nghiệm 5 – SGV
12. Giáo dục thể chất 5 – SGV
13. Tiếng Anh 5 – Global Success – SGV

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG